



NEUROTONIC

CÔNG HIỆU NHƯ THẦN

★ BỒI BỔ ÓC

★ TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ

★ BẢO VỆ SINH LỰC

Vb P59
PHỔ THÔNG

223

15-5-1989

May 15, 69



PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XAY DUNG VAN HOA VIETNAM
PHO BIEN VAN HOA DONG TAY KIM CO

Giám-đốc, Chủ bút; Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn · 231 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — ĐT 25861

Năm thứ XI — số 223 — 15-5-1969

1 — Huyền Thoại Quốc Gia	N.V.	5 — 10
2 — Bao-Công tra án (t. theo) Lý-Minh-Thắng		11 — 17
3 — Chùa Phật Bà của Việt Kiều ở Thái Lan	Đông Tùng	18 — 20
4 — Ngâm ngùi (thơ)	Vũ Duy Trúc	21
5 — Vụ án Thị Lộ	Đông Tùng	22 — 31
6 — Người Chăm Bà Ni	Jaya Panrang	32 — 45
7 — Báo chí ở Cao Miên	Lê Hương	46 — 50
8 — Tiếng ngâm thơ	Ng-Đặng-Phong	51
9 — Giáo sư Phùng Lê Ánh	N.V.	52 — 53
10 — Paris dưới mắt một du khách V.N.	Trương Thế Phiêu	54 — 61
11 — Tư Duy (thơ)	Giang-Hoa	62
12 — Hồ xuân Hương	N.V.	63 — 67
13 — Rồi đến một ngày	Thu Mai	68 — 74
14 — Con vỏi con vỏi	Cao-Nguyên-Lang	75 — 82
15 — Minh ơi !	D.H.	83 — 92

16 — Mẫu anh tồ thẩm (thơ)	Linh Giang	93 — 94
17 — Bạn đọc viết		95 — 100
18 — Tiếng nói của thế hệ	1) Trúc-Diệp	101 — 104
	2) Ng-văn-Hòa	105 — 108
19 — Sinh-khí Văn-nghệ		109 — 111
20 — Rời mai đây (thơ)	Ng-Mập-Lâm	112 — 113
21 — Thay quả tim	BS Hoàng-Mộng-Lương	114 — 117
22 — Đáp bạn 4 phương		118 — 121
23 — Cột đồng Mã Viện	Bùi-Thế-Cang	122 — 127
24 — Sách báo mới		128

- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỒ-THÔNG**, nhưng yêu cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí **PHỒ-THÔNG**» và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by **PHỒ-THÔNG**, printed in Viet-Nam.

Tổng phát hành **PHỒ-THÔNG** toàn-quốc :
ĐỒNG NAI 270 Đề-Thám — Saigon

- Tổng-phát-hành **PHỒ-THÔNG** ở Âu-Châu và Phi-châu
- Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
- Our general agent in Europa — Africa
LONG-HIỆP

13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS và
Vente — abonnements — Publicité)

PHẢI
CÓ
MỘT



Huyền-Thoại Quốc-Gia

(UNE MYSTIQUE
NATIONALE)

Mới Tung-Bùng QUẬT-KHỎI

★ NGUYỄN-VỸ

CÁC ông muốn làm gì thì làm, muốn đoàn kết liên minh đảng phái, hơ hao nỗ lực hy sinh, chuẩn bị đấu tranh chính trị, v.v... đều tốt đẹp cả.

Nhưng phải có một Huyền Thoại Quốc gia, như phải có Men mới nấu được rượu. Nếu không, chỉ thành ra nước lã mà thôi.

Phải có một «mystique Nationale» thì cả một Dân tộc đã chán chương bi hận này mới lên men nổi, mới vùng dậy mạnh được, mới kích động tinh thần Nòi giống, mới tung bừng phấn khởi, quật cường.

Quốc gia là ai ? Là gì ? Có phải là 17 triệu Nhân dân hiện tại mà ai ai kia đã tàn nhẫn phân qua... đang sống ở Miền Nam này không ? Phải, thì phải gây một lòng tin mạnh mẽ cho tất cả 17 triệu người ấy. Cho tất cả các tầng lớp Nhân dân ấy, từ dưới lên trên, và từ dưới trước hết. Phải một đợt sóng thần xao động từ dưới đáy biển bùng dậy, chứ không phải những gợn sóng thủy triều đầy đưa trên mặt gió.

Xin các ông đừng quên rằng : tất cả các biến cố vĩ đại màu nhiệm nhất của Lịch sử các dân tộc từ thượng cổ đến nay, đều do sức mạnh phi thường nung đúc bởi một Huyền thoại chói lọi như hào quang Thượng đế. César, Alexandre, Napoléon, đó là huyền thoại. Karl Marx, Lénine, Staline, Hitler, là huyền thoại. Thái dương Thần nữ Amaterazu là huyền thoại. Hội nghị Diên Hồng là huyền thoại. Mê Linh, Lam Sơn, Đống Đa, là huyền thoại.

Huyền Thoại, là một tiếng gọi thiêng liêng mà toàn thể đều hưởng ứng từ trong tâm khảm. Là một dấu hiệu nhiệm màu mà toàn thể đều thành tín noi theo. Huyền Thoại, là Lòng Tin tuyệt đối, tuyệt vời, tuyệt diệu, của tất cả như một, của 17 triệu như một, Lòng Tin sâu đậm bất di bất dịch, bất khuất, bất úy, của toàn dân đặt hết vào một Tin điều. Một tượng trưng. Một thực thể huyền linh. Một sức mạnh toàn thắng.

Xin các ông chớ quên rằng : mọi sức mạnh bền bỉ đều từ dưới vọt lên. Không có sức mạnh nào chân chính từ trên ban bố xuống. Sức mạnh của quảng đại quần chúng là huyết mạch của nhân dân vọt lên từ nguồn gốc nhân dân, từ cội rễ ăn sâu trong lòng đất.

Các ông ngồi riêng rẽ trong phòng có máy lạnh, bàn cãi về lý thuyết, danh từ, Chương trình, kế hoạch. Các tầng lớp dân chúng không lưu ý đến, không ham mê theo rồi, không thiết thực quan tâm. Vì không có một hương men nào tạo ra năng lực cho toàn thể.

Đâu là huyền thoại nhiệm màu, đem sinh khí vào thụ động biến thành xáo động, để thúc đẩy nhân tâm?

Một huyền thoại đã hình thành chói rạng, là Thần nữ Amaterazu của Dân tộc Phù Tang. Nó đã sống lâu 600 năm trước J.C., — 2569 năm đến nay.

Trong những giờ phút nghiêm trọng của Lịch sử, bất cứ nước nào, Dân tộc nào, cũng cần phải có một huyền thoại để tạo luyện ý chí, để tăng cường tin tưởng, để quật khởi nhân dân. Nó là sức mạnh thần linh siêu việt của phi đoàn Kamikazé, của thanh niên chiến đấu Hitlerjugend, của 28 câu thơ «Nam Quốc Sơn Hà» của Lý Thường Kiệt, của đoàn quân ô hợp Mê Linh.

Cộng Sản, người thủ đoạn tuyên truyền, cũng có huyền thoại của họ: huyền thoại Cộng Sản, — la mystique communiste, — huyền thoại Hồ chí Minh, Huyền thoại Mao Trạch Đông. Huyền thoại phải bắt chấp lý trí khoa học, vượt

qua thực tế lịch sử, tạo ra cả một thực tế lịch sử theo khuôn khổ thích nghi của chủ nghĩa.

Cách mạng Pháp 1789 dựa trên huyền thoại nào? — Huyền thoại Nữ thần Tự do, Đền đổi nhân dân cách mạng hăng hái trồng «Cây Tự do», — L'Arbre de la Liberté, — khắp các phố phường. Huyền thoại La «Cocarde Tricolore» ăn sâu vào lòng hăng say cách mạng của những người 1789, đến đổi Bonaparte, rồi Napoléon Ier, phải dùng đến nó để kéo cả đoàn «Quân đội Vĩ đại», La Grande Armée, đi dấn lên khắp đất đai Âu Châu.

Chiến tranh Độc lập Huê Kỳ cũng phải nêu ra huyền thoại Nữ Thần Tự Do, mà pho tượng hùng dũng còn đứng hãnh diện trước cửa New York cho đến ngày nay.



Các ông quyết đấu tranh chính trị đương đầu với Cộng Sản. Các ông lấy gì để đương đầu với họ? — Quân đội, họ cũng có Quân đội. Nhân dân, họ cũng có nhân dân. Nhưng để đối chọi với cái mạnh nhất của họ, là huyền thoại Cộng Sản, chúng ta có huyền thoại gì?

Liên minh các đảng phái, cho là 10 đảng, hay 100 đảng

đi nữa, đã gây được Huyền thoại Quốc gia hay không ?

Chúng ta có đủ cả. Có nhiều hơn Cộng sản nữa : nhân dân, Quân đội, súng đạn, phi cơ, bạc tiền, lúa gạo. Nhưng tất cả ngần ấy cái sẽ chẳng còn cái nào, nếu chúng ta thiếu một cái mà thôi. Một cái vô hình, nhưng sức mạnh như sắt như sét. Một cái đó sẽ làm tóc dựng cơn gió lật ngào của tin tưởng, của vinh quang kiêu hãnh.

Nó sẽ thổi phồng lên ngọn lửa từng bừng của nồng nhiệt, của hăng say quyết thắng Của toàn thắng. Cái đó sẽ nung nấu ý chí gan thép, và sức mạnh ghê gớm của toàn Dân.

Cái đó, là Huyền thoại Quốc gia. Nó phải có, nó rất cần thiết, bởi nó là khi giới mẫu nạm chống lại cái huyền thoại Cộng Sản.

Kỷ nguyên Lạc Long, năm 4848,



những lối điều tra thuở xưa của

Bao Công

★ LÝ-MINH-THẮNG

(Tiếp theo P.T. số 222)

□ Một vụ tráo hôn

Lâu ngày không thấy Viễn Chiêu tức đình thăm mình, Bao Công liền thảo một bức thư sai lính mang tới cho chàng.

Sau đó có bà Dương thị trình Bao công nhờ ông xét xử một việc hệ trọng.

— Bẩm thượng quan, chồng kẻ tiện dân chết đã lâu, hiện nay kẻ tiện dân chỉ có hai đứa con gái đã tới tuổi lấy chồng. Đứa lớn tên Kim Hương, đứa nhỏ tên Ngọc Hương. Kẻ tiện dân có

hứa gả con Ngọc Hương cho con trai ông Triệu quốc Thành. Không ngờ sắp tới ngày rước dâu thì con Ngọc Hương trốn đi mất. Kẻ tiện dân đành phải gả con Kim Hương để thay thế, nhưng bên nhà trai không chịu. Nay kẻ tiện dân mong thượng quan xét xử cho.

Bên nhà trai, ông Triệu quốc Thành cũng bước ra khai :

— Tôi định hỏi con nhỏ Ngọc Hương cho con trai tôi nhưng bà Dương thị lại tráo đứa con gái lớn xấu xí thay. Vậy dám mong thượng quan xét xử cho.

Bao Công truyền hai bên nguyên, bị tạm trở về nhà rồi ông sẽ xét sau.

Đang ngồi suy nghĩ về vụ án tráo cổ đầu này thì Bao Công choáng váng mặt mày rồi ngã gục bên ghế. Bao Hưng thấy vậy hoảng hốt đi kêu Công tôn Pháp tới bắt mạch, chữa bệnh.

Đã ba ngày qua, bệnh tình của Bao Công không hề thuyên giảm. Ông khi mê khi tỉnh, không ăn uống gì hết.

Khi đó, người lính mang thư cho Viễn Chiêu trở về cho hay người tráng sĩ đi vắng đã lâu ngày chưa về.

Sự thật, Viễn Chiêu đang chu du khắp nơi, thấy kẻ gian thì diệt, thấy người khổ thì giúp đỡ. Một hôm, Viễn Chiêu tới tiệm ăn Phúc Lợi uống rượu. Đang ăn dở bữa thì có tên tửu bảo dẫn một người đàn bà còn trẻ, mặt mũi râu rí, đi tới.

Người đàn bà tự xưng tên là Vương thị, đã có chồng tên là Hồ Thành Hiện nay người chồng lẫn mẹ chồng cùng mắc bệnh nặng,

tiền thuốc thang không có, nên đành phải đi xin tiền để về chữa bệnh cho người nhà.

Viễn Chiêu thương tình trao tặng Vương thị mười lượng bạc. Vương thị không dám nhận vì thấy số tiền quá lớn, e rằng trong gia đình sẽ nghi ngờ nàng.

Viễn Chiêu khuyên người đàn bà cứ việc nhận, Tiền tửu bảo cũng nói :

— Cô nương cứ nhận số tiền đó đi cho tráng sĩ đầy vui lòng, tôi sẽ xin làm chứng cho cô nương nếu có chuyện gì xảy ra ở nhà.

Sau khi Vương thị cáo lui, có một người khách hàng, mặt mày lém lỉnh, tên là Lý Lô, rón rén tới nói với Viễn Chiêu :

— Vừa rồi ông đã quá tin con mẹ đó nên mất toi số tiền lớn rồi. Nó chuyên môn đi ăn xin kiểu đó để gạt những người xa lạ hảo tâm chứ nó có chồng và mẹ chồng bị bệnh nào đâu.

Nói xong Lý Lô hối hả bỏ đi. Viễn Chiêu dùng cơm xong, liền

gọi tửu bảo, hỏi thăm nhà của Vương thị. Chàng muốn lại tận nơi coi xem có đúng như lời nói của tên Lý Lô kia không.

Nhảy lên nóc nhà, nhìn xuống phòng, Viễn Chiêu thấy mẹ chồng và chồng Vương thị đang nhieo mắng nằng, còn Vương thị thì khóc lóc thảm thiết. Nhìn ra phía cửa, Viễn Chiêu lại thấy tên Lý Lô đứng ở đó đang oang oang nói :

— Tôi trả cô những mười lượng bạc để cô đi theo tôi, vậy mà cô còn đứng đó khóc lóc hay sao ?

Thấy vậy Viễn Chiêu nổi giận nhảy xuống túm đầu hắn rồi quát :

— À, té ra mi lường gạt ta khi ta biếu nàng Vương thị mười lượng bạc rồi giờ lại tới đây định phá hoại gia cang người ta hay sao ? Số mi tới ngày tận nên mới gặp phải tay ta.

Nói xong Viễn Chiêu lôi Lý Lô đi thẳng. Hiểu sự thật, gia đình Vương thị vội vàng xin lỗi nàng.

Sau khi dẫn Lý Lô đi một quãng xa, Viễn Chiêu thì cho hắn một nhát gươm để hóa kiếp cho hắn rồi chàng bỏ đi. Qua một căn nhà, thoáng nghe có tiếng thì thầm của một cặp nam nữ trong bóng tối, Viễn Chiêu vội dừng lại lắng tai nghe :

— Sau vụ thầy thu hồn Bao Công được rồi, ông chủ Bằng Kết sẽ trả cho một số tiền thưởng rất hậu, anh sẽ xin phép thầy anh sẽ xin cưới em làm vợ. Em bằng lòng chứ ?

Có tiếng cười khúc khích của người con gái. Viễn Chiêu dón dác nhìn quanh để tìm căn lầu ở của Bằng Kết. Thấy xa xa có một cái đài, đèn nền thấp sáng choang, có một tên đạo sĩ đứng xoa tóc đang lâm râm khấn vái, Viễn Chiêu biết ngay người đó đang thả phép thu hồn Bao Công. Chàng liền chạy tới và lẹ như chớp đưa gươm lia đứt đầu tên đạo sĩ gian tà. Sau đó, chàng gói cẩn thận chiếc hình nhân bằng gỗ để trên mặt bàn có dán chữ Bao Công sau lưng rồi phi hành trực chỉ dinh Bao Công ở.

Tới nơi, chàng gặp Công tôn Pháp, liền trao chiếc hình nhân cho ông ta cùng kể lại những chuyện đã xảy ra tại nhà tên Bằng Kết.

Ngay khi đó, Bao Hưng chạy tới báo tin cho mọi người hay Bao Công đã tỉnh lại và khoẻ mạnh như thường.

Biết Viễn Chiêu lại cứu mình lần nữa, Bao Công cảm ơn khôn xiết và mời chàng ở lại đình chơi ít lâu.

Một buổi, có người tên Tham Minh tới dịnh Bao Công khai mình có một đứa em trai tên Tham Nguyệt chỉ lâu lông chơi bời. Ông đã nhiều lần răn dạy nhưng Tham Nguyệt vẫn chứng nào tật nấy. Một buổi ông có lại thăm em thì thấy ở trong nhà có một người con trai nhỏ nhắn, mặt mũi xinh đẹp như con gái. Ông nghi ngờ tên đó là gái giả trai nên lúc ra về ông lên trở lại rình. Và đúng như vậy, người con trai xinh đẹp đó chính là con gái.

Nghe nói, Bao Công tuyên bố :

— Nếu vậy vụ án của họ Triệu đã ra manh mối rồi.

Bao Công liền sai lính tới bắt Tham Nguyệt và người con gái, giải về đình cùng cho kêu bà Vương thị, đưa con gái lớn Kim Hương và ông Tiểu quốc Thành tới hầu.

Trước mặt mọi người, tên Tham Nguyệt khai vì yêu Ngọc Hương nên mới xúi người yêu trốn ở nhà mình.

Bao Công truyền bà Vương thị phải trả lại cho họ Trịnh tiền cheo cưới. Tham Nguyệt và Ngọc Hương bị xử án tù. Riêng Kim Hương, vì tội phạm muốn xin đi tu, Bao Công cấp cho nàng một ngôi chùa để cho nàng được thỏa.

Sau hết, Bao Công truyền lính tới nhà Bằng Kết bắt y đem về đình và tuyên án xử tử vì tội y định ám hại người...

Tình ngay bị lụy

Bao Công tiến dẫn Viễn Chiêu với vua Tống nhân Chung. Viễn Chiêu được nhà vua phong chức

lớn trong triều đình nhưng chàng không màng phú quý vinh hoa. Viễn Chiêu xin được làm thường dân để đi đây đi đó cho thỏa chí làm trai. Nhà vua đành phải chuẩn y để chàng được toại ý.

Một buổi, Viễn Chiêu đi thơ thẩn bên bờ sông chợt thấy một cụ già nhảy xuống nước để tự trầm. Viễn Chiêu định nhảy xuống cứu nhưng ngay lúc đó có một chiếc thuyền nan lướt tới. Người lái đò nhảy nhanh xuống nước cứu kịp ông già lên.

Hỏi tên tuổi, ông già đáp mình tên Châu Tăng, nguyên trước đây ba năm có mở một tiệm ăn lấy tên là Châu Gia trà điểm. Một hôm ông có cứu một người bị bệnh tên là Trịnh Tân. Sau khi y khỏi, ông già cho y ở luôn trong tiệm để giúp việc rồi lại gả con gái cho y.

Một năm sau, con gái ông già chết. Trịnh Tân liền cưới người vợ khác. Cả hai vẫn ở trong tiệm ăn của ông già Châu Tăng. Tên Trịnh Tân phỉnh phờ ông già thay biển hiệu

Châu Gia trà điểm thành tên Trịnh Gia trà điểm. Khi đổi thay tên hiệu rồi, y liền trở mặt đuổi ông già ra khỏi cửa.

Buồn phiền ông già Châu Tăng mới đi tự tử.

Người lái đò tự xưng tên mình là Đình triệu Vệ, biểu ông già một số tiền nhỏ và khuyên ông già nên tìm một chỗ ở tạm rồi sáng hôm sau tới chỗ cũ, y sẽ gửi biểu ông một số tiền đủ để mở một tiệm trà khác.

Nói xong, Đình triệu Vệ nhảy xuống thuyền chèo đi thẳng.

Ông già Châu Tăng còn đang hoang mang thì Viễn Chiêu tiến lại khuyên ông nên nghe lời người lái đò họ Đình.

Buổi chiều, Viễn Chiêu tới Trịnh Gia trà điểm uống nước cùng để biết nặt đứa gian hùng họ Trịnh. Ngay lúc đó tráng sĩ họ Viễn cũng nhận ra người lái đò họ Đình cũng đang ngồi uống nước tại đây. Lúc này Đình triệu Vệ ăn mặc chính tề như một chàng công tử nhà giàu.

Đình triệu Vệ cũng nhận được mặt Viễn Chiêu. Cả hai cùng xưng tên họ và ngồi chung bàn uống nước. Sau khi ăn uống no say, Đình triệu Vệ xin lỗi cáo lui trước.

Trời xẩm tối, Viễn Chiêu quay trở lại quán trà họ Trịnh. Chàng thấy hai vợ chồng Trịnh Tân đang ngồi đếm tiền nơi bàn. Chợt có người nữ tỳ hốt hoảng chạy vào báo cho chủ hay có lửa cháy to nơi nhà bếp.

Cả hai vợ chồng Trịnh Tân vội chạy xuống coi. Ngay lúc đó, Viễn Chiêu thấy người lái đồ họ Đình nhảy qua cửa sổ vào, vợ vét hết số bạc trên mặt bàn rồi nhảy ra ngoài đi mất. Viễn Chiêu cũng rút lui về quán trọ.

Sáng hôm sau Viễn Chiêu lại ra bờ sông chỗ ông già Châu Tăng định tự tử. Chàng thấy ông già họ Châu đã ngồi ở đó rồi. Một lát sau Đình triệu Vệ cũng bước tới, theo sau có người hầu mang một cái quả đựng tiền.

Số tiền đó đúng là số tiền mà tráng sĩ họ Đình đã lấy của vợ chồng họ Trịnh đêm hôm trước.

Sau đó họ Đình mời Viễn Chiêu về nhà chơi cùng giới thiệu với Viễn Chiêu người anh ruột của mình là Đình triệu Lang. Lúc này Viễn Chiêu mới hay rằng gia đình họ Đình cũng thuộc hạng giàu có, trông coi một cái ấp rất rộng. Dân trong ấp chuyên nghề đánh cá kiếm ăn.

Mấy anh em ngồi uống rượu, bàn luận chuyện đong gươm, mũi kiếm. Trong lúc hờ hững, họ Viễn cùng họ Đình mang kiếm ra sân để giao đấu. Cả hai đều không để ý tới một nữ lang rất xinh đẹp mới ở trong nhà bước và say sưa theo dõi trận đấu ngoạn mục. Đó là nàng Đình viết Hòa, em gái của Đình Lang và Đình Vệ.

Đình Lang vội giới thiệu em gái mình với Viễn Chiêu. Nữ lang cũng giới nghề cung kiếm nên tỏ ý muốn được giao đấu với tráng sĩ họ Viễn. Nể lời, Viễn Chiêu phải đấu cùng nàng.

Sau cuộc đấu kiếm, mấy người vui vẻ nhập tiệc. Bà mẹ họ Đình cũng vui vẻ hứa gả Đình viết Hòa cho Viễn Chiêu. Trai anh hùng, gái thuyền quyên e lệ nhìn nhau, nói khóc mắt bùng tỏ lòng ưng thuận.

Cả nhà lại tiếp tục ăn uống vui vẻ. Chợt có người nhà vào rủ tại Đình Lang. Thấy Viễn Chiêu ngược nhìn như muốn hỏi, họ Đình vội nói :

— Tại con sông đây, họ chúng tôi và họ Lưu chia đôi ranh giới để cho dân Đình của mình đánh cá, nhưng lâu nay thỉnh thoảng bên đó lại tràn sang địa phận của chúng tôi để lưới cá như muốn gây nấn. Vì nể lời mẹ già, nên anh em chúng tôi tạm bỏ qua. Không ngờ chúng lại tưởng anh em chúng tôi sợ chúng nên chúng lại càng làm hỗn.

Ngay lúc đó lại có một ngư phủ chạy vào cho hay y mới bị bên dân họ Lưu cướp hết số cá đánh được.

Đình Lang, Đình Vệ lập tức sửa soạn thuyền bè để tới nhà

họ Lưu để hỏi cho ra chuyện. Viễn Chiêu cũng xin đi theo.

Tới nơi họ Đình chưa kịp hỏi chuyện, bên họ Lưu có người tên là Đãng Hồ sách gươm xông ra chém. Đình triệu Lang vừa đưa gươm tên đỡ thấy y ngã xuống sông. Đình triệu Vệ đã bắn một viên đạn trúng mặt y.

Gia đình họ Đình nhảy theo bắt sống Đãng Hồ mang lên thuyền thối lại rồi chèo thuyền vào bờ định giải thẳng về ấp.

Chủ nhân họ Lưu là Lưu Phương chạy vội theo can thiệp. Họ Lưu xin lỗi anh em họ Đình cùng trách mắng tên Hồ. Lưu Phương bắt Đãng Hồ phải qui xin lỗi anh em họ Đình. Tình giao hảo giữa hai họ Lưu và Đình lại nổi lại bền đẹp như xưa. Viễn Chiêu ở chơi nhà họ Đình ít lâu thấy buồn liền xin Đình mẫu cùng anh em Đình Lang, Đình Vệ và cố vợ trẻ chưa cưới Đình viết Hòa để ra đi . . .

(Kỳ sau tiếp)

Chùa Phật Bà của Việt-Kiều

ở

THÁI-LAN

● ĐÔNG-TỪNG

Trong số năm vạn Kiêu-bào Việt-nam ở Thái-lan hầu hết cư ngụ ở Khu Đông Bắc.

Việt kiều ở Thái-lan trừ một số ít làng theo Thiên-Chúa Giáo như bạn Thà Hẹ, thuộc tỉnh Sakhonnakhon, bạn Nông Xén thuộc tỉnh Lakhorphanom, bạn Xám Xén gần thủ đô Vong-Các, còn tất cả đều là Phật-tử.

Người Việt-Nam ở bên đó cũng có rất nhiều người vào tu hành ở Chùa Thái, tu về phái Tiều Thừa, bận áo vàng, khát thực thập phương như những sư

cụ người Thái vậy. Việt kiều cũng thường đi chùa như người bản địa, chứ ít thiết lập chùa riêng.

Duy chỉ ở tỉnh Lạc Khon, một tỉnh đối diện bên kia Mekong là tỉnh Tháihek (Lào) ở đây Việt kiều có độ 7.000 người thiết lập làng xã riêng biệt, chứ không hỗn cư với người Thái như là các địa phương khác. Những làng ấy là:

- 1o) — Bạn Nóng Bực
- 2o) — Bạn Nóng Xénh

CHÙA PHẬT BÀ

- 3o) — Bạn Tôn Phụng
- 4o) — Bạn Na Choọc, cũng gọi là Bạn Nay.
- 5o) — Bạn Bồốc
- 6o) — Bạn Phật Bà (1)

Mỗi làng đều có một lý trưởng, tiếng Thái gọi là « Phú dạy bạn » sáu làng hợp lại thành một tổng, và một Cai tổng, tiếng Thái gọi là Nai Cầm Năn, lý trưởng, cai tổng đều là người Việt, do kiều bào bầu và được chính quyền Thái chấp thuận.

Ngôi chùa ở Bạn Phật Bà, Việt Kiều xây dựng ở dưới một trạm núi làm theo kiểu chùa theo bản xứ.

Hàng năm, mỗi khi tới ngày lễ như ngày Phật Đản, Phật

(1) Tất cả 6 làng cùng xây dựng một ngôi chùa ở đây gọi là chùa Phật Bà, nên gọi làng đó là làng Phật Bà. Nhưng người Thái không hiểu 2 tiếng Việt « Phật Bà » nên họ lại gọi là Bạn « Vất Pa » Vất : Chùa Pa : núi vì ở đây gần một hòn núi.

thành đạo Vu Lan v.v... thì tất cả Việt-Kiều ở đây (cả 6 làng) tụ hội lại làm lễ.

Chúng tôi còn nhớ rõ, năm 1927 từ Tết Tàu, chúng tôi được về Thái-Lan hoạt động, vừa tới Lạc khon được hai tháng, thì vừa đúng vào ngày rằm tháng bảy âm lịch ngày lễ Vu Lan, chúng tôi cùng đi với Việt Kiều tới chùa dự lễ. Trụ trì chùa này là một vị lão tăng, chúng tôi hỏi kỹ mới biết. Ngài chính tên là Đình đoãn Tể, từng hoạt động cách mạng ở Nhật và Tàu trong những phong trào Đông du (1904) Quang Phục (1912) với các Cụ Nguyễn thượng Hiền, Cường Để. Phan Bội Châu, qua những lúc vào sinh ra tử, cụ trở về Thái-Lan tiếp-tục hoạt động cách mạng, rồi vì tuổi già sức yếu, cụ vào tu ở chùa này, mang pháp danh là Thích nghĩa Dũng.

Sáng hôm rằm tháng 7 âm-lịch năm Phật lịch 2472 ấy, trước hàng ngàn đồng bào Phật tử, đứng trên lễ đài, sư cụ phân-tích ý nghĩa ngày lễ Vu-Lan, ngày

«Vong nhân xá tội» tiếp đó người làm lễ mở lòng cho những con chim bị nhốt sau khi ngửa mặt lên những con chim tung cánh. người trông xuống đám Kiều bào tới dự lễ, bằng một giọng run-run bi phần. Người nói :

«Kính thưa Kiều bào ! Thề theo tinh-thần của ngày Vong nhân xá tội chúng ta đã làm lễ mở lòng để giải thoát cho một số chim.

Chúng ta là những con chim ngoài lồng của giặc Pháp, nhưng không thề dừng đứng với 25 triệu đồng-bào quốc nội chúng ta đang ở trong cái lồng khổng lồ hình chữ S của quân cướp nước và bè lũ bán nước được.

Bởi vậy nhiệm-vụ của chúng ta là phải góp sức với đồng bào quốc nội phá toang cái lồng khổng lồ của giặc Pháp mới mong bảo tồn được dân tộc và Đạo Pháp. Nói một cách cụ thể, chúng ta phải làm cho dân tộc độc lập, mới mong có tín ngưỡng tự do».

Lời nói của vị lão tăng, tới nay vẫn còn nguyên vẹn trong ký ức

của chúng tôi. Nhưng lời nói ấy, nếu đem kết hợp với thực tại của đất nước từ năm 1945 tới giờ thì lại có vẻ lạ tai. Vì đã 21 năm qua người Việt Nam được nói lên những tiếng Độc Lập. Tự-do — Tự-do tín ngưỡng tới giờ, thì đất nước bị qua phân, lại chiến tranh tàn phá miền Bắc các Ngài thích Tuệ Quang, Tuệ Chiếu ; Mật Thê bị bắt cầm tù, chùa chiền, tượng Phật bị Cộng-sản tàn phá. Tại miền Nam được gọi là đất Tự-do nhưng lo mai tới đây, đạo pháp vẫn luôn luôn bị phân hóa. Cũng có kẻ chạy theo đạo Phật, nhưng lại theo lối như việc một anh chàng lái buôn nào đó đem bồ câu quen thuộc tới cúng lễ rồi để mở lồng lại bay về nhà hết, và có khi lại không phải là chim bồ câu mà lại là những con chim mồi, do ông chủ xiếc mở lồng ra để đánh lừa đồng loại.

Neurotonic

BỒ OC

THÊM TRÍ NHỚ



(Riêng tặng những người đồng xứ Ly hương)

Tôi miền Trung, quê hương chừ cách trở
Tìm nơi đây gác trọ lạnh tâm hồn.
Những chiều về thoi thóp bóng hoàng hôn
Lòng băng giá cùng ai người tâm sự

Tôi miền Trung, tóc tang về bao phủ
Lửa binh đao thiêu rụi mái tranh hiền
Buồn suy tư trở giấc vạn niềm riêng
Lệ sầu nhỏ cách ngăn tình mẫu tử

Tôi miền Trung, quê hương nhìn đổ vỡ
Ngâm ngùi đau đất mẹ ngập màu thương
Miền Trung ơi ! nhưng nhớ dạ miên trường
Xin cúi mặt, xin muôn vãn tạ tội.

VŨ-DUY-TRÚC
(Hồn trẻ Hai Mươi)
KBC : 4618

VỤ AN

THI - LỘ

một vết nhơ trong quốc sử VN

★ ĐÔNG-TÙNG ★

Đêm trăng rằm vàng vạc, ngọn gió lơ dờ như ru người vào cõi mộng triền miên. Ánh trăng bạc tràn trề trên vòm trời, như nặng trĩu với sương khuya, đồ xóa xuống các dòng sông Thương, sông Đuống, sông Bạch-Đằng Lịch sử, như những giải lụa bạch trôi đi về vô tận.

Trên những giòng sông ấy, một đêm đen tối trôi đi, lằng lờ như một giấc mơ im lìm trên giòng sông phôi màu tím nhạt.

Từ đêm đen một tiếng ngân vang lên, tuy giọng hơi run run của nét nhàn nhu già cả, nhưng

chứa một âm ba trầm hùng, bằng bạc tư duy yếm thế :

« Chiếc thuyền lơ lửng trên sông

« Biết đem tâm sự ngổ cùng ai hay

« Chắc chi thiên hạ đời này

« Mà đem non nước làm rày chiêm bao

« Đã buồn vì trận mưa rào

« Lại buồn về nỗi ào ào gió đông

« Mây trôi nước chảy xuôi giòng

VỤ AN THI LỘ

« Chiếc thuyền lơ lửng trên sông một mình.

Vừa dứt tiếng ngân thì một tiếng nơi từ con thuyền vọng lại :

— Lộ nương a, nàng lấy bút ghi lại bài thơ ấy vào thi tập cho ta. Một ngọn đèn được điểm sáng lên soi tỏ cái bàn rượu còn con đèn trước mũi thuyền và ánh sáng dội vào hai bộ mặt. Một ông lão tuổi ngoài lục tuần, quắc thước với chòm râu hoa râm đang đắm chiêu nhìn ra vòm trời trắng đục ở dãy núi xa xa ẩn hiện như còn tìm tòi chất chứa linh khí non sông hùng vĩ sau cuộc đại thắng quân Minh. Một khuôn mặt khác của một trang tuyệt thế giai nhân, đôi mắt mơ màng trên má ửng hồng, mặc dầu thu gọn lại trong chiếc khăn mỏ quạ màu nâu. Nàng cầm bút chấm mực, ngòi bút thoăn thoắt bay bướm trên trang Thi-Tập bằng giấy hoa tiên.

Vị lão trượng đó chính là đệ nhất khai quốc công-thần ức-Trai Nguyễn-Trãi. Và tiên nữ kia không ai khác hơn là-người phụ nữ văn tài đệ nhất Việt-Nam thời ấy. Nguyễn-Thị-Lộ-ái thiếp

của vị Công thần kia.

Bao nhiêu năm giúp Bình-Định-Vương Lê-Lợi đánh đuổi giặc Minh, xây dựng ngôi báu Lê triều, càng ngày Nguyễn tướng công càng nhận thấy triều đình chỉ là nơi dung thân cho những hạng người vô tài bạc đức, chỉ có đặc tài nịnh trên át dưới dễ tranh đoạt nhau quyền lợi và địa vị. Chưa hết, trên cái lầu Thống trị phong kiến nhà Lê, sau khi đã kiện toàn xong máy chính-quyền, lại bắt đầu phụ bạc lại những kẻ đã có đại công với mình. Thấy thế, Nguyễn Tướng Công xin về ở ẩn tại Côn-Sơn theo đường lối «cấp lưu dũng thoái» của Trương tử Phòng, đề rồi ngày tháng một thuyền nan, một ái thiếp, tiêu giao thẳng thích nơi núi sông trăng gió, cho khóa khuây sầu muộn.

★

Thiệt tây, từ ngày chiến thắng quân Minh, triều đình nhà Lê thành lập, reo mừng nền độc lập, kỷ cương vừa vững vàng thì, thương ôi! vua Lê-Thái-Tổ thắng hà, bọn Hạnh thần bắt đầu lộng

hành trong triều, cho nên hai công thần là Trần-Nguyên-Hân và Phàm-Văn-Xảo đã bị hãm hại sau khi Lê Thái Tông lên ngôi mới có 11 tuổi, mọi quyền hành nằm trong tay Lê-Sát, ông này xuất thân ở nơi vô biên ít học, chỉ nhờ võ công trong khi đánh MINH lại là người hoàng tộc nên được triều đình giao phó trọng trách phụ chánh giúp ấu chúa. Về sau vì kiêu căng quá sức, làm sai quốc Pháp, nên khi Lê-Thái-Tông vừa lớn lên thì đã phải trừ khử ông này để phòng hậu họa.

Cầm quyền hành trong tay, vua Lê-Thái-Tông lại say đắm tửu sắc, nên có những hành động bất chính ở lãnh vực tình ái, sắc dục, làm cho những vị thần tử công chính chán ghét nhà vua. Đã thế thiên tai hạn hán lại cứ liên tiếp xảy ra.

Trong lúc thiên thời nhân sự cùng rối loạn như thế, công thần Nguyễn Trãi càng chán buồn triền miên. Nhất là khi Ngài đọc lại những bài học lịch sử cũ : Hà

Tín, Tiêu Hà, và nhiều vị công thần khác đã bị giết, bị tù bởi những kẻ mà trước đó đã nhờ mình mới có ngày nay.

Những bài học lịch-sử của tiền nhân, nhắc nhở lại cho Ngài biết cái bạc bẽo của loài người ở dưới bóng mặt trời, sau những khi đại cuộc đã thành tựu. Cho nên có lúc ông đã thốt ra :

*Chiếc thuyền hờ hững trên sông
Biết đem tâm sự ngổ cùng ai hay
Chắc chi thiên hạ đời này
Mà đem non nước làm rày chiêm bao*

Thế rồi trước mỗi sầu lịch sử ấy, người tự ý treo ấn từ quan về nhà vui thú điền viên, với sơn thủy bên cạnh người vợ trẻ đẹp và tài ba, ấy là nàng Thị Lộ.

Và lại vị công thần từ chức Thủ tướng ra đi, đem người vợ trẻ đi khắp hải hồ, rày đó mai đây không phải là vô có ; người chỉ lánh xa bọn triều thần đang đắm say trong bá danh lợi

lợi có thể vì sự từ chức đột ngột của người rồi họ đâm ra nghi kỵ rồi tìm cách ám hại người.

Có một lần trên bước đường ngao du sơn thủy, người đem ký ức ngược lại giòng thời gian, hôm ấy từ kinh đô trở về nhà riêng ở mé Hồ Tây, đang mãi mê nhìn trời nước để tìm một vần li-tạo thì một bóng giai nhân thoáng qua : cô hàng bán chiếu.

Ôi ; con người làm một nghề không đáng gì cho lắm, nhưng lại đẹp dễ làm sao. Đôi má ửng hồng ngồi lên giới cặp mắt long lanh như làn thu thủy : Đối cảnh sinh tình, người Tướng quốc vừa là thi sĩ, vị lão thần không sao dẫn nỗi con tim để rồi tự ngâm lên một bài thơ :

*« Ai ở đâu đây bán chiếu gon
« Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn ?
« Xuân xanh nay đã bao nhiêu tuổi
« Đã có chồng chưa được mấy con ?*

Nàng 16 xuân xanh kia, vui vẻ

mà không để nghĩ ngợi Ưng khẩu đáp lại :

*« Tôi ở Tây Hồ bán chiếu gon
« Có chi ông hỏi hết hay còn
« Xuân xanh nay đã trắng tròn lẻ
« Chồng còn chưa có, có chi con.*

Kẻ quốc sắc người thiên tài hai lòng như một, cảm nhau và yêu nhau kết nên đôi vợ chồng, thật là « châu trần nào có châu trần nào hơn ».

Thị Lộ về nâng khăn sửa túi cho Nguyễn Trãi công lại làm một nhà văn xuất sắc của đương thời, kết bạn trăm năm với Nguyễn Trãi công thật là xứng đôi toàng diện. Yêu nhau vì chí anh hùng vì duyên văn chương, cho nên trong công việc hàng ngày của vị Tướng quốc, nàng đã giúp chồng đặc lực trong phạm vi văn chương. Nói theo danh từ thời đại : nàng là bí thư riêng của Nguyễn Trãi.

Nghệ tài và sắc của Thị Lộ nhà vua vờ vào trong cung để

dạy cung nữ học. Vua Lê-Thái-Tông lúc thiếu thời, nhưng vốn dĩ là một giống đa tình nên trông thấy Thị Lộ đã say ngất vì tình. Thế rồi Thái-Tử ôm ấp một mối tình cảm vô lý.

Cho tới khi lên ngôi Hoàng-Đế thì nổi lòng thương trộm nhớ, thầm bị nung nấu trong tâm khảm, cho nên nhà vua đã tỏ những hành động bất chính đối với vợ một vị công thần. Cái nhơ bẩn của những tên chúa phong kiến là thế, và cái hiệu của đạo đức luân lý Đông-phương cũng chỉ có vậy.

Là một gái trinh khiết, chi biết có chồng, cho nên có lần Thị Lộ đã đem câu chuyện bất chính của nhà vua đem trình bày đầu đuôi với Nguyễn Tráng công. Đó cũng là một nguyên nhân nữa mà Nguyễn Tráng dâng sớ xin về ở Côn-Son.

Lê-Thái-Tông chấp thuận cho Nguyễn Tráng công về trí sĩ nhưng lại cố tình muốn tìm hết cách giữ Thị Lộ lại trong cung. Nhưng Thị Lộ quyết đi theo

chồng, nàng bám lấy câu chữ tòng là phận gái.

Thế là vị vua đa-tình đã phải tan vỡ một mối tình si đầy nhơ bẩn.

Thị Lộ là mối tình quái gỡ của nhà vua, từ bé chí lớn, Thái Tông chỉ ôm ấp yêu đương một bóng giáng bên cạnh mình: Thị Lộ.

Trong những năm ngồi trên ngọc bệ ngai vàng, nhà vua khi nào cũng thấy kém vui. Dường như cái ông vui si tình này thiếu Thị Lộ là thiếu tất cả, rồi cứ bần khoản đau đớn vô ngần cho nên cứ tìm đủ mọi cơ hội gặp cho được Thị Lộ.

Thế rồi lần đó, nhân có cuộc duyệt binh, nhà vua mới hạ lệnh cho triều đình phải lấy Chi-linh nơi hưu dưỡng của Nguyễn-Trải làm bài tập. Mục đích cái ông vua si tình này cốt tạo cơ hội để đi chim vợ người.

Tháng 7 năm nhâm tuất (1442) nhà vua tới Chi-Linh để thị sát cuộc duyệt binh. Khi xe ngựa nhà

vua đi qua nhà Nguyễn-Trải ở Côn-Son, rồi lấy cớ là ghé vào thăm hỏi vị Công thần. Nhưng thiệt ra là cốt vào chim vợ bé.

Chính trong đêm rằm đó trong lúc Nguyễn-Trải và Thị Lộ vợ chồng đang cỡi thuyền đi chơi trăng thì được tin cho hay là nhà vua đã ghé vào nhà ở Côn-Son. Thế là vợ chồng người vội vàng cho thuyền trở về để đón tiếp nhà vua.

Sau mấy lời chào hỏi, vổ vổ vị công thần (có lẽ là không thành thực) nhà vua ngỏ lời đòi vào thăm bà thầy học, đề tỏ tình sư đệ (lại càng không thành thực hơn nữa). Thì ra khi con người làm những cái gì bất chính ám muội, bao giờ người ta cũng cố kiếm cho bằng được duyên cớ, nhất luân lý đạo nghĩa đề che dấu lấp liếm những cái gì là vô đạo phi luân.

Nguyễn Tráng công vui vẻ cho Lộ Thị ra bệ kiến thiên nhan (Nguyễn Tráng không vui vẻ sao được).

Chi mới thấy được mặt mà

chưa thỏa được dục vọng, cái anh vua đa tình cố tiến thêm bước nữa. Nghĩa là sau đó nhà vua yêu cầu Nguyễn Tráng Công cho Thị Lộ theo vua trong chuyến duyệt binh này (ôi! cớ gì là tình thần thượng võ!).

Ta chớ bảo rằng lúc đó Nguyễn Tráng không nổi cơn ghen?

Khi biết trước rằng người vợ tối yêu quý của mình thế nào cũng cầm rưng, khô tâm cho người nhất là việc người biết Thị Lộ không phải là một người là lời bất chính. Oái oăm nhất là định tình lại là Thiên-Tử, con người đang được chế độ cho là Trời con hay con trời.

Lệ-Chi-Viên được chọn làm nơi hành cung cho nhà vua sau buổi duyệt binh.

Một con người hoang dâm vô độ khi một cơn bão lòng nổi giữa một đêm trăng bao tửu sắc, cụp lạy đề mê, đề rồi bị thượng mã phong mà chết thì đó chẳng có gì là lạ lùng hết.

Có lẽ trong triều ngoài giả không ai không biết điều đó.

Nhưng ác hai thay, những tên nịnh thần vô loại, bèn chụp lấy cơ hội để thực hiện âm mưu đen tối trả thù Nguyễn-Tướng-Công bằng cách chụp mũ vu khống là đã lợi dụng tên ti thiếp là Thị Lộ bố trí giết vua.

Thế rồi một bản án «THỊ QUÂN» (giết vua) được đưa về Kinh quyết nghị.

Nhưng triều thần lúc bấy giờ chỉ là bọn xu thời, cho nên đã không có lấy một người đứng lên bênh vực Nguyễn-Tướng-Công, mà lại còn nhiều tên hùa bè với mấy tên gian nịnh cố giết hại Nguyễn-Trãi. Thế là không những Nguyễn-Tướng-Công và ái thiếp của người là thị Lộ bị oan khiến đã đành, mà cả họ Nguyễn còn bị tru di (giết hết cả gia tộc).

Từ năm 1442-1460, ngót 18 năm dằng dặc, vụ án tình oan khiến cũng là một vết nhơ trong chế độ phong kiến ấy, nhân dân đương thời không phải là không ai biết, nhưng nào ai dám nói ra,

chứ đừng nói chuyện đứng lên bênh vực, cái vì tôi liên can ấy cũng có thể chết chém được chứ chẳng phải vừa.

Lúc chết vua Thái Tông mới 20 tuổi, và Thị Lộ đã ngoài 26 tuổi.

Vụ án xảy ra do một sự dâm ô cuồng loạn của một tên chúa phong kiến cũng một số tội tởm đến mặt trong triều đã tư thù tư oán làm oan gia cả một vị công thần, đồng thời cũng là một vị anh hùng dân tộc đã giúp Bình Định Vương Lê Lợi trong việc đuổi ngoại xâm, xây dựng Lê triều.

Rồi 20 năm sau đó, khi Thái tử Từ Thành là Bình-Nguyên-Vương lên ngôi, tức là Lê-Thánh-Tông, thì bản án Nguyễn-Tướng-Tông mới được đem ra xét xử lại. Sau đó Lê-Thánh-Tông xuống chiếu tìm di chúc của Nguyễn-Trãi, nhưng người ta đã giết sạch cả rồi. Lúc bị tru di chỉ còn sót lại hai đứa, bé, một trai do người lão bộc trung thành

của Ngài bỗng trốn lên mạn ngược. Một gái thì được Hoàng hậu đem vào cung nội nuôi.

Hai đứa bé kia bây giờ đã 20 tuổi, được Lê Thánh Tông ban tước lộc và 100 mẫu ruộng để thờ phượng tổ tiên.

Sử chép rằng : đứa bé gái kia từ lúc sanh ra đã bị câm, nhưng từ ngày vụ án ấy được minh oan thì một người câm đã 18 năm tự nhiên bắt miệng ra nói.

Sử nhà Lê còn chép thêm : Thị Lộ vốn dĩ là ma răn ở vườn Nguyễn Trãi bị giết nên hiện lên người đẹp để báo oán cho họ nhà răn.

Báo oán đến giết hết cả nhà, mà ma răn vẫn chưa hả dạ. Thiệt vậy. Đứa con trai sống sót kia, tên là Nguyễn Anh Vũ đưa vua Lê Thánh Tông tận tâm tác thành, cho nên sau cũng làm quan to ; lần ấy được nhà vua sai đi sứ qua Tàu, trong khi ngồi trong thuyền dễ vượt biển, bỗng cơn giông tố nổi lên, trong làn sóng biển ông thấy xuất hiện bóng một con rắn to phi thường, ông

biết ngay là con rắn thù truyền kiếp của gia tộc ông. Ông liền cắt cao giọng nói :

— Biết rồi đấy ! nhưng ta đi lần này có quan mệnh, phải để cho ta đi làm trọn đã, nếu muốn báo thù thì lúc về sẽ hay. Ông nói dứt lời thì sóng yên biển lặng.

Nhưng khi ông ở Tàu về, hiện tượng hôm nọ lại xảy ra thế là ông rút gươm nhẩy xuống biển đánh nhau với con rắn và ông cũng mất tăm luôn. Người ở trên thuyền chỉ thấy trên mặt nước biển lớn vòn vết máu.

Nhận xét của chúng tôi

Như ở đầu tựa đề chúng tôi đã nói : « Vụ án Thị Lộ một vết nhơ trong pho Quốc sử VN ».

Đáng lý ra chúng tôi phải dùng

Neurotonic

BỒ OC

THÊM TRÍ NHỚ

«Một vết nhơ trong Lịch sử phong kiến Việt Nam» thì đúng hơn. Nhưng vì nghĩ rằng: Bình định Vương Lê Lợi là vua; Ước trãi Nguyễn Trãi là tôi, 2 vị anh hùng dân tộc đã cùng nhau viết trang Lịch sử chống xâm lăng tuyệt mỹ như kia.

Bộ quốc sử Việt Nam đây cũng là một trang sáng ngời đẹp đẽ. Không ngờ Bình định vương vừa chết, bị phải dứa con hoang đâm đi chim vợ một vị Công thần, đồng thời lại là thầy học, thế là vừa đâm bôn lại vừa loạn luân, từ cái vết nhơ này dẫn tới vụ án mạng bị gết oan cả trăm người của một gia đình có đại công với không những Lê Triều mà cho cả giang sơn nòi giống nữa.

Trong khi Lê Lợi và Nguyễn Trãi cùng nhân dân Việt Nam đương thời vừa viết xong một trang quốc sử oai hùng đẹp đẽ biết bao nhiêu, thì liền bị ngay một vết hoen ố bần nhơ như kia. Lê dĩ nhiên là phong kiến Lê triều phải là quốc sử Việt Nam không chịu hoen ố tồn thương lây. Cho nên chúng tôi mới phải nói rằng

đó là « một vết nhơ trong pho quốc sử ».

Đề lấp liếm cái vết nhơ ấy, hay nói khác đi đề với nhẹ tội ác của Lê triều, bọn bồi bút sử gia triều Lê mới bày ra hai câu chuyện mê tín dị đoan « ma rấn trả thù bằng cách cho hiện ra Thị Lộ » và câu chuyện dứa trẻ câm 18 năm bỗngưng bật miệng nói ra.

Đang đứng lên 2 câu chuyện này bọn bồi bút kia đề lộ rõ ràng ra 2 diềm dề tiện;

1) Họ bảo Thị Lộ là ma rấn hiện thân, năm nàng bị giết đã hai mươi sáu tuổi. Nụ vậy là năm Nguyễn Trãi cho người khai phá trang trại, mẹ con nhà rấn bị giết là năm Thị Lộ đã sanh rồi(?)

2) Đặt ra câu chuyện dứa trẻ câm 18 năm nay bật ra nói không

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỀN

những đề lấp liếm tội ác cho triều trước, mà còn đề thần thánh hóa ông vua đương thời là Lê Thánh Tôn nữa. Vì Lê Thánh Tôn lên ngôi, vì sự tranh dành nhau trong gia tộc, nên đang bị nghị luận rằng: ông ta không phải là nòi giống họ Lê, vì thực tế ông ta là con của một « cung nữ tỳ », cũng vì mặc cảm như thế cho nên thơ văn ông ta, hể mở mồm ra là khí tượng ông vua.

Nói tóm lại: Ma rấn báo thù Nguyễn Trãi ở Việt Nam cũng như ma gà trả thù. Hàn Tín bên Tàu mà bọn bồi bút chép sử Hán triều đã dựng đứng ra để che dấu tội ác cho Lưu Bang, cũng chỉ là một.

Thiệt vậy, Lưu Bang Hán cao Tò, sau khi đại nghiệp tru Tần diệt Hạng, thống nhất thiên hạ cao thành, vì thái độ tiểu nhân nghi kỵ, đang tay gết hay bỏ tù những vị công thần đã giúp mình thống nhất thiên hạ. Tiêu Hà bị hạ ngục. Đại Tướng Hàn Tín bị chém, Trương Tử Phòng thấy vậy đâm ra lo ngại cũng giả vờ

đi tu tiên. Nhưng thực ra cũng là một lối « tỵ nạn chính trị ».

Cho nên có thể tạm kết luận rằng: Vụ án tru di Hàn Tín là một điểm nhục của Hán triều (Trung quốc). Vụ án tru di Nguyễn Trãi là một điểm nhục của Lê triều (Việt Nam).

Chỉ có khác một điều là Ngài Lê Lợi hoàn toàn không chịu trách nhiệm gì hết, vì việc xảy ra sau khi ngài đã chết rồi, tội ở mấy tên nịnh thần và dứa con (Lê thái Tông) hoang dâm vô độ.

Còn Lưu Bang thì không đổ lỗi cho ai được hết, mặc dù ông ta đã xô lá giả vờ đi hành quân giao việc giết công thần Hàn Tín cho mưu vợ là Lã Hậu?





Người Chăm

IBA-NI

Phỏng theo tài liệu của R.F. Durand, đăng trong Tập san Pháp Quốc Viễn Đông học viện, B.E.F.E. — O. tập III, năm 1903 — trang 54-62).

● JAYA PANRANG

Người Chăm Hồi giáo ở miền Nam Trung Phần tự gọi mình là *Bani* (Bà ni), do tiếng Ả rập: Beni, con của Mahomed. Ngày nay họ còn sống trong 18 làng: 6 làng ở hạt Phan rang, 10 làng ở vùng Phan rí và 2 làng ở khu vực Phan thiết. Tổng số người Chăm Hồi giáo độ chừng một phần ba dân số Chăm còn sống sót lại ở cực Nam Trung phần bây giờ.

Những người Chăm sống rải rác ở Nam Phần và ở xứ Cam bốt, người Chăm ở miền Nam Trung Phần gọi họ là *Cham barâu*, Chăm mới, đều là người Chăm theo tôn giáo Hồi hồi. Người Chăm Hồi hồi ở Trung Phần cũng như người Chăm ở Nam Phần và Cam bốt đều không ăn thịt heo và kỳ nhông.

Dưới đây là một vài điểm

NGƯỜI CHÀM BÀ NI

nói sơ lược về người Chăm Bà ni hiện sống ở vùng Phan rang, Phan rí và Phan thiết, tức là địa hạt tỉnh Bình thuận cũ:

Tôn giáo.

Trong khi người Chăm ở Cam bốt và ở Nam Phần liên lạc về phương diện đạo giáo với người Ả rập ở đảo Java và những người đi hành hương ở la Mecque, thủ đô Hồi giáo, dù ít dù nhiều, họ là những người theo Hồi giáo chính thống (sunnites) và dường như Chăm Hồi giáo ở Trung Phần thì chịu ảnh hưởng trực tiếp của Ali, nghĩa là tín đồ theo phái chiites, giống như Hồi giáo ở Ấn độ và Ba tư.

Trong lịch sử Đại Nữ thần, Histoire de la Grande Déesse, có một đoạn nói đến sự hệ trọng của cái đầu, đây là nơi an tọa vĩ đại của các vị thánh Hồi giáo, ngược lại phần còn lại trong thân thể của con người là những phần kém quan trọng hơn. Đoạn sách ấy viết: *Alwahuk* (đấng thiêng liêng

sẵn có từ trước khi khai thiên lập địa), ngự trị trên trán; *Uwlwah* (Allah, đấng chí tôn đã sáng tạo ra vũ trụ bằng vật chất có sẵn từ trước), trên lông mày trái; *Mahomad*, trên lông mày phải; *Jibirael* (Gabriel), trên mắt trái; *Ipburahim* (Abraham), trên mắt phải; *Açan* (Hassan), trên lỗ mũi trái; *Açai* (Hosain), trên lỗ mũi phải; *Haowa* (Eve) trên tai trái; Adam, trên tai phải.

Phần đồng hóa của hai tên này, không còn nghi ngờ nữa, bởi vì hầu hết người Chăm đều cho là con cháu của Ali. Quyền Coran ở Ba tư cũng không còn thuần túy nữa, vì có sự trà trộn của học thuyết Bái hỏa giáo cũ (anciennes doctrines zoroastriennes), cũng như một số ít du nhập vào xứ Chăm đã bị biến đổi đi nhiều, ngay từ buổi đầu tiên, Hồi giáo pháp gần như bị chìm đắm trong giáo thuyết Bà la môn và những truyền thuyết sơ khai mập mờ của tôn giáo người Chăm,

Kinh Coran (người Chăm đọc là Kuraun).

Một bài văn, dù đầy đủ hay
khiểm khuyết, đều viết bằng
chữ Á rập có xen lẫn thêm
phần chú thích rất dài bằng
tiếng Chăm. Người Chăm đã đi
quá xa so với quyền Coran
nguyên thủy. Để cho thỏa mãn
với ý riêng của mình, họ đã chủ
tâm cải hóa chữ ngữ trong
phương pháp viết theo tiếng
Chăm cận đại. Nhưng dầu sao
phương pháp phiên dịch chữ Á
rập qua tiếng Chăm, tuy có bốp
méo, họ đã theo một định luật
và luôn luôn có hệ thống, sự
phát âm rất giản dị và riêng
biệt để cho quen tai dễ nhớ. Vì
thế, lời cầu nguyện trong thánh
lễ bắt đầu bằng câu : *Bismi,
llahi, rahmani, rrahimni*, có
nghĩa : Nhân danh Allah, đức
Độ lượng, đức Nhân từ, mà họ
lại đọc thành : *Abih similla
hyor rah monyor rah himih*.

Tuy có khác biệt nhưng còn
có thể thường thức được. Trái

lại, một ông *imam* Chăm có
đọc cho R.P. Durand nghe một
đoạn văn rất đúng mẹo luật,
bài văn ấy thường được vị giáo
sĩ Hồi giáo, coi về việc báo giờ
cầu nguyện cho tín đồ, hay đọc
đến : *Allah ekbel la ilah il
allah...*, cũng ông *imam* ấy có
thứ nhận với R.P. Durand câu
dưới đây rất khó hiểu và có
phiên âm theo giọng đọc của
ông *imam* như sau đây :

*ălulu akkabar (ba lần) ;
La ilaha illănwahuk ;
wû wû wă huk akkabar.*

Giáo sĩ.

Những vị giáo sĩ có những
chức tước sau đây : 1) *Grù* (pô
gru, ông gru), sư cả ; 2) *imam*
(mom, amom, imom, ông mom),
mục sư ; 3) *katip*, người đọc
kinh ở giáo đường ; 4) *modin*
(muezzin ?), ca sinh ở giáo
đường ; 5) *acar* (car, pô acar),
thầy giảng.

Danh từ *grù*, do tiếng phạn :
guru, chỉ định cho một vị *imam*

lớn tuổi hoặc chức cao hơn, là
mượn của đạo Bà la môn ;
danh từ *modin* trùng với danh
từ *modwon* của tôn giáo khác ;
danh từ *acar* cũng bắt nguồn
từ đạo Ấn độ mà ra và do
tiếng Phạn : *acarya* là :
1) chức vị thông thường sử
dụng bởi các ông *guru* hay
ông *imam* ; 2) thuộc hân về
các ông giáo sĩ Bà ni, — còn
danh từ *basaih* dành riêng cho
các giáo sĩ đạo *Kaphir* (Bà la
môn giáo). Do đó mà có cách
diễn tả sau đây :

Pô acar isalam (athalam,
acalam : islam) *pô acar pô
Mohammât ; Pô basaih ka-
phir pô basaih pô nabi Ipb-
hurahim*.

« Ông *acar* là người Hồi
giáo : họ sùng bái thánh Ma-
homed ; Ông *basaih* là người
kaphir (người không trung
thành với đạo Mahomed) : họ
sùng bái thánh Ibrahim ».

Phục sức.

Các giáo sĩ Bà ni cạo đầu

trọc, ngày thường thì họ đội
khăn trắng to có tua đỏ, vàng,
nâu sẫm, khô rộng hay hẹp và
đậu chỉ màu khác nhau tùy
theo cấp bậc chức vị. Khi làm
lễ thì các ông ấy đội mào trắng,
không có vành, giống như mũ
thầm phạn tòa. Lúc đi đường
thì họ cất mào ấy trong một
chiếc giỏ lớn giống như cái nón
lá của người đàn bà. Việt hay
dùng. Cũng như các ông *ba-
saih*, các ông *acar* đeo trên
ngực và trên lưng nhiều đôi
túi thêu nổi bằng hàng lụa màu
sắc sỡ, và cũng giống các
ông *basaih*, các ông *acar* cầm
nơi tay một chiếc gậy tre hoặc
mây, nhưng khác với ông *ba-
saih* là các cây gậy của ông
acar không có dùng gậy cây
cau rừng có bện rề giống như
chiếc giỏ nhỏ. Y phục gồm có
một cái chăn (xà rồng) trắng,
một khăn quàng trắng, một dây
lưng trắng có tua và áo dài
trắng, thân áo hơi hẹp. Áo của
các ông *acar* có hai kiểu, tùy
theo cấp bậc, một kiểu có nút
ở giữa ngực từ cổ xuống chân,

thứ khác nữa không có nút, cổ xê hình trái tim giống chiếc áo dài dân bà Chăm đang mặc hiện nay. Còn các ông *basaih*, đạo Bà la môn, cũng mặc y phục trắng thêu đỏ, nhưng áo rộng hơn, lối may hơi khác đi và áo xê nách như áo dài Việt nam, thay vì cài nút thì họ thắt dây bằng vải (chỉ xê từ cổ tới nách, phần dưới may dính lại)

Người Chăm cho rằng :

Pô acar awal kamei, pô basaih ahyor lakei.

«*Pô acar awal*, phái nữ ; *pô basaih ahyor*, phái nam»

Thánh Đường. (Chùa)
(*mogik, mogit*).

Ấy là ngôi nhà lợp tranh, vách che phen tre đan, mặt tiền phía Tây, hướng về Monkah (la Mecque). Chờ trong cùng, người ta đặt *nyambar*, bệ thánh, không bao giờ các tín đồ cũng như các vị giáo sĩ dám chiếm chỗ ấy. Trong khi hành lễ người ta tú lên trên *nyambar*.

một bức rường trắng. (Theo sự nhận xét của chúng tôi, ngày nay hầu hết các chùa Bà ni đều lợp ngói, vách xây gạch hay trét đất. Theo lời ông già bà cả thì trước cho tới nay mặt tiền nhà chùa luôn luôn hướng về phía mặt trời mọc (hướng Đông), trong lúc vào chùa hành lễ, các giáo sĩ hướng mặt về hướng Tây, phía Monkah (la Mecque).

Câu thành ngữ sau đây phân biệt vai trò của các vị giáo sĩ trong mỗi tôn giáo của đồng bào Chăm :

*Pô acar khik thang mogik ;
Pô basaih khik baganray ;
Camonei khi bamong.*

«*Ông acar* (Hồi giáo) giữ chùa (thánh đường) :

Ông Basaih giữ *baganray*, một thứ giò đựng nhiều đồ vật đề cúng của các ông giáo sĩ Bà la môn ;

Ông Camonei theo Cabaton, tiếng *camonei* là do tiếng pali: *samana* (của Phật giáo) mà ra,



giữ *bamong*, đền, tháp hay miếu».

LỄ GIÁO.

Ramadan (*ramawan, ramo-wan*) là một nghi lễ tôn giáo bắt buộc các ông giáo sĩ Bà ni phải giữ đúng mức trong mỗi chùa do sự phó thác của toàn thể cộng đoàn Bà ni. Cứ một năm thì có một tháng (30 ngày tròn) dành cho Ramadan. Từ sáng sớm cho đến chiều tối, tất cả các *pô acar* tập trung lại trong chùa để long trọng hành lễ. Trong dịp này các ông giáo sĩ có dịp học hỏi, và cũng là

dịp để cho các người *acar gahêh*, người sẽ được làm *pô acar*, cắt tóc và nhận chức. Mỗi gian trong chùa biến thành lều trại riêng biệt của từng *pô acar* và mỗi người trải một chiếc chiếu mới, có chần gối, có những cuốn kinh, xâu chuỗi, có khay trà cau, hộp thuốc lá, ống nhổ và bác uống nước và kể đó có hỏa lò than hồng và ấm nước. Đó là những vật dụng trong suốt tháng Ramadan. Trọn tháng cấm không cho một *pô acar* nào ra khỏi vương rào

của nhà chùa, trừ phi những lễ
tắm gội hoặc đại tiện cần thiết.

Ngồi một tháng lễ bắt buộc
trên đây, suốt năm các ông
acan cũng còn dự nhiều cuộc
lễ khác nhưng chỉ sơ sài, đơn
giản, không đúng với lễ chế
cho lắm. Tháng Ramadan, người
Chàm gọi là *balan ok*, các
pô *acan* đọc kinh cầu nguyện
ngày đêm. Đây là tháng kiêng
cử đề giải tội, kiêng sát sinh và
kiêng cả vấn đề sinh dục.

Người Chàm *kaphir* có câu
chế riều người Chàm Bà ni
như sau :

*Ni anuk cam bang Kalê
dhlau nan balan tijuh, lei
bang Cabur hadei nan balan
tha lapan ; ni gah pô acar
bang muk kei tha pluh dwa
balan, nan byak rei hai oh ?*

«Người Chàm (*Kaphir*) làm
lễ *Kalê* trước nhằm vào tháng
thứ bảy và lễ *Cabur* sau nhằm
vào tháng thứ chín ; còn người
bên pô *acar* (Bà ni) thì cúng
giỗ tổ tiên suốt trong mười hai

tháng ; vậy có phải hay phải
hay không ?

Lễ Katan.

Là một thứ lễ trọng trung,
lễ cắt da qui đầu cho thanh
niên. Thiếu niên lớn lên độ 15
tuổi bắt buộc phải qua lễ này,
nghĩa là phải làm *katan* trước
khi lấy vợ. Ấy là lễ «nhập đạo» ;
nhân dịp này họ chọn lấy tên
trong lịch Hồi giáo, Ali hay
Mahomed, khi chọn tên thánh
rồi thì xem đã thọ giáo «*awal*»,
Bà ni, ngược lại Chàm «*ahy-
or*» thì chỉ được dùng ở ng ài
đạo mà thôi.

Lễ Karoh.

Bên thiếu nữ cũng vậy,
trước khi lấy chồng đều phải
làm lễ *karoh*. Theo lời giải
thích của một ông huyện Chàm
ở Phan rí (hồi quảng năm 1903)
về nguyên nhân cuộc lễ ấy như
sau : Mặt trăng là một Nữ thánh
được xác định cùng một thời
kỳ với *karoh*. Vì kể từ lúc
trăng non đến trăng tròn thì
đúng 15 ngày, cũng như thiếu

nữ đến độ đầy thì cũng vào
khoảng 15 tuổi đầu : trước thời
gian ấy còn gọi còn trong vòng
tabung, tuổi cấm đoán.

Lễ *karoh* được tổ chức
trọng thể với tất cả
khả năng sẵn có hay có thể
cố gắng hơn nữa. Lễ khởi sự,
trước tiên người ta đem cô
thiếu nữ đến trình diện với *pô
gru*, trước sự hiện diện của
imam, sau khi người ta đề một
hạt muối trên lưỡi của thiếu nữ
rồi, người ta cắt một ít tóc
trên trán thiếu nữ và cho thiếu
nữ và cho thiếu nữ uống một
hớp nước thánh. Trái lại, cấm
hành lễ công khai cho thiếu nữ
mất trinh, nếu gặp trường hợp
này, thay vì cắt tóc trên trán,
người ta cắt tóc thiếu nữ phạm
tội ở đằng sau gáy (ót). Sau
khi thọ lễ rồi, người thiếu nữ
có thể búi tóc và có thể hứa
hôn hay kết hôn được.

Đám tang.

Người Bà ni chết thì chôn
xác chứ không thiêu xác như
Chàm *Kaphir* đám tang người

Chàm Bà ni không long trọng
bằng Chàm *Kaphir*. Họ chỉ
mời các ông *acar* đến đọc vài
bài kinh cầu nguyện, tổ chức
vài nghi lễ tầm thường, cũng
có bảy lễ kỷ niệm chu niên,
thật ra tính không đầy một năm,
vì lễ chót tức là lễ thứ bảy
nhằm đúng 100 ngày kể từ ngày
người chết. Luân luôn người
ta đào huyệt kẻ mà người đã
chôn trước và chôn người chết
sau gần đó. Mỗi một giòng họ
có một nghĩa địa riêng và họ
coi nơi người chết như là thánh
địa. Sau khi chôn cất xong thì
họ vội vàng chạy về, nên có
câu châm ngôn sau đây :

*Cam motai lwai bruk bloh
cuh ;*

*Bani motai pagê byor harei
dar.*

«Chàm (*Kaphir*) chết đề
cho thối mới thiêu xác ; Bà ni
chết buổi sáng, buổi chiều chôn
ngay»

Cưới hỏi.

Sự kết hôn cử hành trước
hay một thời gian sau sự thẹn

toại hôn nhân (ngap lakhah). Sự chi phí rất nặng nề, vì các ông *gru, imom* đòi hỏi nhiều lễ vật và còn thêm người bà con đôi bên đến ăn uống đông đúc. Người Bà ni cũng theo chế độ mẫu hệ như người Kaphir, nghĩa là vợ cưới chồng. Vì phạm vi bài này nhỏ hẹp nên không thể nói hết về hôn nhân của Chàm Bà ni được.

LỄ nghi phạm thánh.

(Cérémonies profanes).

Theo tập quán, hầu hết các lễ bên Chàm Kaphir và trong nhiều trường hợp nhỏ nhất khác, các ông *acar* đều được mời đứng lễ và các ông chiếm vai trò khá quan trọng trong các cuộc lễ, chỉ trừ đám hỏa táng, hay nói chung là các đám ma bên *ahyor* thì các ông giáo sĩ *awal* nhất thiết không dự.

Kinh Bà ni.

Ngoài quyền Coran Chàm Bà ni ra, họ còn có một quyển sách rất là kỳ lạ nữa. Thiết tưởng phổ biến tài liệu ấy ra

cũng không phải vô ích. Là một quyển sách viết tay chưa hề xuất bản bao giờ, quyển này R.P. Durand đã tìm thấy ở nhà một người Bà ni tại làng *Palei Tanrang* ở hạt Phan rang (theo chúng tôi biết thì ở vùng Phan rang không có làng nào tên Tanrang, có lẽ là *Palei Hamu Tanran*, làng Hữu Đức bây giờ, tuy làng này là làng Chàm Kaphir, nhưng có vài gia đình người Bà ni cư ngụ, rất có thể *Hamu Tanran* mà R.P. Durand viết nhầm là *Tanrang* ?).

Người ta tự nhận rằng quyển sách ấy là bài tóm lược rút ra trong kinh thánh và dựa theo các sự tích cổ truyền của Hồi giáo mà viết ra, cho nên cốt chuyện đã bị khác biệt nhiều.

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CỨM

Nguyên văn quyền sách như sau :

Phiên âm nguyên văn (1)

Ni swasttik siddhik l thi mon than lei l ka panwoc anokhan ka jon tanoh riya jon akan l bloh jon yan harei bloh jon yan balan l bloh Pô Uwlwah pajon Pô Adam dahlau bloh pajon muk Tih Wa di ra-thuk on Adam hadei l san dok di dalam swarga l bloh Pô Uwlwah brei Jibirael Mo-khael morai pa likhat on Adam thon muk Tih Wa di dalam swarga rei l bloh Pô Uwlwah alin on Adam thon muk Tih Wa di dalam swarga drap biran biran mon biran nan boh kayau biran mon biran l dalam tha phun kayau Pô Uwlwah hakei jwai ban boh kayau nan jwai l bloh on Adam thon muk Tih Wa pajou anok hu tha lipan pluh tha lipan uran gam likei gam kumei l san dok tha ribaw thun lwic rai

di nogar Judah l bloh adac tol dwa ribuw thun l Pô Uwlwah padar Noh jon nobi padar nap ahoh dwa rituh thun nap jon ahok jo l san dok di nok pabun cok pàk pluh dwa thun l bloh nobi Noh wok nao Monkah klau rituh limo pluh thun l mon jon Ipburahim pàk pluh thun dok di nogar Baitol mon kat dah l bloh Pô Uwlwah padar nobi Ipburahim morai Monkah ba tha uran hadyop motyan anan sati Hajar l Bloh nobi Ipburahim morai motoh jalan wok nao nogar l bloh hadyop di di apwai di glai min oh hu tom nobi oh l bloh kumar hya maik nu nao dwah ià l wok morai boh anok nan hya coh takai di hluk nar (djar) ià tagok bloh maik nu morai boh ain bok jon binwun ià pak nan pyoh nom mok tol urak

(1) Chép theo bản phiên âm của R.P. Durand.

ni / bloh nobi wok morai
bôh banwun iâ ain tabwon
bak hatai bhap bani morai
patom gop pak nan rilô /
bloh nobi Ipburahim pajon
kakbah tagôk ain ka hu anok
likei anan Sumael dok hu
pâk pluh thun nobi lwic
rai di kakbah / bloh adac
tha lipan rituh thun / mon
jon nobi Môsa dok di cok
tor Sina hu dom thon Pô
Uwlwah tâ ula / bloh adac
limo rituh thun / mon jon
nobi Dalawôt bloh Pô Uwl-
wah padar nopi Dalawôt
bok dyuh tagôk bloh oh ka
padan kakbah oh / nobi lwic
rai di nogar Baitol mon hat
dah / bloh mon anok nobi
Dalawôt anan nobi Suleiman
/ Pô Uwlwah padar padan
kakbah tagôk bloh Pô Uwl-
wah alin nobi Sule iman tha
boh cok moht ha boh cok pa-
ryak / bloh nobi Suleiman
padar rigei patya moh thon
paryak nan bloh mok thap
di dalam kakbah hadah
thyam mon krur oh bik kyon
payau ô / bloh Pô Uwlwah

anit brei janon pron ka nobi
Suleiman biran mon di da-
lam dunya ula linik ni twei
pan nobi Suleiman abih /
bloh adac tha ribuw thun /
mon jon nobi Esa anok pa-
tri Mariyam di nogar Baiton
mon kot doh / bloh patri
Mariyam lwic rai pak nan
jo / bloh nobi Esa anok
patri Mariyam Pô Uwlwah
mok ba tagôk nao caik pak
nok di dwa tol linik / oh ka
trun mor ai nap gruk pak
ula dunya ni ô / bloh adac
dwa rituh thun / Pô Uwlwah
brei Mohammat jon nobi
dok nap gruk kakuh di no-
gar Monkah pak pluh thun /
bloh Pô Uwlwah padar
nobi Mohammat nao nap
gruk kakuh di nogar Monja-
nah dwa pluh klau thun nobi
Mohammat lwic rai di nogar
Monjanah / bloh adac liwik
tha ribuw klau rituh dwa
pluh tha thun di nothak
rimon waw ni jo / bloh on
Adam thon muk Tih Wa
pajon anok bloh joh nobi

tjuh rai / san kahrya patom
tjuh rai nobi jon morai san
bôh tha lipau ribuw klau
rituh nam thun di nothak
rimon waw ni jo III

DỊCH NGHĨA

SWasti ! Siddhik !

Sách này dạy cho ta biết
về lịch sử cấu tạo trái đất
và vòm trời. Sự sáng tạo
thần Mặt trời và Nữ thần
Mặt trăng. Rồi Pô Uwlwah
(Allah) sinh ra Pô Adam
trước và bà Tih Wa (1)
(Eve) do xương sườn của
ông Adam mà có sau. Allah
cho hai người xuống trần
ở trong vườn *swarga*, vườn
trần (địa đân) Rồi Allah
sai *Jibrael* (Gabriel) và
Mokhael (Miche), hai vị này
là thần hộ mệnh Adam và
Eve trong khu vườn trần
ấy. Đoạn Allah tặng cho
Adam và Eve đủ các thứ đồ
vật, hoa quả và trái cây.
Chỉ trừ một thứ cây mà
Allah cấm không được hái
trái cây đó ăn. Sau đó Adam

và Eve sinh ra được 99
người con, vừa trai vừa gái
(2). Hai người sống được
1.000 năm và chết tại xứ
Judah. Qua 2.000 năm sau,
Allah sai *Noh* (Noé) xuống
làm *nabi* (thánh) và truyền
cho người đồng thuyền,
một thời gian 200 năm Noé
mới hoàn thành chiếc
thuyền để trên chóp núi
trong vòng 42 năm (3), rồi
Noé trở về *Monkah* (la Mec-
que) và sống thêm bên đó
350 năm nữa. Sau đó *Ipbhu-
rahim* (Abraham) ra đời và
sống ở xứ *Baitol mon kot
doh* (4) 40 năm. Rồi Allah
sai Abraham đến *Monkah*
và người có mang theo một
bà vợ có thai tên *sati* (5)
Hajar (Agar), nhưng Abra-
ham đi được nửa đường lại
trở về. Bà vợ của Abraham
nằm lửa (lâm bồn) ở giữa
rừng trong lúc *nabi* vắng
mặt. Đứa hài nhi khóc, mẹ
nó đi tìm nước, khi bà trở
lại thì thấy đứa con ấy vừa
khóc vừa lấy chân đạp đất
sâu xuống làm cho mạch

nước vọt lên, bà mẹ mừng vô cùng, đồng thời bà lấy đất đắp xung quanh chỗ vọt nước nhĩ lên thành một cái giếng nước và sự tích giếng nước được lưu truyền đến ngày nay. Rồi Abraham trở lại thấy giếng nước lấy làm hơn hở trần tâm can, dân chúng trong vùng thấy vậy kéo nhau đến cư ngụ xung quanh giếng nước rất đông đúc. Rồi Abraham dựng *Kakbah* (Caaba hay Ka'aba), linh thạch hay tháp, lên mừng vì sanh được con trai tên *Suimael* (Ismael), sống thêm được 40 năm nữa thì *nabi* chết tại *kopbah*. Gián đoạn 900 năm, sau đó *nabi Môsa* (Moise) ra đời trên núi *tor Sina* (Sinai) và có thảo luận về việc trần gian với Allah. Cách đó 500 năm, *nabi Dalawôt* (Daoud, David) ra đời rồi Allah sai David xây thành (*Sion*), nhưng chưa kịp dựng *kakbah* thì David chết tại xứ *Baitol mon kot doh*. Con trai của David tên *nabi*

Suleiman (Salomon) được Allah truyền xây dựng *kakbah*, rồi Allah ban tặng Salomon một hòn núi vàng và một hòn núi bạc, Salomon kêu thợ lấy vàng và bạc ấy nấu đúc thành tấm rồi đem lót trong *kakbah* sáng chói huy hoàng không đâu sánh kịp. Rồi Allah thương Salomon và ban cho người chức đại thánh để hiểu dụ dân chúng, mọi người ở trần gian đều nghe lời giảng dạy của Salomon. Được một thời gian 1000 năm sau, thánh *Esa* (Issa, Jésus), con trai của *patri* (6) *Mariyam* (Maria) ở xứ *Baitol mon kot doh* (Bethléem) ra đời và *patri Mariyam* chết tại đó. Còn *nabi Esa*, con trai của *patri Mariyam*, được Allah đem lên nuôi dưỡng ở trên hai tầng trời, chưa được giảng thể phục vụ chúng sinh ở trần gian. Kế đó 200 năm (7), Allah sai *Mohammad* (Mahomed) làm *nabi*, thánh, và chăm lo việc truyền giáo tại Monkah 40 năm. Rồi

Allah sai Mahomed đi truyền giáo tại xứ *Monjahah* (Médine) thêm 23 năm nữa (8), Mahomed chết tại Médine. Rồi một thời gian lâu, 1321 năm sau, tức là năm tuổi Cọp (Hổ), năm Dần, Adam và Eve sinh hạ được những người con, và những người con ấy nối nghiệp làm *nabi* được bảy đời. Tính tất cả bảy đời *nabi*, thánh, đó được tất cả là 9.306 năm, lấy năm Dần là thời hạn chót.

- (1) *Tih*, tiếng Chăm không có nghĩa. Theo quyền khác thì viết Haowa, chứ không viết *Tih Wa* như trong quyền này.
- (2) Trong truyền thuyết Chăm viết về Pô Nagar Taha (La Grande Déesse) thì Bà cũng có 99 người con vừa trai vừa gái. Mặc khác người ta còn kể thêm : Bà có 97 người chồng.
- (3) Có lẽ do sự lầm lẫn 40 ngày và 40 đêm mưa sa bão táp.
- (4) *Baitol* (*mon kat dah*), theo R.P.

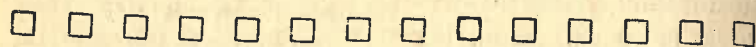
Durand, có lẽ ở Beth El trong Genèse, XII-8 : «trans-grediens ad montem, qui erat contra orientem Beth. tetendit ibi tabernaculum suum» — «Batol» còn có thể là «Beit Allah» (Nhà của Allah) những người Hồi giáo, thường hay ghép tên đó ở la Mecque Rất khó hiểu về danh từ *Monkatdah* hay có thể là tiếng *Makkatu*, la Mecque, rồi phiên âm ra. Theo truyền thuyết Hồi giáo thì Ibrahim có lập Caabah ở la Mecque (E.H)

- (5) *Satt*, tiếng Phạn viết *satt* : «vợ trung thành»
- (6) *Patri* gần với tiếng Phạn *putri*, con gái, nói rộng ra là «Đức Mẹ». Theo chúng tôi hiểu, *patri*, tiếng Chăm có nghĩa : vợ vua, con gái vua, nữ anh hùng, chung quy là nói về con gái, đàn bà thuộc phái quyền quý.
- (7) Kỷ nguyên đầu của Hồi giáo là năm 622, Mahomed chết năm 632, như vậy thời gian Mahomed lưu trú ở Médine chỉ nó 10 năm.



Lịch-sử Báo-Chí Việt Ngữ ở Cao-Miên

● LÊ-HƯƠNG ●



Người Việt sống trên đất Cao Miên ngót hai thế kỷ, tổng số hơn 300 000, hợp thành một xã hội có đầy đủ sinh hoạt trên mọi phương diện.

Riêng ngành báo chí bắt đầu «đi vào lịch sử» năm 1933. Đó là tờ *Cao Miên Hường Truyền* xuất bản hằng tuần do một người Pháp tên ALLIÉS làm chủ nhiệm. Đường lối của tờ báo là thông tin và văn nghệ, không một xu hướng gì về chính trị cả.

Thuở ấy, dưới thời thực dân

cai trị, nhón trí thức được ưu đãi, sống thừa thãi với số lương hàng tháng và các mồi bổng ngoại, ít có ai nghĩ đến sự đổi thay của chế độ. Hơn nữa, giới công chức Việt Kiều ở Cao Miên là những người khai hóa cho dân Miên trên mọi địa hạt nên mỗi người là một ông quan nhỏ nhỏ trong phạm vi quyền hạn của mình. Vì nào thích, văn chương thì làm thơ xướng họa với nhau. Vì nào muốn mở rộng kiến thức cho Kiều bào thì viết những thiên phóng sự, sưu tầm.

LỊCH SỬ BÁO CHÍ

Tờ «Cao Miên hường truyền» sống chật vật được sáu tháng phải nghỉ về đặc giả không ủng hộ. Có thể nói vào năm ấy, Việt Kiều chưa tha thiết gì đến báo chí cho lắm, dù các ký giả, văn thi sĩ đều là tay cừ.

Người chủ trương xin đổi tên lại là «ECHO DU CAMBODGE» và ấn hành bằng Pháp ngữ. Được hơn một năm lại đổi tên LA DÉPÊCHE và cù cưa đến năm 1952 lại đổi là LA LIBERTÉ đến ngày nay. Dù không sống được lâu, những người chủ trương tờ «Cao Miên hường truyền» có thể hành diện là bậc khai lộ tiên phong trong ngành báo chí của Việt Kiều.

Bảng đi một thời gian, năm 1938, ông Trần-Văn-Sơn, mục sư Tin lành xuất bản tờ báo tuần san «Phụng Sự» được Kiều bào rất hoan nghinh. Ông bà cho ra luôn hằng ngày sau vài tháng ra mắt. Đường lối cũng giống như tờ trên nhưng có nhiều thiên phóng sự về đời sống của Việt Kiều thuộc các giới, nhất là giới làm «Bùn biển», nghĩa là làm

nghề đánh cá ở Biển hồ (Tonléap). Ngoài ra phong trào làm thơ rất thịnh hành. Quý vị trí thức đua nhau nắn nót gởi đến «nhờ» báo đăng và mua báo đến xem hằng ngày. Tờ «Phụng Sự» sống được hơn 2 năm, đến 1941 bị đóng cửa vì đụng chạm đến nhà chức trách.

Ông Sơn liền xin phép ra tờ nhật báo *Phục Hưng* ngay trong năm 1941 và sống được 4 năm. Bấy giờ trên mặt báo, Việt Kiều thấy có bài bình luận về chánh trị. Tình trạng thế giới lúc thế chiến thứ hai, ngang cảnh Đông Dương bị Nhật chiếm là những đề tài nóng sốt cho nhà báo. Năm 1945, chánh phủ Cao Miên rút giấy phép tờ *Phục Hưng*!

Ông Sơn chưa ngã lòng, bèn tiến với Bác sĩ Đoàn-văn-Lượng xuất bản tờ nhật báo *Miền-Việt* phát hành trong 3 năm 1945, 1946 và 1947, chuyên loan tin về những biến chuyển ở Việt Nam để Việt Kiều theo dõi. Tình trạng báo chí Việt ngữ lúc bấy giờ thật đáng buồn cười vì Cao Miên rước người Pháp trở

lại cai trị như trước, nên người Việt không dám ủng hộ cuộc kháng chiến chống Thực dân! Ai dám hó hé một tiếng thì vào chuồng rệp, đi tàu bay còn hơn ở bót Catinat.

Trong 3 năm phục vụ bạn đọc tờ Miên-Việt có tự ý đình bản một ít lâu vì có tờ bán tuần san *Thời Báo* xuất hiện.

Sau đó, trong năm 1947, vì loạt bài « Tôi Vào Chiến Khu » tả lại cảnh sinh hoạt của một Việt kiều theo Việt Minh mà tờ báo Miên-Việt bị đóng cửa. Ông Trần Văn Sơn giải nghệ từ ngày ấy.

Cuối năm 1945, lúc Cao Miên độc lập sau Nhật bốn đầu hàng, Bác Sĩ Vũ-Kim-Vinh, Dược Sư Hoàng Xuân-Hà cùng ông Dương Minh-Châu và Vũ-Xuân-Đào, hai công chức Việt Kiều xuất bản tờ bán tuần san *Thời Báo*. Đường lối: ủng hộ cuộc cách mạng đánh đuổi thực dân ở quê hương. Báo xuất bản mỗi tuần 3 lần, bán rất chạy. Qua năm 1946, quân Pháp trở lại Cao Miên Chánh phủ Hoàng gia tiếp rước

như ông thầy cũ. Báo *Thời báo* hồ hào Việt Kiều đóng góp vào tuần lễ vàng vừa chấm dứt thì bị thực dân đóng cửa. Mấy ông chủ nhiệm, Chủ bút, Ký giả lật đật trốn về Việt nam. Rất may không ai bị chúng bắt.

Ngưng hẳn 3 năm, từ 1947 đến 1950, chánh phủ Pháp và Cao Miên mới cho phép ông Cao-văn-Kiểm xuất bản tờ tuần báo *Tân-Thế-Kỷ*. Đặc biệt nhất là báo in 3 thứ chữ Việt-Pháp-Miên. Tiếc thay báo ra được 3 số thì Đình bản vì lý do kỹ thuật. Sau đó, ông Kiên bỏ hẳn nghề báo.

Năm 1950, giáo sư Lê-văn-Bông xuất bản tờ báo tuần san *Tiếng Việt* chuyên về chánh trị văn hóa, xã hội. Sau vài tháng,

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM * NGON * NGỌT

ông Long phát hành hằng ngày được một thời gian lại đổi sang tuần báo. Ít lâu sau, ông chủ nhiệm lại ấn hành thành nhật báo và giữ luôn đến ngày đình bản, tờ *Tiếng Việt* sống được 17 tháng, đến đầu năm 1952 thì chết vì không đủ tiền chi phí. Nguyên do có thể nói là tờ báo thiếu người chuyên nghiệp phụ trách nên không thể cạnh tranh với các báo ở Saigon lúc ấy được phép lưu hành ở Cao Miên. Ngoài ra vì vấn đề Việt Kiều có nhiều điều không dám khai thác nên Kiều bào ít để ý đến báo chí và vai trò quan trọng của nó. Một yếu tố khác đáng buồn hơn là phần nhiều Việt Kiều ở xa đô thị không thông Việt ngữ hoặc chỉ biết sơ sơ làm sao hiểu nổi các danh từ mới?

Tờ *Tiếng Việt* chết nhưng tiếng tâm nó vẫn còn được nhắc nhở. Ông chủ nhiệm buồn tình về Saigon sống với nghề chánh chức của mình.

Sau khi báo *Tiếng Việt* đình bản vài tháng, ông Phan-văn-Thông, một thương gia xuất bản

tờ tuần báo *Dân Việt* vào cuối năm 1952. Báo này ấn hành theo khuôn khổ nhỏ như loại Phụ nữ ngày mai, Văn Nghệ Tiền Phong ở Saigon, nhưng nội dung hết sức nghèo nàn vì không có người viết. Ông chủ nhiệm định dùng tờ báo để làm tiền Chánh phủ Nguyễn-văn-Tâm ở Saigon chớ không phải vì quyền lợi của Việt Kiều. Tờ báo sống vất vưởng được một năm đến cuối năm 1953 thì tự động chết. Ông Thông cũng hồi hương xoay nghề làm nhà in ở một tỉnh vùng Cao Nguyên.

Ngày 10-1-1954, ông Phan-Vĩnh-Tông, giám đốc một ấn quán, xuất bản tờ nhật báo *Việt Kiều*, ấn hành 4 trang lớn như báo ở Saigon. Tuy không thể nào so nổi với báo ở Việt nam nhưng nhờ thờ « hải ngoại » tha hồ xiên xỏ Thực Dân Pháp nên báo Việt Kiều được đồng bào ở quê nhà mua với giá chợ đen! Động cơ thúc đẩy ông chủ nhiệm chuyên chú vào đề tài ấy là vì khi mới phát hành vài số, ông ta mò xuống Saigon vận động

bán cho Chánh phủ Việt nam bên cạnh người Pháp. nghĩa là ông cũng sẵn sàng ủng hộ phe họ Thực dân hoàng vậy. Nhưng không ngờ, ông ta không gặp được ông Bộ Trưởng thông tin mà chỉ chạm ông Đồng lý văn phòng hay Tổng Thư Ký và ông này cứ cù cưa, cú cưa chờ ông nhà báo đi cửa sau hoài, không thấy mới ém nhẹm luôn, không trình lên thượng cấp!

Ông Tùng nổi dóa về Nam Vang chưởi văng tê lên! Thế nhưng, dù có thay đổi lập trường, nói mạnh, nói bạo đến đâu, báo của Việt Kiều vẫn không bán chạy bằng báo ở Saigon gởi lên! Do đó ông Tùng không chịu nổi sự lỗ là phải ngưng lại vào giữa năm 1954.

Hai năm sau, ông Tùng lại xin phép ra tờ *Hồn Việt* vào ngày 1-6-1956. Qua ngày 1-6-1956, ông Đại diện Chánh phủ Việt nam Cộng hòa lên Nam Vang nhậm chức, ông Tùng giao tờ *Hồn Việt* cho Tòa Đại diện làm cơ quan ngôn luận của Việt Kiều theo quốc gia. Bấy giờ ông Tùng dùng tờ báo làm chánh trị hấn và được chánh phủ Cao Miên liệt kê tên tuổi vào « Bảng phong thần » của những nhân vật thân Saigon. Mới chủ trương và đường lối này tờ *Hồn Việt* bán cho Việt Kiều giảng tờ *Lách mạng* quốc gia ở Saigon.

Còn nữa

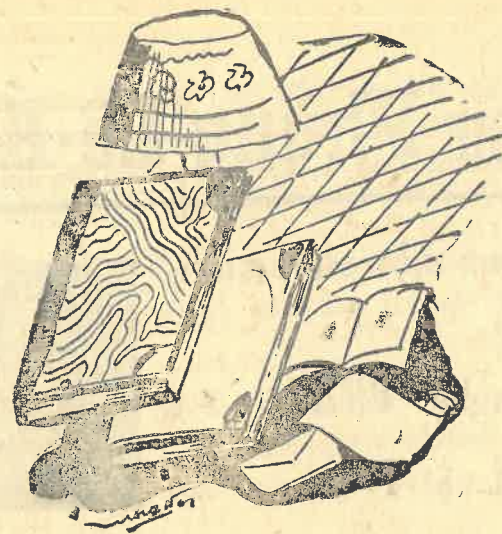
LỚP NHẠC FLAMENCO

— Lớp nhạc căn bản của các bạn yêu nghệ thuật.

--- 1 giờ gian ngắn, kết quả mỹ mãn.

do G.S. Đào Kim tốt nghiệp trường Q.G.Á.N, hướng dẫn.

Ghiên : 205/1 Cô Giang -- Phú Nhuận



Tiếng ngâm thơ

Đêm khuya, sương lạnh lạnh.

Trăng tàn mây trắng mờ.

Giữa đời hoang hiu quạnh.

Một túp lều bơ vơ.

Trong gió ngàn xa vắng

Tiếng hồn ma ngâm thơ.

Tiếng ngâm nghe vắng vắng

Từ túp lều hoang sơ.

Người đi trong đêm vắng

Đứng lại tự bao giờ!

NGUYỄN-ĐẲNG-PHONG

(Cam-Ranh)

Giáo-sư Phùng-Lê-Ánh

Thành công một phát minh
quan trọng
về kỹ - nghệ **dừa**

ở Phi-Luật-Tân



Nhật báo *Morning Times* của Phi luật Tân xuất bản tại Cebu, số Thứ Bảy 29-3-1969, mà chúng tôi đã nhận được hôm đầu tháng 4 vừa qua, đã đăng một tin lớn nơi trang nhất về sự thành công của một nhà bác học Việt Nam. Ông Phùng Lê Ánh, Thạc sĩ Hóa học, giáo sư Hóa học tại Đại Học đường Cebu, — biên tập viên của Tạp chí Phổ Thông, Sài Gòn, Ông Phùng Lê Ánh đã phát minh ra chất «amino acids» trong proteins của cơm dừa.

Những amino acids này sau nhiều thí nghiệm rất công phu, nhà bác học Việt Nam đã làm cô đọng lại được thành crystals, nhờ đó, theo lời Giáo sư Phùng Lê Ánh nói với Báo chí, «cơm dừa sẽ được xử dụng đầy đủ trong kỹ nghệ, không bỏ phí một cái gì cả, cũng như lấy «press cake» trong dầu cobra vậy».

Theo báo chí Phi luật Tân, từ trước đến nay, các phụ chất của dừa chỉ để dùng làm món ăn của súc vật. Nay, nhờ phát minh của giáo sư Phùng Lê Ánh, kỹ nghệ dừa sẽ sản xuất được thực vật cho người.

Chất Crystallized Amino Acid có một giá trị bổ dưỡng cho sức khỏe, vì nó sẽ bồi bổ cho các cơ thể thiếu chất protein.

Hiện chất mới đó được nghiên cứu thêm bằng X-Ray, tìm các tính chất lý hóa của nó, để dùng nó trong các cuộc thí nghiệm khác về Hóa học và Y khoa.

Tạp chí Phổ Thông vui mừng gửi lời thân ái khen tặng giáo sư Phùng Lê Ánh, nhà bác học trẻ tuổi của Việt Nam, làm rạng danh cho Quê Hương ở Hải ngoại,

NGUYỄN-VỸ

Chia buồn

Rất cảm động và xin thành kính phân ưu cùng Bà Quả phụ và tang quyến của

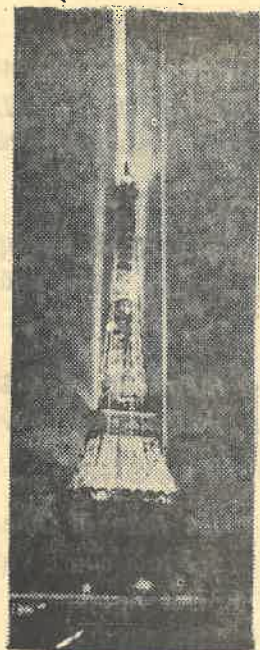
Bác - sĩ LÊ - ĐÌNH - THẨM

Pháp - danh **TÂM - MINH**

Cựu Giám-đốc Bệnh-viện Huế

đã tạ thế ngày 23-4-1969, hưởng thọ 73 tuổi.

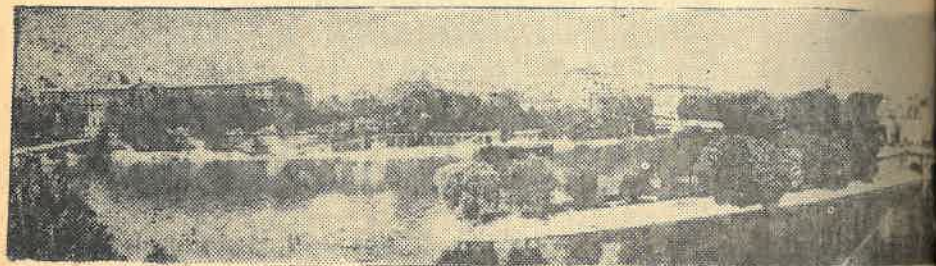
● Tâm-Tri **NGUYỄN-VỸ**



PARIS

dưới mắt một du khách Việt-Nam

★ TRƯƠNG-THẾ-PHIÊU
Kỹ-sư E.S.M.E.



PARIS

Lời Tòa soạn.— Chúng tôi trích đăng trong mục này, một loạt bài của ô. Trương-thế-Phiêu, kỹ sư E.S.M.E cựu kỹ sư Nha Khoáng Chất Việt-Nam, viết về Paris.

Cựu sinh viên du học ở Pháp từ lâu năm, tác giả hiểu biết khá nhiều về nếp sinh hoạt của dân chúng Pháp, và nhất là các giới Việt-kieu và Sinh-viên Việt-Nam.

Tác giả đã có vài cơ hội trở lại nước Pháp, và sống với kieu bào ở bên ấy.

Nhân dịp Thủ-đô nước Pháp là nơi hội họp về Hòa đàm Việt-Nam, loạt bài này sẽ đem đến cho bạn đọc thân mến của Phở Thông ở Quốc nội, một vài khía cạnh sinh hoạt của thành phố, của đồng bào Việt kieu, tri thức, Sinh viên hiện đang du học ở Paris.

Riêng về đề tài Việt-kieu ở Pháp, chúng tôi mong các bạn khác, trong số đông đảo bạn đọc Phở Thông ở Paris và các tỉnh, nhất là ở Montpellier, Bordeaux, Marseille, Lyon, v.v... vui lòng gửi về PT những tài liệu đầy đủ và linh động về nếp sống tinh thần và vật chất của các bạn. Đồng bào ở Quê Hương, đọc giả PT, rất hoan nghênh những bài của các bạn, như những bài của ô. Trương Thế Phiêu đăng nơi đây.

N. V.

Trưa hôm qua tôi còn ở Saigon chiều nay tôi đã tới Nice, một thị trấn nằm trên bờ biển miền Nam nước Pháp. Trong cảnh một ngày đầu xuân u buồn, âm đạm.

lúc bông, lúc trầm; sóng biển đánh âm âm; cây cối run bầy bầy.

Mặc dầu có bận áo Pardessus, tôi cũng cảm thấy lạnh lạnh khi viết hai tờ khai của Nha Công an và Cảnh sát ở trong một căn nhà của phi cảng.

Trời bị mây che phủ; gió rú

Ra khỏi nơi đây, tất cả các hành khách đều được cô chiêu đãi viên của hãng máy bay mời qua nhà hàng.

Một người Pháp đi cùng chuyến máy bay với tôi, bỗng trở nên tươi tắn và vui vẻ khác thường khi gặp được vợ từ miền Bắc xuống đón, họ hôn nhau say đắm như một cặp vợ chồng mới cưới và nói thao thao bất tuyệt. Rồi ông giới thiệu tôi cho bà và thuật một hơi cuộc du hành vừa qua, nào là Saigon nhộn nhịp hơn trước kia, nào là anh chủ tiệm chà và Hồi giáo ở Karachi mọp xuống đất khấn vái Chúa Trời Allah, nào là phi cảng Abadan ở giữa một vùng buồn thiu, không cây cối và nhà cửa, nào là máy bay tránh con trốt, vọt vọt lên cao, thành thử có nhiều hành khách nôn ruột và ói mửa lai láng, nào là phi cơ Huê kỳ ở Athènes ở at bay cạnh chừng miền Trung Đông v.v...

Trong lúc nghe ông nói, tôi muốn nhắm mắt lại lắm.

Tôi nhớ, tối hôm qua, ông nói

qua loa vài lời với tôi rồi ngã đầu vào ghế. Tiếng ngáy khò khò của ông và tiếng rò rỏ của động cơ làm cho tôi thức suốt đêm.

Uống xong cà phê, tôi hết buồn ngủ và liền đứng dậy đi theo cô chiêu đãi viên bên gót, khi nghe cô mời lên chiếc Constellation.

Máy bay rờ rờ cất cánh, nâng lại mời ăn kẹo. Người ta nói đó là một thứ để trị say sóng. Nhưng một bà ngồi bên cạnh thỉnh thoảng ựa mửa, mặc dầu đã có ăn nó.

Trời tối. Nice phía dưới giống như một bầy đom đóm trong rừng già. Kể mọi vật đều đen. Tuy vậy, người ta cũng phân biệt được những cái đen. Một dấu đen là cây, một miếng đen đen có nhiều điểm sáng là nhà quê, một vết lớn và đen sậm là rừng, một bèn nầy đen thui có một lằn lờ nhô là núi, một bèn kia đen mờ là trời, một đường quanh co đen ngời là sông.

Hai giờ sau, cô chiêu đãi viên

vừa ngó chừng hành khách vừa lặp đi lặp lại :

— Mời quý vị buộc dây nịt và tắt thuốc.

Thấy ánh sáng hiện ở chân trời, tôi liền thấy nôn nao trong lòng. Paris ! Paris ! Ngoài cái ma lực quyến rũ khó tả được, Ba-lê có một cảnh thay đổi theo bốn mùa : Xuân thì vui tươi như một cô gái mười bảy, trời trong, bông hoa đua nở ; Hạ thì nóng như một thủ đồ miền nhiệt-đới, cây cối xanh um ; Thu thì buồn buồn, lạnh lạnh, lá rụng, cây ủ rũ ; Đông thì trời âm u, gió thổi, tuyết rơi.

Tôi đã biết Paris ban ngày, ban đêm, và tất cả các khía cạnh của nó. Nay tôi lại muốn biết nó ra sau ở dưới tôi vài ngàn kilo mét. Tôi đảo mắt khắp cùng, kiếm nhà thờ Sacrécoeur (1), tháp Eiffel (2) nhưng lưỡng công, vô ích, đâu đâu cũng đều bị một lớp sương mù dày đặc che phủ.

Chiếc máy bay quần quần như một con bò-cắt thấy bầy gà con. Phía dưới, muôn ngàn ngọn đèn

mờ ở rải rác khắp nơi. Lần lượt hiện ra đường lộ, nhà cửa, cây cối, người ta. Và tất cả đều dường như vụt đứng lại, đón chào những người từ Viễn-Đông mới tới.

Cô chiêu đãi viên vừa bước mau giữa hai hàng ghế, vừa nói với một giọng mừng mừng :

— Đây là Orly. Xin mời quý vị xuống.

Nàng mở cửa máy bay và ra trước, hành khách đi theo sau ; nàng bước mau, họ bước mau ; nàng chậm chậm, họ chậm chậm ; nàng quẹo, họ quẹo theo ; nàng mở cửa, họ chui vô và đứng ngơ ngác trong một căn nhà có một bàn dài hình chữ U. Ở trên trần nhà có treo theo hình U mười tám bảng nhỏ ; mỗi tấm bảng đều có ghi số ; số không ở ngay chính giữa khúc cong U ; những số chẵn : 2, 4, 6, 8, ở bên hữu ; những số lẻ : 1, 3, 5, 7 bên tả.

Cô chiêu đãi viên nói :

— Mỗi vé máy bay đều có

(1) (2) Hai nơi cao nhất ở Paris.

ghi sẵn số, ai có số nào thì đứng ngay dưới số ấy.

Hành khách đều để trên bàn tất cả các món đồ xách tay.

Một lúc sau, xe chở hành lý tới, và valy được phát mau lẹ.

Bây giờ vài nhân viên Quan thuế đi phía trong bàn U, miệng nói, tay quét phấn trên các món đồ. Đến phiên tôi, họ hỏi :

— Có chi khai không ?

— Những cái gì phải khai ?

— Thuốc hút.

— Không có.

Từ phi cảng Orly đến văn phòng của hãng máy bay TAI ở trung tâm Paris, xe chạy như bay nhưng cũng phải mất trên nửa giờ. Rồi hãng cho người đem hành lý tôi ra tận xe.

Khi bước lên tắc xi, anh tài xế vận đồng hồ và nó nhảy 100 quan. Tiền đường sẽ nhảy cộng thêm sau.

Muốn đi tắc xi ở Paris, nên để ý một việc. Chiếc xe tắc xi nào đậu đầu một hàng xe tắc xi thì có

quyền ưu tiên chạy trước. Nhưng nếu mình đi gần quá, chiếc xe mà mình đã đi, phải đậu chót ở một nơi nào đó dặng chờ phiên chạy. Vậy tốt hơn, mình tránh làm việc ấy dặng anh tài xế có mỗi đi xa và kiếm khá tiền phục dịch (1).

Tắc xi đưa tôi lại Montparnasse, một xóm mà trước kia tôi lưu trú khá lâu trong lúc du học. Tôi tới lữ quán nào thì lữ quán này đều trả lời : hết phòng. Tắc xi chạy vòng vòng trong xóm ấy. Đây, nhà khiêu vũ Jockey, tiếng đồn và tiếng Cha cha, cha... lẫn lộn nhau ; kia, đèn được sáng như ban ngày, chữ xanh, đỏ... cháy, tắt ; Coupole và Dôme đều đông nghẹt khách.

Coupole chia ra làm hai phần :

(1) Ở Pháp có hai món tiền mà người ngoại quốc cần phải biết rõ :

a) Tiền phục dịch (Service) — bắt buộc phải trả ít nhất 10% của tiền đồng hồ xe hoặc của hóa đơn.

b) — Tiền nước, tiền «nhằm xà» (pourboire) — Cho theo sự hảo tâm của khách.

nhà khiêu vũ ở dưới đất có, một dàn nhạc nổi tiếng hay ở Balé, nhà hàng ở trên được coi như một trong những nhà hàng lớn nhất ở Paris. Khách chia ra làm nhiều hạng : hạng sớm mai vừa uống cà phê vừa đọc lần lượt một chực tờ đại nhật báo của Coupole mua để cho khách xem ; hạng mười một giờ uống rượu khai vị ; hạng 12 giờ ăn bữa trưa ; hạng 16 giờ uống trà, ăn bánh, hạng 20 giờ ăn bữa tối hoặc uống cà phê. tilleul hay rượu, nhìn nhau nói chuyện nhào ; hạng từ 24 đến 5 giờ sáng là hạng đi chơi đêm ăn sangwich hoặc soupe d'oignon. Người ta có thể nói mỗi người dân Paris đều có đến Coupole ít nhất một lần trong đời mình.

Quán rượu cà phê Dôme thì hơi khác, là nơi hẹn hò của gian phu dâm phụ, của khách dâm màu da như người Nga, Đức, Nhật, Mỹ, Á-rap, Malga-sờ, Camerou-ne v.v.. Những khách ấy đều là văn nghệ sĩ đương trau giồi văn chương, nghệ thuật hoặc cách-mạnh-gia đương chờ thời. Dôme có một tủ kiếng để trưng

bày các thư từ của người ta gởi cho khách. Nếu khách thấy có tài mình thì bảo anh thiện trưởng lấy cho và không cần trình thẻ căn cước. Mỗi năm Dôme có mở một cuộc triển lãm hội họa và ai được giải nhất thì lãnh 150.000 quan.

Trước mặt «Dôme», bên kia đường là nhà hàng Rotonde. Hồn Lénine và Trotsky dường như phát phơ ở đó. Trước kia, hai nhà cách mạng ấy thường đến Rotonde, vừa uống cà phê vừa tranh luận chủ nghĩa Mác xít.

Gần Rotonde, trước mặt Coupole là Select, một quán cà phê mà trước kia nổi tiếng là nơi gặp gỡ của những người đồng tính luyến ái (homosexuals).

Xa xa, cùng một vệ đường với Select, có một hẻm rất hẹp giữa hai bức tường cao vọt vọt. Théâtre de poche của hãng France Guy ở trong hẻm ấy. Nó là một rạp hát nhỏ nhất ở Paris và chỉ vốn vốn có 60 ghế thành thử khán giả có thể thấy đạo kép đánh phần thua xa phía sau sân khấu.

Trước hẻm ấy, phải bên kia đầu đường là Dupont, một nhà hàng khéo sử dụng ánh sáng đủ mào để chiêu khách.

Khúc đường chạy từ Dupont đến Dôme dài lối chừng 500 mét, được coi như là một khúc đường quan trọng nhứt của Montparnasse. Một xóm đã gieo bao nhiêu sự nhớ nhung trong trí não của những người đã viếng Paris.

Khi tắc xi vượt qua một ngã tư ngo, tôi liền bảo anh tài xế ngừng. Tôi nhảy xuống xe, lòng rất khoan khoái, bước mau vào lữ quán và mở cửa. Một tiếng «kèn» vang dội, báo tin có khách tới. Tôi đi ngay lại văn phòng. Một bà nhìn sững tôi. Tôi vừa bắt tay bà vừa hỏi:

— Bà nhớ tôi không?

Bà không thả tay tôi đáp:

— Nhớ... nhớ!... Lạ quá!.... không biết gặp ở đâu.

— Trước chiến tranh tôi thường tới đây chơi với hai bạn đồng song René Pique và Georges Tsamis.

Bà vụt giơ tay lên trời và la:

— Mèn ơi! Lâu quá!...

Anh thứ lỗi cho tôi vì lớn tuổi, ưa quên. Và lại mỗi ngày tôi thấy tới lui ở đây vài chục khách và từ mấy chục năm nay không biết bao nhiêu là kẻ vô người ra nên làm thế nào nhớ nổi. Người Viễn-Đông lại hơi giống giống với nhau cả, cũng một màu tóc đen huyền, cũng một tướng mạo...

Bà mời tôi ngồi và chúng tôi trò chuyện rất vui vẻ. Một chuyện được nhắc lại như vậy:

Sau khi Thủ tướng Daladier tuyên bố chiến tranh với Đức quốc, mỗi người dân Paris ra khỏi nhà đều mang tròn ten ở vai một mặt nạ mà Nhà nước đã phát để phòng ngừa hơi độc iperitor (Ypérite).

Một hôm nọ, còi báo động vụt thổi vang tai, diếc óc. Mọi người đều chạy chui đại vào những nhà có dán chữ «Abri» (1).

(1) Những nhà chắc đều được phòng vệ thụ động chỉ định làm hầm núp.

Bà, tôi tớ và tôi lật đặt cúp nước, điện, hơi nầu và dẫn vài chục người đi đường đã vô nhà bà xuống hầm núp.

Dưới hầm ấy có đủ đồ đạc: xuống, cuốc, ghế v.v... chúng tôi đều đứng trầm mặc nghĩ ngợi, mắt ngó xuống đất, tai nghe xe bồng thập tạt và xe Cảnh sát chạy như bay và rú lên từng chập.

Bỗng nghe tiếng súng cao xạ và tiếng rọ rọ của máy bay Đức. Chúng tôi đều quỳnh, kẻ đọc kinh, người khấn vái, người lại làm dấu chữ thập... Ai đó sợ quá, nín không được, vụt la: Chết! Máy bay tới trên đầu chúng ta!

Một cô dầm, mặt tái xanh, lật đặt mở xách lấy khăn tay ra, vén vẩy lên, dúi trên khăn ấy và đắp nó lên mặt. Tại vì Ủy ban Phòng vệ thụ động có dặn, trong trường hợp không có mặt nạ, nước tiểu từ được hơi độc.

Bà cười, tôi cười, hai chúng tôi cười ngất, cả sau khi chuyện đó đã xảy ra. Nhưng bây giờ mỗi lần bà cười, mắt híp lại, gò má nổi lên, vai và ngực đều rung rinh. Bà ngồi choán tròn một ghế bành tượng, lấy khăn chặm mồ hôi.

Tôi trông thấy, khi trở về già, người da trắng thường trở nên mập mạp, còn người da vàng thì ốm teo.

Sự nhớ đến tắc xi đứng đợi, tôi liền hỏi:

— Bà còn phòng?

— Rất tiếc không còn cái nào hết...

Bây giờ là 22 giờ, chắc lữ quán, nào ở Montparnasse cũng không còn phòng cho mượn. Xóm này giống một bến xe; hành khách từ các tỉnh lên đây nghỉ một đêm để đi miền Tây Bắc, hoặc từ miền Tây Bắc lại Paris.

Tôi vụt nhớ trước kia Georges Tsamis, René Pique và tôi thường đứng ở từng lầu chót của nhà bà và ngó qua ga Montparnasse.

Đường sắt chẳng chịt trên mặt đất; còi đồ phất qua lại; chuyển xe nầy xi xích đến, phun khói ra đen sì; chuyển xe kia đi, hoét hoét rùm trời; hành khách và các anh khuôn vác, lưng cong dưới va ly nặng, xuống lên, tới lui không dứt suốt ngày. Đêm nay tôi lên ngủ tạm trên từng lầu chót ấy.

(Còn tiếp)

các giới Thượng lưu, Trí thức, Văn học, của Thủ đô Bắc kỳ.

Thời Lê mạt. Nữ sĩ Hồ xuân Hương có đến vãng chùa Quán Sứ một lần. Cô có đề lại cho hậu thế một bài thơ làm cười ngất những người đương thời với cô, cho đến cả những người của thế hệ hôm nay. Bài thơ phi thường, tuyệt bút, ngoài cô nữ sĩ mạt rồ da chì của Thăng Long, đổ ai làm nổi ?

Một cơ hội may mắn cho thi hứng trào lộng của cô cháy đầm đìa trên mặt giấy : cảnh chùa vắng teo.

Quán Sứ sao mà cảnh vắng teo ?

Hỏi thăm sư cụ đạo nơi neo ?

Cảnh chùa vắng là thường. Nhưng chùa Quán Sứ, một nơi công quán của Triều đình, sao mà vắng thế ? Sư cụ đi đâu ? Ngài «*đạo nơi neo ?*» Câu hỏi khôi hài, lắt léo, lộn lẹo, của cô làm cho ai nấy cũng phải cười rồ lên. Có lẽ Sư cụ nghe được cũng phải cười ngất ghẹo.

Xin lỗi, không phải Hồ xuân Hương có ác ý gì đâu. Tại tiếng Việt Nam của ta, nó lắt léo như thế đấy. Cô Hồ xuân Hương chỉ xử dụng đúng chỗ cái tiếng nói trêu trêu rất bình dân, và rất ngây thơ, vô tội, tiếng nói cổ truyền của người Việt Nam, phổ biến cái bầm chất trào phúng của tinh thần dân tộc. Cô Nữ sĩ tài hoa, sản phẩm của «ngàn năm văn vật» chỉ biết khai thác khéo léo cái đặc tính ngôn ngữ ranh mãnh và oái oăm, vừa lộ liễu ồm ồm, vừa gói ghém tế nhị, tiếng nói tình cảm phong phú và trong sạch, tiếng nói tượng trưng dồi dào, thâm thúy, của giống người Việt Nam. Thế thôi.

Cô Hồ xuân Hương không thêm lạm dụng lối trào ngữ trêu trêu có nhiều khía cạnh đó trong bất cứ lúc nào, hay bất cứ chỗ nào. Cô thận trọng và tinh xảo ghép nó vào đúng chỗ và đúng lúc. Trước cảnh chùa vắng teo, câu hỏi của cô rất hợp thời, hợp cảnh, hợp lý không thể nào bắt bẻ, hay chê bai, phiên trách

có chỗ nào được cả. Hơn thế nữa, trước khi bước chân đến chùa Quán Sứ, chắc hẳn là cô đã nghe thiên hạ đồn đãi thế nào rồi về tư cách của vị trụ trì chùa này. Cho nên cô mới dám mạnh miệng thốt ra câu hỏi : «*Sư Cụ đạo nơi neo ?*», câu hỏi rất là vô lễ, rất là hỗn, rất là phạm thượng nếu Sư Cụ có tiếng là một vị Chơn Tu, một bậc Cao Tăng đầy đức độ, thật từ bi, tinh tấn. Nhưng tại vì Sư cụ chùa này đã có lắm sao đó, đã bị tín đồ thập phương biết rõ chơn tính tà dâm, nên cô gái họ Hồ mới làm thơ chế riễu.

Kẻ ganh ghét, mạ lỵ, hoặc kẻ không hiểu nổi cô, gán cho cô là «dâm ô, tục lưu, lẳng lơ» v.v.. thật là hoàn toàn không đúng. Vì chính «*đương sự*», — đây là Sư cụ chùa Quán Sứ, — dâm dăng, lẳng lơ, nên cô phải dùng đến trào ngữ thích hợp với tính tình và hoàn cảnh của chủ đề bị mô tả. Suốt bài thơ đều một giọng dí dỏm thích nghi đó.

Chày kinh, tiều đề suông không đảm,

Tràng hạt, vãi lần đếm lại đeo.

Chúng ta lại cười nữa ! Cái cô nữ sĩ nghịch ngợm, oái oăm, lại làm cho tiếng cười của cô vang dội vĩnh viễn tất cả các thế hệ đàn ông, đàn bà, trai, gái, không riêng ai.

Sư Cụ «*đạo nơi neo*», thì còn chú tiều ? Chú tiều lại lười biếng, không cầm chày kinh mà động chuông, bỏ cái chày nằm suông trên kệ. «*Đảm*» chuông là phận sự của chú tiều, cái «*chày kinh*» kiền cổ kia là của chú, sao chú không xử dụng nó để «*đảm*» ? Nhưng nói như vậy không phải đề hỏi chú như hỏi Sư Cụ, vì chú là chú tiều, còn nhỏ quá, còn lơ đãng, vô tình vô tội.

Có bà Vãi kia mới đáng đề ý. Hồ xuân Hương thấy là đang lần tràng chuỗi hạt, «*đếm lại đeo*», cô phì cười. Bà Vãi này, cũng như ông Sư Cụ, chỉ giả danh đi tu, chứ tu gì, bà ? Tràng hạt của các Ni cô chân chính, là một bửu vật thiêng

liêng. Các Sư nữ chân tu, hoàn toàn thoát tục, lần chuỗi hạt đề điếu 108 tiếng xưng danh Đức Phật A Di Đà, Đức Phật Thích Ca, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, với lòng thành kính tôn nghiêm.

Chứ bà Vãi chùa Quán Sứ, ai mà không biết bà! Sư Cụ chùa này sống chung với bà Vãi, hai nhà tu hành hẳn có hành động bất chính, nên cô Hồ xuân Hương không sợ gì mà không phê bình; trong lúc Sư Cụ «đáo nơi neo», thì bà sư nữ, già vờ lẩn tránh hạt, nhưng chỉ «tắm lại đeo» mà thôi. Theo Luật pháp nghiêm chỉnh của Phật, chùa Tăng già ở riêng, chùa sư nữ ở riêng, hai qui chế cũng cách biệt nhau. Sao ở chùa này. Sư và Ni lại ở chung?

Cô Hồ xuân Hương đâu có dám nói phạm đến các Ni cô chân chính? Có bao giờ cô làm thơ tả một cảnh chùa sư nữ đề chế nhạo các bậc Tỷ Khưu Ni đâu? Có bao giờ cô làm thơ hăm dọa với các sư nữ đâu? Nhưng thấy ở chùa Quán Sứ,

sao lại Sư Cụ ở chung với Sư nữ, nên cô bêu môi cười: *Tràng hạt vãi lần đếm lại đeo!*

Đó là cô lột mặt nạ cô Vãi ở chùa Quán Sứ mà thôi.

Tôi thường chứng minh rằng Nữ sĩ Hồ xuân Hương có tính thẳng thắn, bất cần, bất chấp, bất úy. Các nhò Thi nhân tài ba chân chính, trong Lịch sử Văn học Việt Nam cũng như Thế giới, từ cổ chí kim, đều được sinh ra trên đời với sẵn cái tính tình trung trực, thanh cao, lý tưởng siêu thoát, như Hồ xuân Hương. Nếu hiểu được Hồ xuân Hương như thế, thì yêu Hồ xuân Hương vô cùng, quý Hồ xuân Hương vô kể, phục Hồ xuân Hương vô tận vô biên.

Neurotonic

BỒ OC

THÊM TRÍ NHỚ

Chỉ những kẻ ngu xuẩn, những «phường lòi tói» «lũ ngẩn ngơ» như Hồ xuân Hương thường khinh bỉ, mới dám bảo nàng Thi hào duyên dáng của Việt Nam là tục tĩu, dâm ô.

Đọc những câu thơ trên đây, chúng ta cười thỏa mãn, cười ngất với cô, chính là cười cái lỗ lảng, giả mạo, của những kẻ phàm phu tục tử mượn lớp vàng son sơn quét bề ngoài để che giấu cái tâm hồn và tính nết xấu xa, bẩn thỉu, đầy tội lỗi của họ. Xã hội ngày nay, chẳng khác mấy xã hội Hồ xuân Hương,

cũng đầy rẫy những «phường lòi tói» ấy. Còn hơn thế nữa, một số ác tăng, giả mạo thượng tọa, đại đức bất lương, phản cả Phật, bỏ cả Pháp, khinh cả Tăng, lợi dụng ngôi Tam Bảo, đầu cơ Tôn giáo, chính trị Dân Tộc, đề lo «sung sướng» cầu danh trục lợi, cho cái cá nhân tồi bại, dơ dáy, ghê tởm của chúng.

Cha kiếp đường tu sao
lắt léo,

Cảnh buồn, thêm ngán
nợ tình reo.

(Còn nữa)

LỚP NHẠC

FLAMENCO

— Lớp nhạc căn bản của các bạn yêu nghệ thuật.

--- Thời gian ngắn, kết quả mỹ mãn.

do G.S. Đào Kim tốt nghiệp trường Q.G.Á.N, hướng dẫn.

Ghi tên : 205/1 Cô Giang -- Phú Nhuận

Rồi Đến Một ngày

THU-MAI

Sligdon, 10.1-29.

Vân thương.

Đêm nay sẽ là đêm hạnh-phúc điểm-tuyệt nhất trong đời mây. nhưng nó cũng sẽ là một tối đau-xót nhất trong kiếp sống của tao.

Trong khi mây đang gối đầu trên đầu gối người tình ngủ say sưa, hồn phiêu du tận thiên thai. Thì ở đây, nơi căn phòng quanh hiu, trống vắng, tạo đang ngồi ủ rũ bên ngọn đèn mờ nhạt, viết cho mây những giòng này. Để khi mây đọc được nó, mây sẽ hiểu vì sao trong ngày vui trọng đại của mây mà tao không đến chia mừng.

Tao không đến vì tao sợ Vân ạ.

Phải tao sợ lắm, sợ khung cảnh huy-hoàng của ngày cưới với những lời chúc tụng của họ hàng, bè bạn, tiếng cười đùa trêu ghẹo đôi tân lang, và tiếng nhạc làm xao xuyến lòng những cô gái chưa chồng. Sợ rượu cưới tràn ly, sợ quả mừng sắp đầy bàn, sợ áo hồng, vương miện hoa trắng rực rỡ của cô dâu, cặp tay người yêu bước lên xe hoa trước bao ánh mắt thỏa nguyện của người thân.

Vân ơi ! Làm con gái, mây ai lại không mơ ước được sống những phút giây sung sướng đó hở mây ? Những năm trước, thời con gái, chưa bỏ nhà đi hoang, đêm đêm tao thường nằm mơ thấy đám cưới của mình thật lớn,

RỒI ĐẾN MỘT NGÀY

họ hàng bè bạn đến mừng chật nhà, tiệc tùng vui đùa suốt sáng. Tao còn mơ thấy mây, Ngọc đi phù dâu, cả ba đứa đều mặc áo hồng, đẹp lộng lẫy như ba nàng tiên giáng trần. Riêng tao sẽ đẹp hơn tất cả, vì tao đội vương miện, choàng voan trắng, thướt tha như... nữ hoàng trong ngày lễ đăng quang. Tao còn mơ nhiều nữa cơ mây ạ. Toàn là những giấc mơ đẹp tuyệt trần.

Nhưng thực tế cuộc đời không đẹp ! Như mây biết, tao đã bỏ nhà đi hoang, nghe theo tiếng gọi của tình yêu, lấy chồng không trông không kèn, cũng vì cha tao không chịu gả tao cho Viên, bắt tao phải ưng một anh đàn ông lạ làm chồng. Để phản đối, tao bỏ nhà trốn đi..

Lúc đó, tuy chưa quên được những ước mơ, nhưng tao lý luận, để tự an ủi mình, rằng cưới hỏi chỉ là một hình thức bên ngoài, không có chi quan trọng, một thứ khuôn sáo cũ từ ngàn đời, có hay ho chi đâu mà bắt chước ?

Bây giờ, dù rằng tao chẳng

ân hận gì về hành động của mình, nhưng thỉnh thoảng tao vẫn nghe ray rứt buồn, như đã đánh mất một cái gì yêu quý nhất, mà sẽ không bao giờ tìm lại được.

Đầu tiên, mối tình của hai đứa tao thật say sưa nồng mặn, nhưng rồi, dần dà, nó cũng như chiếc áo, theo thời gian phai nhạt. Một ví dụ điển hình đề mây thấy rõ sự lợt lạt đó.

— Tháng đầu tiên, hai đứa sống chung, chàng hôn tao 100 lần trong 24 giờ, tháng thứ hai, 80, tháng thứ ba, tuột xuống 50, tháng thứ tư, còn 30, tháng thứ năm, 15, tháng thứ sáu, 10, tháng thứ bảy, còn 5. Và bây giờ nó xuống thang đến một mức tối thiểu : còn 1, nhưng có ngày cũng bị cúp luôn. Mà dù có cỡ nữa, đây cũng chỉ là một cái hôn máy

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CỨM

móc, thói quen. Có lẽ vì vậy mà nó nhạt hơn cả chewing-gum !

Cùng lúc, tao cũng khám phá — nói khám phá thì có vẻ to chuyện và không đúng, chính Viên đã gián tiếp cho tao biết điều đó — Viên có người tình mới ! Mới đầu, biết việc đó, tao sững sờ đau xót cùng độ, nhất quyết sẽ hỏi Viên vì sao chàng khổn nạn như thế. Nhưng khi bình tĩnh lại, tao thấy vô ích, khi làm việc ấy, Viên hiểu chán đi rằng như thế là tồi, là khổn nạn. Hồi nữa chỉ bằng thừa !

Thình thoảng tao nghe mấy mụ hàng xóm họ tán chuyện với nhau :

— « Con bé thiệt hiền, gặp chồng dặt mèu đi sờ sờ trước mắt mà vẫn làm thính. Bà thì bà xé xác. Đề chịu sao nổi. »

— « Xí, cái mặt thế mà hiền. Không dám nhí nhố thì có, chứ hiền lành với ai. »

— « Quái, làm sao lại chẳng dám ? »

— « Mang gói theo người ta

chứ cười bởi gì. Lấy quyền chỉ ngăn cấm được họ. »

Vân ạ ! Nếu mày là tao, nghe những lời đó, mày sẽ làm gì, nghĩ gì ? Tao không phải là một loại thảo mộc nên cũng ưu tu trước những câu dèm pha ác độc ấy.



Không phải riêng gì thiên hạ họ có vẻ khinh khỉnh và ác cảm với mình, mà là cả chồng mình nữa đấy. Mày xem có đau xót chưa ! Đến bây giờ, người ta vẫn chưa xóa được cái thành

kiến không mấy đẹp về những đứa con gái dâm vì tình yêu, gạt bỏ mọi lễ nghi, tập tục. Với họ, những người đó vẫn là : « Đồ con gái hư, đồ theo trai. » Kể cả người đàn ông mà mình đã dâng hiến đời mình cho họ !

Có lần tao nghe hai người đàn ông tán chuyện :

— « ... Cái đó thì dĩ nhiên rồi... nó dâm cuốn gói theo mình để dăng tới một ngày nào đó nó cũng sẽ làm thế với những thằng khác. »

— « Nghĩa là mày nhút định cưới con bé Minh ? Mày làm thế không sợ tổn đức sao ? »

— « Ừ, nghĩ cũng tội cho em đấy, nhưng ông bà tôi bắt buộc biết làm sao đây. Đành vậy. Rồi em sẽ tìm được ngay một thằng nhẩy vô thể chân tao. Không chừng còn bảnh hơn tao nhiều. »

Mày cho tao miễn phê bình những lời « vàng ngọc » đó !

Mà nghĩ cho cùng, tao cũng chả trách gì thiên hạ đấy. Cả người

chồng mình, mà hồi mới yêu nhau, mình là chúa, chàng là tôi, Nhưng bây giờ, khi mình chẳng còn gì, thì chàng trở mặt khinh thường. Trách chi thiên hạ hờ mảy !

Kiếp con gái của bọn mình là vậy đó Vân ơi !

Mày lấy chồng có cưới bỏ đảng hoàng, tuy đấy không phải là một yếu tố đem đến hạnh phúc, nhưng nó sẽ là một thứ khí giới, dù là mỏng manh, để bảo vệ nhân phẩm của mình đấy. Bây giờ tao mới nghiệm thấy rằng các cụ nói có phần đúng. Không có sự chứng giám của hai bên gia đình trong việc vợ chồng, thì sau này phần thiệt sẽ về mình. Sẽ không có ai bình vực, giúp đỡ mình, nếu người chồng tàn nhẫn bỏ rơi !

Vân ơi ! Tao không biết nói gì với mày nữa đây. Chắc chắn là thế nào rồi mối tình của hai đứa tao cũng sẽ tan vỡ. Tao biết trước điều đó, nhưng sao mỗi lần nghĩ đến... tao không biết phải diễn tả làm sao để mày hiểu hết nỗi đau đớn của tao bây

giờ. Vâng ời! Sao dần ông họ lại tàn nhẫn đến như thế hở mây?

Trong khi tao yêu Viên hết lòng, dám vì chàng nhận chịu mọi hy sinh, thua thiệt, cũng như sự khinh rẻ, từ bỏ của cha mẹ, bạn bè. Mỗi lần đi ăn cưới của một con bạn là về nhà đau túi tiền miên, nhưng tao nào có dám hé răng tâm sự với Viên, sợ chàng buồn. Như vậy mà Viên không hiểu, chia sớt dùm tao những ray rứt, ưu tư, sầu khổ, và lòng tao yêu chàng. Mà mỗi ngày Viên mỗi ra mặt hắt hủi, khinh khi, mai mỉa, và đang dự tính phản bội tao!

Mây cũng biết, tao đâu phải là đứa con gái tồi. Tuy không sắc nước hương trời, nhưng không đến nỗi thua ai. Nội trợ tao cũng chẳng dốt. Viên nghèo, hai đứa sống thiếu trước, hụt sau, tao vẫn vui cười, chịu đựng Viên. Tiền Viên kiếm được, tao có tiêu phí một đồng nào đâu, trừ tiền cơm gạo. Mây ời, tao không tìm hiểu được nguyên nhân nào

Viên hết yêu tao. Chỉ còn một duyên cớ duy nhất mà tao tin tưởng: tính bội bạc và tham lam của dần ông!

Vân thương. Bao nhiêu đó đủ cho mây hiểu vì sao tao không đến dự lễ thành hôn của mây hôm nay. Chúc mây vui và sống trong hạnh phúc triền miên. Đừng bất hạnh như tao!

Bạn mây
Diễm.

Sài gòn, 6-5-69

Vân thương,

Cám ơn mây đã an ủi tao, nhưng bây giờ tao không thềm than trách nữa đâu mây ạ. Tao sẽ làm một cái gì để trả thù Viên, trả thù giống dần ông tham lam, bạc bẽo, ích kỷ.

Chắc mây chưa quên việc con Kim mập lấy chồng? Nó cả xấu như ma lem, lại mập, già, mà còn kiếm được một anh chàng xỏ mũi đem về làm chồng. Thì chẳng lẽ tao như thế này mà không kiếm được một tên dần ông chịu

cưới làm vợ hay sao?

Báo tin cho mây biết. Chủ nhật này tao sẽ làm đám cưới với Khanh cận, ở Á Đông. Chắc mây chưa quên anh chàng cận thị đạo nào, vẫn bám riết theo tao, lúc còn đi học. Bây giờ Khanh đã là Luật sư rồi đấy mây ạ. Tao tin rằng mây cũng không quên vụ Khanh cận đã dụ dỗ một con bé ở cùng xóm, lấy nó có thai rồi bỏ, đến nỗi nó phải tự tử để khỏi bị nhục nhã!

Chắc mây ngạc nhiên lắm Vân nhi? Không chừng mây cho tao điên cũng nên. Không đâu mây. bạn mây còn tỉnh lắm, tỉnh hơn xưa nhều. Có tình nó mới nhớ rằng trong số quan khách phải mời, có Viên.

Mây biết không, cùng ngày đó, ở Á Đông, sẽ có hai đám cưới, một của tao với Khanh, một của con Lan. Đừng cau mày mây, để tao kể hết cho mây nghe. Chuyện cũng có phần ly kỳ đấy.

Sau này, tao khám phá ra rằng

Viên đang say mê Lan, một cô bạn, cùng học Văn khoa với tao, mới quen sau này, lúc mây đã nghỉ học. Lan không yêu Viên, vì biết chàng đã là chồng tao. Nhưng Viên vẫn đeo đuổi ráo riết. Trong khi đó, Khanh cận, sau khi biết tao không còn chung sống với Viên, cũng lờ lờ tìm đến. Một hôm Lan nói cho tao biết chuyện Viên đang đeo đuổi nó. Thế là tao nảy ra một ý định. Lan sẽ bằng lòng lấy Viên, tao sẽ đồng ý làm vợ Khanh, cùng làm đám cưới ở Á Đông, một ngày, một giờ. Nhưng tuyệt đối không nói cho Viên, hay Khanh biết việc đó. Quên nói với mây, là gia đình của Lan ở Lào, nên nó chẳng sợ gì.

Bây giờ, tao xin từ giả trước vợ chồng mây. Tao ra đi lần này, không biết đến tao giờ mới được

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM * NGON * NGỌT

gặp lại vợ chồng mày !

Tao nói cho mày biết điều này dù mày có muốn ngăn cản cũng vô ích, vì khi lá thư này đến tay mày, thì tao đã đi rồi. Hiện tại, tao và Lan đang có vé máy đi Canada, tại tao đã xin được hai học bổng 3 năm. Máy bay sẽ cất cánh đúng 10 giờ đêm Chủ nhật, 8 giờ tối, tiệc cưới đang tung bừng, tao và Lan sẽ lên lấy xe chạy ra phi-trường, đồ đạc tại tao đã gói trước hết rồi.

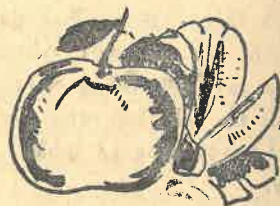
Mày có nghĩ là Khanh và Viên cùng đi với bọn tao không ? Nếu họ cùng đi thì tội gì bọn tao phải trốn lên hờ mày. Tao không yêu thương gì cái anh chàng Khanh đâu kia, cũng không còn muốn làm vợ Viên, — Tao chỉ muốn trả thù Viên, trả thù đàn ông. Còn Lan, nó chỉ vì tao mà bằng lòng đóng kịch thế chứ nó đã có người yêu rồi. Vả lại nó ghét Viên thậm tệ, vì chàng đã hại cuộc đời tao. Nó với tao bây giờ thương nhau cũng như ngày xưa tao với mày ! Hai đứa tao tưởng

tưởng đến cái lúc tiệc cưới đang rộn rịp, mọi người đang ăn uống tung bừng, bỗng nhiên hai cô dâu biến mất. Lúc đó cái mặt của Viên và Khanh chắc tức cười lắm mày nhỉ !

Lần chót, tao xin cầu chúc vợ chồng mày luôn luôn hạnh phúc, con trai, con gái đầy nhà. Ở Quảng Đức dạo này chắc buồn lắm mày nhỉ ? Đông đi hành quân luôn, mày có lên ruột không ?

Âu yếm gọi cái hôn thật kêu cho đứa con sắp chào đời của chúng mày.

Bạn mày
Diễm



CON
VỎI
CON
VỎI

★ Cao Nguyên Lang

1-4-1967

(Tếp theo P.T 222)

Thời kỳ kháng chiến. Tôi rời bỏ thanh phố theo đoàn người tản cư lên miền rừng núi Việt Bắc.

Mặc dù, ra đi với hai bàn tay trắng. Phải vật lộn với sinh kế, với những hiểm họa bom đạn, đe dọa mạng sống hàng ngày. Nhưng, ít nhiều, tôi vẫn cảm thấy thích thú — Cái thích thú của những thanh con trai miền xuôi, mang sẵn trong mình tí máu giang hồ vật lộn từng ấp ủ trong đầu những giấc mơ huyền bí của núi rừng.

Thế rồi, tình cờ, trong những ngày phiêu dạt ở Mai Đà, tôi gặp lại Đinh Công Đốc — gã con trai Mường, tôi quen hẳn, từ khi hẳn còn theo học ở Hà nội — Đinh Công Đốc là con trai Đinh Công Phú, ông vua xứ Mường, đứng đầu dòng lang họ Đinh, thuộc sắc dân Mường Hòa Bình.

Đinh Công Phú, ngoài địa vị hiển hách. Ông ta còn có biệt tài săn bắn, nổi tiếng không thua gì Bảo Đại và Thi Baud, thừa bảy giờ.

Do sự giới thiệu của Đinh Công Đốc, tôi được Đinh Công Phú quý mến, và coi như những người thân trong gia đình. Đinh Công Phú thường tuyên bố: *Tất cả những giống thú rừng, là của Trời dành riêng cho ông ta, không phải nuôi, nhưng muốn thịt lúc nào cũng được* — Từ hổ, báo, hổ, nai, lợn rừng ... Trong nhà ông ta không thiếu một món gì — Thịt tươi có. Mà thịt ướp cũng có.

Duy có khoản thịt voi thì, Đinh Công Phú công nhận là, «*ăn không ra gì*» ! Nhưng ông rất khoái săn voi. Bởi vì, đối với những tay thợ săn, phải là những tay thiện nghệ, mới có thể săn voi. Còn, thông thường, «*người ta*» chỉ làm «*hầm xấp*» bảy voi — bắt những con voi sống bán cho các gánh xiếc, hoặc làm voi thờ, chở hàng — Được tiền hơn là voi thịt !

Ở những miền rừng núi Việt Bắc, các giống thú rừng như : hổ, nai, hổ, báo, heo rừng

thì nhiều lắm. Nhưng, những loại khác, như : Voi, trâu rừng, sơn dương... thì hơi hiếm — Không phải ở khu rừng nào cũng có. Do đó, mỗi lần tổ chức một cuộc săn voi, phải mất thật nhiều công phu, và tốn kém. Từ Mai Đà lên khu «*láng voi*», thuộc ranh lai Châu, giáp Lào, đi bộ mất cả năm sáu ngày đường. Số gia nhân đi theo Đinh Công Phú, ít nhất, cũng phải vài ba



chục mạng. Không kể những phí tổn khác, chỉ nội tiền ăn, cho hai ba chục cái miệng đớp cả tháng, cũng thấy bọn rồi !

Nhân một chuyến đi săn voi, Đinh Công Phú dẫn tôi đến một khu trại voi của những người thợ «*săn Voi sống*» trên ngọn đồi gần láng voi.

Điều, khiến tôi ngạc nhiên là, những chú voi ở đây không có dừ dằn; phá phách. Ngược lại tất cả đều hiền lành, thuần thực, không khác gì những... con trâu nuôi ở nhà.

Người thợ săn, chủ trại voi, nói với tôi :

— Giống voi cũng tinh khôn và có tình cảm như người.

Ngay lúc ấy thì một con voi tiến lại gần chúng tôi, chỉ cách chúng năm, sáu thước. Đột nhiên, nó đứng sừng lại, vểnh hai tai, nhìn chúng tôi, rồi rống lên từng hồi.

Tôi hơi hoảng. Người thợ săn vẫn điềm tĩnh, vỗ vai tôi :

— Ông cứ yên trí. Nó không làm gì đâu...

Đoạn, hẳn ta chỉ vào khẩu súng săn đeo trên vai Đinh Công Phú, giải thích :

— Có thể nó nhìn thấy khẩu súng của «*quan Lang*» đây... Nhưng đó là phản ứng đột nhiên, không đủ để nó làm dữ. Bởi vì, những con voi, khi đã về đến

đây. nó thừa hiểu, người đối với nó, không còn nguy hiểm. Ngược lại, là những «ân nhân» nuôi dạy nó hàng ngày.

«Thoạt đầu, những con voi bị lột «hầm bầy» thì con người đối với nó là thù địch. Những người thợ săn đem thức ăn đến cho nó, đôi khi nó không thèm ăn, la rống vang trời. Nhưng lần lần, con thịnh nộ của nó dịu đi, sau khi nó đói quá. Người ta vẫn đem thức ăn đến cho nó hàng ngày để chiều dụ nó.

Muốn biết con voi có còn thù nghịch với mình không — Người thợ săn lột chiếc áo mặc trên người ném xuống hầm. Khi con voi đã thuần thục, bắt đầu cảm tình với người, thì nó đưa vò; đỡ tấm áo, ném trả lại cho người hàng ngày đem thức ăn đến cho nó. Bằng ngược lại, nó hất chiếc áo xuống chân chà cho nát bầy. Song, dù dữ dằn đến đâu, cũng chỉ một thời gian, voi ta cũng trở lại hiền lành, ngoan ngoãn, dễ được kéo lên khỏi hầm.

● Tinh thần thương yêu và trợ giúp đồng loại.

Điểm khác biệt hơn các giống thú vật khác, ở con voi, là tinh thần thương yêu và giúp đỡ đồng loại khi lâm nạn.

Định Công Phủ nói chuyện với tôi : Có lần, ông ta bắn một con voi, trong đàn voi ba con, bị thương — cũng ở khu rừng Láng voi. Theo lẽ, những con voi không bị đạn, có thể xông lên phản công theo hướng viên đạn nổ, trước khi bỏ chạy. Nhưng, hai con voi kia, thấy đồng bọn của nó bị thương, khụy xuống. Cả hai xoay đầu, nhìn con vật bị thương, vẻ sửng sờ. Rồi, bất ngờ, chúng cúi đầu xuống, dùng hai cặp ngà, luồn dưới bụng con vật bị thương, từ từ nhấc bổng lên... Và, dường như, không

REGAST. T
TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
VÀ LỞ LOÉT BAO TỬ

quant tâm đến vụ nguy hiểm đang rình rập xung quanh. Hai con vật khệ nệ đều con vật bị thương đi sâu vào khu rừng. Viên quan lang đâm thương hại, không nỡ bội tiếp những viên đạn, mà ông tin, chỉ trong nháy mắt cả ba con voi đều bị hạ một cách ngon lành. Ông ta lẳng lặng xách súng đi theo. Khoảng chừng ba cây số, thì con voi bị thương hồi tỉnh, gượng gạo bước đi được. Hai con vật kia buông hai cặp ngà đỡ dưới bụng, ép hông vào hai bên mình con vật bị thương... tiếp tục đoạn đường.

Thường, những phương tiện săn bắn voi, của người Việt thừa bấy giờ, không thể có đầy đủ như những người Tây Phương. Những tay thợ săn phải đón lõng ở những nơi voi thường qua lại. Ngồi nấp trên một nhánh cây, dùng súng «Mút» — loại súng tận hồi xưa — cưa đầu đạn, để có sức phá mạnh — nhắm sao cho trúng lỗ tai nó, thì chỉ một phát là nó quỵ ngay. Kỳ dư, ở những bộ phận khác, chỉ có thể làm nó bị thương, và vẫn chạy được.

Chưa kể những nguy hiểm, nếu gặp voi đàn, chúng phản ứng lại, thì ngon chết như chơi !

Đừng tưởng, voi chỉ là giống vật to xác mà ngờ nghệch. Đã có người săn voi bị táng mạng chỉ vì chút sơ khoáng. Anh ta nấp trên một cành cây to, tưởng như thế đã là vững rồi. Vừa lúc, một con voi lạc lõng đi qua. Nhắm vừa tầm súng, anh ta nổ một phát thật lẹ. Không may, con voi chỉ bị thương. Nó rống lên. Một bầy, cả chục con voi khác kéo đến. Anh thợ săn trút nốt số Thềm vài con nữa dính, bị thương nhưng không con nào quy cả. Chúng lồng lộn, phá phách như điên trong khu rừng. Cây cối đổ ào ào. Riêng anh thợ săn, nấp ở một thân cây khá to, nên đàn voi

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỄN

thấy khó mà quật đổ. Song, chúng đầu có chịu. Chúng quyết «làm thịt» cho bằng được anh thợ săn, trả «món nợ máu»! Mấy con trong đàn voi, vẫn tiếp tục dùng đầu húc mạnh vào thân cây. Còn mấy con khác đi hút nước, dùng vòi bơm tràn vào gốc cây. Nhờ có nước, đất bị ẩm, thân cây bị đàn voi thay phiên nhau mỗi con với sức nặng cả tấn, xô vào thân cây lớn bị tróc rở, đổ rầm. Anh thợ săn bị đàn voi sâu xé táng mạng.

Trường hợp trên đây chứng tỏ loài voi không chỉ khôn vặt. Mà chúng còn tinh khôn, mưu trí không khác gì người.

● Ái tình và bồn phận.

Cũng trên ngọn đồi của Trại voi gần lán voi, tôi đã từng chứng kiến hai con voi làm tình.

Từ trong bìa rừng, một chú voi đực dương phát phơ dùng vòi táp những cụm cỏ non đưa mồm... Cách đó chừng 200 thước, một chị voi cái

tách rời khỏi đàn, tiến về phía chú voi đực. Thấy chị voi cái, chú voi đực ngừng táp mồi. Nó khẽ lung liêng cái vòi, thật duyên dáng. Chị voi cái cũng hí lên vài tiếng đáp lại, có mồi ăn chịu. Đột nhiên, cả hai cùng vươn cao vòi, xáp lại gần nhau. Cho đến khi hai cái mồm nó dính liềng với nhau. Không khác nào cặp tình nhân trao đổi với nhau những nụ hôn nồng thắm.

Anh voi đực, sau đó, lùi lại, lấy vòi táp một cụm cỏ non. Nó lại cẩn thận quật quật cụm cỏ vào đầu gối, cho những cục đất dính ở chân cỏ rất xuống... đoạn đưa lên miệng chị voi cái. Xong đầu đây, cả hai áp vai nhau, tiến sâu vào lùm cây...

Người thợ săn nói chuyện với tôi: Đó chỉ là bước đầu của cuộc trao đổi tình cảm. Nếu con voi cái chịu, thì màn ân ái thực sự sẽ diễn ra, trong một quảng rừng vắng vẻ — Về điểm này có lẽ giống voi cũng học cách «làm tình» kin đao như người — Và cuộc hú hí như

thế kéo dài cả tuần lễ. Nghĩa là, khi nào chị voi cái thấy đã đầy đủ, thỏa mãn... thì thôi!

Tuy nhiên, không phải vì thế mà chúng rời nhau. Chúng vẫn khắng khít bên nhau ngày đêm. Thời kỳ «trăng mật» của cặp vợ chồng mới, phải ít nhất là mười tháng. Chị voi cái trở lại nhập đoàn cũ, như thời kỳ chưa gặp chú voi đực, lúc này chị ta mang «bầu» rồi. Từ lúc mang bầu, đến lúc «bể bầu», tính ra đến hai mươi một tháng — Chứ không phải là 9 tháng, 10 ngày như loài người giống cái.

Chú nhỏ, hay cô nhỏ — voi con — ra khỏi bụng mẹ, đã nặng ngót một tạ — trung bình vào cỡ 90 kí lô — Và chỉ cần trong mấy phút là nó có thể đứng, và chấp chững đi được rồi.

Điều, có một số người tưởng lầm, voi con phải bú mẹ bằng vòi. Vì bụng con mẹ nó cao, làm sao nó với tới được, để bú bằng mồm? Không! Mỗi lần cho con bú, bao giờ voi mẹ cũng quỳ xuống. Con voi con cuộn tròn vòi

lại, cho khỏi vướng vít — Nó bú bằng mồm rất ngon lành!

● Nuôi Dưỡng và dạy dỗ con cái

Một con voi con, lẻo đẻo theo một đoàn voi trong đó có mẹ nó chú voi con tung tăng thể nào hụi chân rớt xuống một gành suốt khá sâu. Tất cả đoàn voi ngừng lại. Con voi mẹ rống lên. Nó quỳ xuống, đưa vòi bắt con voi nhỏ, nhưng không tới. Hai con voi khác nhào vội xuống suối, dùng hai cặp ngà luồn vào bụng chú voi con, nâng bổng lên bờ, cho mẹ nó đỡ.

Để trừng phạt chú nhỏ tinh nghịch voi mẹ dùng vòi quật lia lịa lên mình chú voi nhỏ, ra cái đều cảnh cáo rằng: Lần sau phải đi đứng cho cẩn thận, đừng có tung tăng, chạy nhảy, là... bỏ đời có phen!

Lại một lần khác, một người thợ săn cho hay: Anh ta nhìn thấy một con voi cái dùng vòi quắp con voi nhỏ đặt nằm ngang trên cặp ngà của nó, cả ba ngày liền, đứng bất động &

CON VOI

một chỗ, không ăn uống gì. Thì ra, con voi nhỏ, con nó, đã chết. Sau đó nó thần thờ đem con voi nhỏ đến một gốc cây lớn, đào hố chôn... Rồi lúi búi bước đi. Điều bộ của nó thật thâm hiểm !

Giống voi thọ lắm, cũng chỉ sống được đến 60 năm. Những con voi già, khi đã đến tuổi quá yếu, cũng được những con voi trẻ bảo vệ kỹ lưỡng. Thường, bao giờ cũng vậy. Một con voi già đi theo đàn, đều có hai con voi trẻ đi kèm, đỡ hai bên. Gặp «biến cố», bị các bác thợ săn nổ súng, việc đầu tiên của hai con voi hộ vệ là, đẩy con voi già nằm xuống, nấp ở một chỗ kín tránh đạn. Hoặc, nếu không, thì một trong số hai con, phải đứng chắn ngang làm bình phong che chở con voi già. Còn một, nhảy xổ lên phản công trước mũi súng của bọn thợ săn.

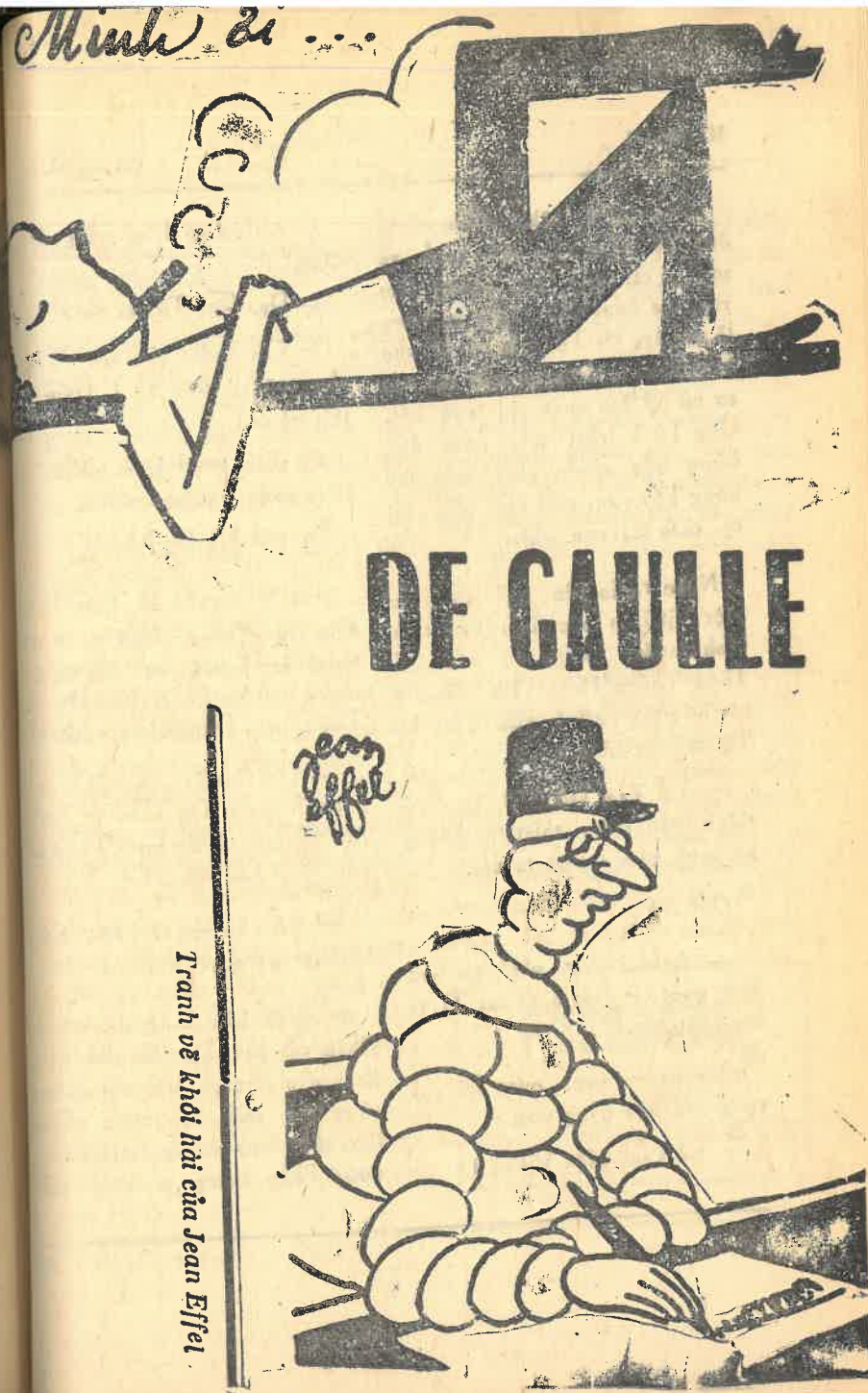
Ở đây, cần nhấn mạnh thêm một điểm : Có nhiều người tưởng, voi thân hình đồ sộ, nặng nề, voi rất khó xoay trở, và chậm chạp. Ngược lại, chúng rất nhanh, và vô cùng lẹ làng, khi cần phản

ứng trước những vấn đề xây dựng.

Quý bạn có thể tin, một con voi sức nặng tới ba tấn rưỡi, có thể bước trên một trái dừa nhẹ nhàng, không những không ngã. Mà, nó chỉ làm rập vỏ trái dừa một cách khéo léo, vừa phải, để khi trái dừa ra, ruột trái dừa vẫn còn nguyên không bị dập nát.

Duy chỉ có điểm hơi tai hại, cái thân xác to lớn — do đó cái bao tử cũng quá lớn — khiến voi chỉ được ngủ rất ít. Giấc ngủ của nó ngắn gần gấp đôi giấc ngủ của loài người. Chỉ riêng về ăn thôi, nó đã phải mất đúng 16 tiếng để ngốn vào bao tử 300 kilo lá và cỏ, với từ 110 đến 190 lít nước, trong mỗi ngày. Đó mới chỉ là vấn đề «ăn». Còn vấn đề «đi kiếm ăn» lại là một chuyện khác, khá hao tổn thì giờ !

Phải chỉ, nếu cái bao tử của loài người cũng «bề thế» như cái bao tử của loài voi, thì những cuộc chém giết, tai, họa chiến tranh, còn khốc liệt biết mấy ? !



Được nghỉ ngày chúa nhật, ông Tú mua hộp sơn xanh vẽ sơn lại cái vách ván phòng làm việc của ông, lâu ngày bị loang lổ dơ ầy. Bà Tú ngồi vá đồ cho ông Tú, và đơm lại mấy cái nút sơ mi và nút quần bị sút hết. Ông Tú ở trần, mặc quần đùi, đứng trên chiếc ghế, một tay bưng hộp sơn, một tay cầm cái cọ, chân chỉ sơn phết.

Nghe radio bên nhà cô Tám Hột Vịt Lộn loan tin tức về tình hình nước Pháp, từ sau khi Tổng Thống Pháp De Gaulle rút lui ngày 28-4 vừa qua, bà Tú nói một mình :

— Cô Tám Hột Vịt Lộn cứ thích vặn radio thiệt to, không sợ hàng xóm người ta nói.

Ông Tú :

— Anh không ghét gì hơn bằng ghét cái Radio và cái Ti vi kêu oang oác.

Ông ngừng sơn, quay lại gọi vợ qua nhà hàng xóm :

— Cô Tám Hột Vịt ơi !

Có tiếng cô láng giềng duyên dáng :

— Dạ. Ông Tú gọi em ?

— Cái Radio của cô nó kêu như con vịt đực ấy ! Đem làm thật nó đi !

Cô Tám cười khúc khích, rồi tiếng radio vãn nhỏ nhỏ ..

Im một lúc, bà Tú hỏi :

— De Gaulle là người thế nào. Mình nhỉ ? Người ta suy tôn ông là bậc anh hùng giải phóng nước Pháp hồi Đệ nhị Thế Chiến. Đúng không. Mình ?

— De Gaulle đâu phải một bậc anh hùng. De Gaulle cũng đâu có giải phóng nước Pháp hồi nào ? Ai bảo em thế ?

— Em nhớ em có đọc trong tờ báo hay quyển sách nào đó.

— Sách báo đó là do người Pháp của phe De Gaulle viết, hoặc nếu là sách Việt thì dịch ra từ những sách báo trên. Theo thực tế lịch sử thì cuộc giải phóng nước Pháp không phải là nhờ

De Gaulle, mà nhờ quân đội Đồng Minh, Anh — Mỹ. Quân Pháp cũng có tham gia giải phóng, nhưng chỉ một phần nhỏ, dưới sự điều khiển của Quân lực Đồng Minh. Riêng cá nhân De Gaulle, ông chỉ là «lãnh tụ Nước Pháp Tự Do». (Chef de la France Libre) thế thôi.

— Nước Pháp Tự do, là thế nào hả Minh ?

— Muốn hiểu, phải nhắc lại từ hồi sơ khởi Đệ nhị Thế Chiến. Năm 1940, khi Paul Reynaud điều khiển nội các chiến tranh, thì Đại Tá De Gaulle vừa mới được thăng chức Thiếu tướng, và được Reynaud nhận làm thứ trưởng Bộ Quốc Phòng. Nội các này mới thành lập ít hôm thì nước Pháp bị quân đội Hitler tràn ngập xâm chiếm các tỉnh miền Bắc và miền Đông. Tổng Tư Lệnh Quân đội Pháp là Đại tướng Weygand, nhận thấy không đủ sức chặn đứng làn sóng Nazi, ào ạt tràn vào gần Paris, quyết định xin đình chiến. Thống chế Pétain tán thành đề nghị của

Weygand. Nội các Reynaud phản đối, nhưng chính phủ phải di cư vào Orléans, bỏ ngỏ Paris cho quân Đức chiếm. Nội các Reynaud cương quyết đeo đuổi chiến tranh. Chứ không chịu đầu hàng. Trước làn sóng Đức càng ngày càng mạnh, chính phủ Reynaud lại phải dời vào Bordeaux, ở miền Nam. Pétain và Weygand cứ nằng nặc đòi chính phủ phải xin đình chiến để cứu Miền Nam nước Pháp. Reynaud xin từ chức, và Tổng thống Pháp đương thời là Albert Lebrun mời Thống chế Pétain lập Nội các đình chiến, để chấm dứt chiến cuộc giữa Pháp và Hitler. Tất cả những nhân vật của nội các Reynaud không chịu đầu hàng, đều phải trốn ra ngoại quốc, hoặc đi tản mác các nơi, hoặc bị bắt bỏ tù. Đó là ngày 17 tháng 6 năm 1940.

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CỨM

Thiếu tướng De Gaulle, nhờ một chiếc phi cơ Anh, bay trốn qua London.



Thiếu tướng De Gaulle lúc trốn qua Anh,

Lập tức ông điều đình với Thủ tướng Churchill và chính phủ Hoàng gia, giúp đỡ ông lập phong trào «Nước Pháp Tự do» để kêu gọi người Pháp ở trong nước và Hải ngoại tiếp tục chiến đấu bên cạnh Anh quốc và Đồng minh để cứu nước Pháp. Chính phủ London chấp nhận và giúp ông đầy đủ phương tiện để thực hành ý nguyện. Thủ tướng Churchill đề ông được quyền sử dụng đài phát thanh London để loan

tin tức của «Nước Pháp Tự do» và liên lạc với các nhóm người Pháp ở các thuộc địa Á Phi.

— Lúc mới thành lập phong trào chắc đã có nhiều người Pháp theo phe De Gaulle, hả Minh?

— Còn khuya! Lúc De Gaulle đọc trên đài phát thanh London bản «Kêu gọi ngày 18-6 1940» của ông thì chỉ mới có một nhóm thân hữu hợp tác với ông không quá 5 người. Đại đa số người Pháp chưa biết De Gaulle là ai, vì ông chưa có làm gì nổi tiếng.

Trong Quân đội, ông chỉ mới được thăng chức Thiếu Tướng 2 sao cách đó mấy hôm thôi, chưa có thành tích chiến đấu vẻ vang, chưa có chút uy tín nào để cho người Pháp tin tưởng. Nhưng nhờ sự giúp đỡ triệt để của Thủ tướng Churchill và chính phủ Hoàng Gia Anh về mọi phương diện tài chánh, quân sự, tiếp vận, tuyên truyền, dần dần phong trào «Nước Pháp Tự do» được nhiều

người hưởng ứng, bởi lúc bấy giờ nó là phong trào duy nhất kháng chiến chống Hitler và chống chính phủ Vichy của Pétain và Laval, chính phủ này ra mặt công khai hợp tác với Hitler chống lại Đồng minh Anh Mỹ.

— Như vậy thì tại sao De Gaulle ghét Mỹ? Riêng De Gaulle, hay cả nhân dân Pháp ghét Mỹ?

— Nhân dân Pháp nhớ ơn Mỹ đã giải phóng Quê hương của họ, chứ họ không có lý do gì để ghét Mỹ cả. Nhưng riêng De Gaulle, vì lý do tự ái cá nhân, lý do quyền lợi và uy tín vị kỷ, tuy lúc nào ngoài miệng cũng tuyên bố thân thiện với Mỹ, biết ơn Mỹ, như hai lần Kennedy và Eisenhower chết, hai lần ông thân hành bay qua Mỹ để đi đưa đám hai vị Tổng thống Mỹ, nhưng về chính trị ngoại giao quốc tế De Gaulle luôn luôn ưa thọc gậy vào bánh xe Mỹ để thỏa mãn một mối thù vật của ông.

— Mối thù à, Minh? Thù gì mà dai thế?

— Nguyên do là ngày 7 tháng 11-1942, Mỹ đổ bộ Bắc Phi với sự sắp đặt trước của Churchill, mà không cho De Gaulle biết. Vì lẽ dễ hiểu là phong trào De Gaulle tuy vậy vẫn còn yếu, nhiều thuộc địa của Pháp vẫn theo chính phủ Pétain (như Đông Dương của Decoux chẳng hạn), người Mỹ chưa hoàn toàn tin vào lực lượng De Gaulle, một Thiếu tướng kiêu căng, độc đoán, chưa gây được uy tín trong giới Quân đội Pháp còn nguyên vẹn ở Hải Ngoại, nhất là ở Bắc Phi. Trái lại, Tổng thống Mỹ Roosevelt lại mời một vị Đại tướng Pháp, tên là Giraud, có chiến công oanh liệt đã bị Đức bắt giam trong ngục thất và đã tìm cách thoát ly được, nhờ một chiếc tàu ngầm của Mỹ ban đêm đến cứu ông trốn thoát khỏi nước Pháp bị quân Đức chiếm đóng. Đại tướng Giraud sang Bắc Phi, lại được Quân đội Pháp ở đây tin nhiệm và tự đặt dưới quyền chỉ huy của ông với sự giúp đỡ của Mỹ. Mỹ tin tưởng nơi Đại tướng Giraud hơn là thiếu tướng De Gaulle, và việc

t ợ khi giới, quân nhu dồi dào để ông này thành lập Quân đội Pháp tiếp tục tham gia chiến tranh với Đồng minh. Theo kế hoạch đã bàn tính từ trước với Churchill, ngày 7-11-1942, quân Mỹ sẽ đổ bộ lên Algérie của Pháp. Quân đội Pháp ở đây còn theo Pétain, và chống De Gaulle. Nhưng nhờ có Giraud, quân đội Pháp ở Algérie bằng lòng bỏ Pétain để theo Giraud, thành đạo quân kháng chiến chống Đức, với sự viện trợ và hợp tác của quân đội Mỹ đổ bộ và đặt dưới quyền tư lệnh của Đại tướng Giraud.

Tunisie, Algérie, Maroc, 3 thuộc địa lớn ở Bắc Phi của Pháp lần lượt bỏ chính phủ Pétain, và theo Giraud.

De Gaulle tức giận Tổng thống Mỹ Roosevelt sao lại mời Đại tướng Giraud mà không mời Thiếu tướng De Gaulle. Thủ tướng Churchill tuy là người đỡ đầu cho De Gaulle, nhưng từ khi gặp Giraud ở Bắc Phi, và thấy Giraud đã củng cố mặt trận Bắc Phi sẵn sàng chiến đấu chống

quân Đức, Churchill cũng tán thành Giraud. Nhưng vì Churchill đã lỡ đỡ đầu cho De Gaulle, đã lỡ «lancer» ông lãnh tụ quá độc đoán và kiêu căng của phong trào «Nước Pháp Tự do», nên Churchill và Roosevelt đặt kế hoạch mời De Gaulle qua Bắc Phi để hợp tác với Giraud. Cả hai người đều chiến đấu chống chính phủ Pétain và chống Hitler, thì tại sao không đoàn kết lại với nhau để tăng cường lực lượng? De Gaulle nhận được giấy mời của Tổng thống Mỹ, bắt bẻ rằng giấy mời đó do ông Thủ Tướng Anh trao, chứ không phải do chính Tổng thống Mỹ trao. Ông từ chối không đi Bắc Phi và không hợp tác với Giraud. Ông tuyên bố: «Chỉ có một mình tôi là De Gaulle, là lãnh tụ Nước Pháp Tự do».

Churchill hăm dọa, nếu De Gaulle từ chối hợp tác với Giraud, thì chính phủ Hoàng Gia Anh sẽ không nhìn nhận phong trào De Gaulle nữa. Đến nước

bi. De Gaulle đành phải bay qua Bắc Phi, ngày 22 tháng 1 năm 1943, để gặp Giraud. Hội nghị Roosevelt — Giraud — De Gaulle — Churchill nhóm lại Maroc, và De Gaulle giả vờ niềm nở bắt tay Giraud. Mặc dầu De Gaulle trước chiến tranh hãy còn là Đại tá, phục vụ dưới quyền trực tiếp của Đại tướng Giraud là thượng cấp của ông, bây giờ vì quyền lợi tối cao của nước Pháp, Giraud cũng vui vẻ bắt tay hợp tác ngang hàng với De Gaulle. Đề khởi có sự chia rẽ. Giraud tuyên bố:

«De Gaulle muốn làm lãnh tụ hay là gì tùy ý. Riêng tôi, Giraud, tôi chỉ có một mục đích duy nhất: là chiến đấu chống Hitler để giải phóng nước Pháp, cho đến thắng trận hoàn toàn.» Mặc dầu vậy, De Gaulle cũng tìm các mảnh lợi thủ đoạn chính trị, để dành phần lãnh tụ độc nhất về mình, cả về phương diện quân sự, để gạt Giraud ra ngoài. Ngày 26-5-1943, De Gaulle vận động thành lập Chính phủ Cộng Hòa Lâm thời ở Alger (Gouvernement Provisoire de la République à Alger) mà ông làm chủ tịch. Ông

lần lượt thu hết quyền hành chính trị và quân sự trong tay ông. Ông áp dụng chính sách độc đoán, để một mình ông sẽ được tiếng là giải phóng nước Pháp.

Ngày 14-6-1944, sau khi Quân đội đồng minh Mỹ Anh đã đổ bộ đất Pháp và đã lần lượt giải phóng các tỉnh từ miền Normandie, Bretagne, xuống Paris, De Gaulle theo sau cũng đổ bộ lần đầu tiên trên đất Pháp, và theo sau bộ đội Mỹ tiến về thủ đô Paris. Đến đây vì một chút cảm tình tế nhị để danh dự cho Quân đội Pháp, quân Mỹ và đồng minh đóng ở ngoại ô, cho bộ đội Pháp dưới quyền chỉ huy của Đại tướng Leclerc, tiến một mình vào Paris. De Gaulle chỉ vào sau khi Bộ đội Leclerc đã chiếm đóng các yếu điểm thành phố mà quân Đức đã đầu hàng, nhờ có quân Đồng minh Anh Mỹ yểm trợ ở ven đô thành phố.

Bà Tú cười:

— Thế thì De Gaulle đâu có thật sự giải phóng Paris và toàn

thề nước Pháp ?

— Sức mấy ! Từ chiếc xe tank không lồ cho đến chiếc xe jeep, từ viên đại bác bự, cho đến viên kẹo đồng colt, đều là của Đồng Minh viện trợ tuốt. Máy bay cũng là máy bay của Đồng Minh. Đồ bộ được lên đất của Quê Cha Đất Tổ cũng là trên tàu chiến Đồng Minh, của Anh, Mỹ, Gia nã Đại. Sự tham gia của Pháp có thể nói là tượng trưng mà thôi. De Gaulle chỉ đi sau đuôi, khi quân Đồng Minh đã dọn dẹp sạch sẽ chiến trường, các thành phố đã treo cờ mừng chiến thắng.

Nếu gọi là anh hùng chiến thắng, thì nên chỉ vào các Tướng Leclerc, Juin, De Lattre de Tassigny ở các mặt trận, chứ De Gaulle chỉ nghĩ đến chuyện chính quyền.

Sau khi Paris được giải phóng, De Gaulle vội vã lập chính phủ Cộng Hòa Lâm thời, nhưng đã bắt đầu có sự chia rẽ gắt gao giữa ông với Charles Bidault, và các

dại diện khác của F.F.I. (Lực Lượng Pháp Quốc Nội), tức là các lực lượng kháng chiến (Résistance). Các lực lượng này cũng do Đồng Minh yểm trợ phần lớn. Chia rẽ trầm trọng đến nỗi tháng 1 năm 1945 De Gaulle nhai từ chức Chủ tịch, và cuốn gói về vườn, ở Colombey -- Les -- deux Eglises.

— Rồi làm sao De Gaulle trở lại nắm chánh quyền ?

— Về vụ lộn xộn ở Algérie, ngày 13-5-1958, — lộn xộn một phần cũng do De Gaulle gây ra, bọn Pháp thực dân ở Alger làm dữ, tính kéo về Paris để giải tán chính phủ Cộng Hòa... Người ta phải gọi De Gaulle ra giàn xép. Đồng thời Tổng thống Coty nhường ghế Tổng thống cho De

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI
THƠM * NGON * NGOT

Gaulle. Nhưng từ 1958 đến nay, ba lần ông lợi dụng tình hình bất ổn, đề «trung cầu dân ý». Lần đầu ông cũng được thắng lợi vì dân chúng Pháp muốn tránh các cuộc loạn. Đến nay thì chánh sách độc tài, kiêu căng, anh hùng cá nhân, chánh sách ngoại giao thù ghét vô lý đối với Anh, Mỹ, đã gây ra nhiều điều xáo trộn cho nước Pháp và cả Âu Châu. Cho nên cuộc trưng cầu dân ý hôm 27-4 vừa rồi chứng tỏ cho De Gaulle thấy rằng gần 60% nhân dân Pháp đã chán ngấy ông. Ông phải vội vã tuyên bố rút lui, mặc dầu đến 1971 mới hết nhiệm kỳ Tổng thống của ông.

Neurotonic

BỒ OC
THÊM TRÍ NHỚ

— Mình à, với lại em thấy De Gaulle bây giờ đã già rồi, đâm ra lảm càm. Ông rút lui là phải, Minh nhỉ.



De Gaulle xách cặp ra đi..

— Ủa, Chánh sách o bế Nga sô là một lảm càm. Đến khi xảy ra vụ Nga xâm chiếm Tiệp Khắc, thì De Gaulle đã kí h Nga. quây về o bế Mỹ, là hai lảm càm, phản đối Anh vào thị trường



chung Âu Châu là ba lần cầm.
Phản bội Do Thái, là bốn cái lần
cầm. Cư xử tồi tệ với Miền
Nam Việt Nam mình là năm cái
lần cầm. Tự cho mình «duy ngã
độc tôn» là sáu cái lần cầm.
Trưng cầu dân ý lần này là cái
lần cầm cuối cùng. và hàng tá
cái lần cầm khác nữa !

Bà Tú nhìn ông Tú thấy sơn
xanh rơi rớt cùng mặt mũi. tay
chân, bà cười ngật ngổ :
— Bộ Minh muốn làm thơ sơn
như Hitler đề ứnh De Gaulle
hà, Minh ? !

Ông Tú tức cười làm hộp sơn
đồ chày iùm lùm xuống sàn nhà..

●★



của
LINH-GIANG

Máu anh tô thắm !...

Dâng về hương hồn Anh và em tôi...

Tôi đứng bên này dòng Bến Nghé
Đồng nước Cà Mau...
Đăm đăm về Trung, miền Thùy dương xa ngái
Bao thuở hận sầu !
Đứt một lòng đau !...
Thương về mẹ già... ái ngại !...
Vỡ vở thàng, năm... tóc ngã lên màu...
Đêm đêm nhìn núi rừng
Lệ đổ rưng rưng !
Xót mảy người con hăm vòng lao lý,
Đã chết đi khi tuổi xanh vừa hé nhụy !
Đau thương biết mấy cho cùng...
Lớn lên tang chế... nã nùng bao Đông !
Thế mà tôi
Vẫn đứng bên này dòng Bến Nghé

Đắn đắn về Trung chẳng xót đôi hồi !
 Buồn tủi mấy mươi !
 Hai mấy năm trời biển biệt đôi nơi
 Cách nẻo...
 Lòng đau thắt thắt!...
 Nghĩ hồ cho mình, biết nói làm sao ? !...
 Anh ơi !... Em ơi !
 Phú Điều !... Sóng Lộc !
 Hai anh, em đã chết nơi nào ?
 Hồn lạnh bi về mấy nẻo rừng sao ..
 Sắt máu rừng rừng, sắt máu tuông trào
 U hồn lên như ngọn triều phần uất !
 Phú Điều ! Lở sát sinh bạo tàn !
 Là địa ngục trần gian !
 Nơi giam hãm những chàng trai bất khuất
 Đã gục ngã hàng hàng
 Vì bàn tay giặc loạn Cộng Sản !
 Đất bằng sóng loạn
 Nước dậy phong yên
 Trải biết mấy mùa Xuân qua không nắng ấm
 Núi rừng u uất, Trời lạnh hơn sâu !
 Mây trắng vương sâu !
 Vẩn ngang trời mãnh khấn tang khó
 Anh ơi Anh ! Có còn gì thâm ngộ
 Anh tôi đã chết rồi còn nói gì đây ?
 Nói gì biết nói gì đây
 Ngàn năm cuộc thế diền bầy thương đau !
 Ngày nay nổi lại ngàn sau,
 «Máu anh tô thắm» lên máu tự do !...

Bạn đọc viết

Cần có một bài Quốc-Ca mới

Bài Quốc ca cũ :

Bài Quốc ca mà hiện hay
 ta dùng không hợp thời
 vì nó được làm ra từ thời
 chiến tranh độc lập. Vì
 nó mang nặng tính cách
 đấu, do đó nó chỉ thích
 cho một thời gian lịch sử.

Quốc ca phải là bài hát của
 tộc thích hợp với mọi thời
 đại, mọi hoàn cảnh lịch sử.
 Hay đổi Quốc ca là một việc
 sức quan trọng và bất đắc dĩ.

Bài Quốc ca hiện hay hình
 chỉ dành riêng cho đối tượng
 thanh niên (mặc dù có thay
 một vài từ ngữ, nhưng cũng
 không đổi được nội dung).
 Nên rằng : thanh niên là rườn
 nước nhà, nhưng Quốc ca là
 cả Dân Tộc, không thể dành

riêng cho từng lớp nào.

Lời của bài Quốc ca hiện nay
 có nhiều đoạn không hợp lý hoặc
 khó hiểu. (như : Quốc Gia đến
 ngày giải phóng. . . cùng xông
 pha khó khăn, . . . thoát cơn tàn
 phá . . .)

Bài Quốc Ca mới :

Quốc Ca phải là bài ca
 thương yêu, đoàn kết, xây
 đắp, kêu hùng dũng tiến,

Quốc ca Việt Nam phải tự hào
 giòng giống Tiên Rồng,

Phải nói lên ý chí quật cường,
 tinh thần độc lập của gần 5 ngàn
 năm Lịch sử oai hùng,

Quốc ca Việt Nam phải ca tụng
 non sông gấm vóc, tài nguyên
 phong phú, đất nước mến yêu.

Phải nêu cao tinh thần dân tộc, hăng say xây dựng, kiến thiết quốc gia, tiến tới tự túc, tự cường để nước nhà được độc lập, tự do, phồn thịnh vinh quang trên trường quốc tế,

Phải nêu cao tinh thần đoàn kết quốc gia, thương yêu đồng bào, chung lưng góp sức để tạo dựng xã hội mới tốt đẹp hơn.

Quốc ca Việt Nam là bài ca của toàn thể đồng bào già trẻ, trai gái, thích hợp với mọi hoàn cảnh và thời gian.

Lời ca phải hùng hồn, sống động mà thiết tha truyền cảm.

Quốc ca là tiếng nói, ý là hướng của dân tộc.

Hát Quốc Ca :

Chúng ta hát Quốc ca khi chào cờ. Phải nhiều người, nghiêm chỉnh, chính miệng cùng hát lên bài ca của Quốc gia, mắt nhìn thẳng quốc kỳ, tâm suy nghiệm ý nghĩa lời ca.

Không thể dùng radio hay máy

thu băng để phát thanh Quốc ca khi chào cờ, như vậy quá máy móc, nất bết ý nghĩa thiêng liêng của buổi chào cờ.

Người công dân Việt Nam không thể coi chào cờ như một việc làm lấy có, một nghi lễ tượng trưng, Hát Quốc ca thờ ơ như một cái máy.

Người công dân Việt Nam, mỗi ngày phải đứng trước Quốc kỳ, hát lớn Quốc ca để thấy bổn phận và nhiệm vụ phải làm (hàng ngày) để xứng đáng là một công dân nước Việt, để diệt lòng tà, xem quốc gia là trọng, Tổ Quốc trên hết.

Cần Giuộc 28-3-1969
PHẠM ĐỨC THẮNG



* của Bạn Đỗ Hiền Tự, KBC 4969

... Nguyên cách đây 4 năm, tôi có quen một người Việt gốc Miên, (tục gọi là chú Ba Miên). Hồi đó tôi độc thân. Khi hay tin tôi hỏi vợ, ông bảo : «Chừng nào lấy vợ mời chú Ba với nhé». Tôi vâng dạ.

Nhưng đám hỏi đó không thành mãi đến hơn một năm sau tôi mới cưới vợ. Trong các thiệp mời quan khách và bà con, tôi sơ sót quên mất tên ông ta không mời, mãi đến giờ chót mới nhớ ra. ??

Kính thưa ông Giám Đốc. Tôi nghe nói những người Miên họ thường có bùa mê hoặc ngải (ông này tôi biết có rất nhiều ngải và bùa mê) để chữa thuốc hoặc thù oán ai sai lời hứa với họ thì họ sẽ ếm bùa hoặc thư những người làm phật lòng họ v.v....

Kính thưa Ông. Tôi ở trong trường hợp như đã nêu trên.

Hiện tôi đang phục vụ trong

Q. L. V. N. C H. Tôi có quan niệm chẳng tà hy sinh vì Cách Mạng Quốc Gia chứ chết vì bị ếm bùa hoặc thư thì thật là lãng xẹt.

Vậy tôi có thể bị «Ông Ba Miên» này để bụng thù ghét mà ếm bùa hoặc thư v.v... Không ? (Hiện tôi vẫn thường gặp ông ta luôn và vẫn chào hỏi vui vẻ, nhưng tôi vẫn lo ngại không hiểu được lòng dạ của người N.ên thế nào. Tôi xin nói rõ tôi là người Thiên Chúa Giáo).

Trí óc kém cỏi của tôi không sao hiểu nổi những «Khoa học huyền bí này»

Kính xin Ông giải đáp dùm. Thành kính đa tạ..

Đáp : Chuyện người Miên thường dùng bùa, thư, ngải, v.v.. là có thật, cũng như nhiều đồng bào ở các miền Sơn cước (miền Trung), Mạn Ngục (miền Bắc). Nhưng họ chỉ dùng trong trường hợp trầm trọng kia. Bạn lấy xi giao mà đối xử với chú Ba Miên một cách thành thật, thân thiện,

để chú Ba cũng thông cảm với bạn, không đến nỗi thù oán về một sơ sót nhỏ nhoi.

★ của Ô. Lê Tiễn D. KBC 4852

... Thưa Ông, Ông vẫn biết là chiến cuộc hiện tại đã đến mức độ khốc liệt nhất. Hằng ngày trên chiến trường có biết bao nhiêu người ngã gục cùng với những cảnh tượng diễn ra thật bi đát. Người dân miền quê đau khổ là dường bao, ngày đêm chạy trốn bom đạn để gìn giữ cái sống, cái sống của những người dân đen tay lấm chân bùn. Ngăn ấy đau khổ tang thương, thì tại

hậu phương, nói đúng hơn là thành phố có những người sống nếp sống xa hoa bất cần sự khổ nhọc của ai và do từ đâu. Buồn cười thay khi từ hậu phương, trên đài phát thanh, còn có những bản nhạc ai oán rền rĩ « Em yêu anh. Anh yêu em.. » và các loại kích động nhạc lỗ lã.

Thú thật với Ông tôi lấy làm khó chịu làm sao ấy. Thâm trọng bây giờ là thế rồi đó Ông. Từ cách phục sức v.v... đều leo thang cả. Thế mình đề nghị, bản cải có ích đâu ! Liệu họ có sửa đổi không ? Váy ngắn váy dài vẫn bành trướng mạnh lên thôi. Chỉ có lệnh cấm là hy vọng thôi đó...

Phân ưu

Được tin cụ Nhạc phụ của

Ông Nguyễn-Anh-Ca, đã mệnh chung ngày 8-5-1969, xin thành thật phân ưu cùng Bà và ông chủ nhiệm báo Tin Sớm.

Thành kính cầu nguyện Hương Hồn cụ được tịnh độ về cõi Phật.

● NGUYỄN-VỸ

★ của Ô. Phong Lan, Qui Nhơn

Tặng Phở Thông.

Mười năm lẻ một kết nhân duyên
Tạp Chí Phở Thông trải khắp miền
Mưa loạn gió cuồng, bần lý tưởng
Rừng văn biển học, vững căn nguyên
Hương vầy án trúc thính danh rạng
Hoa nở đài lan khí vị truyền
Chèo chống lao nhình ngoài bể cả
Nêu gương tài chí đảm thanh niên !

Tin buồn

Được tin cụ LƯƠNG-TRỌNG-HỐI đã từ trần tại Đà Nẵng ngày 13-4-1969. Chúng tôi xin thành thật phân ưu cùng cô : Lương thị hồng Đào và bạn Lương trọng Minh.

Xin cầu nguyện hương hồn Cụ được tiêu điều miền cực lạc.

NGUYỄN-MẬU-LÃM

● của Bà Trần Tuyết Mai, Nguyễn Tri Phương, Gia Định

... Thừa ông, không phải riêng mình chúng tôi, mà một nhóm chị em chúng tôi, và chắc còn đông lắm, đều tức giận, không biết làm sao trừ diệt cho hết sạch các loại sách báo đó. Rất có hại cho sự giáo dục con cháu của những gia đình chúng tôi, toàn là gia đình lao động công chức v.v...

Thưa ông N.V., chúng tôi cầu khẩn ông làm cách nào viết trong Tạp Chí Phổ Thông, trong các báo, hay là vận động với chính quyền, hoặc là diễn thuyết v.v... để cấm chỉ các loại sách báo mênh danh là «nhị đồng», bán đầy đường, đầy chợ, để con cháu chúng tôi khỏi bị các thứ «văn chương» dơ bẩn đó đầu độc tinh thần trẻ nít...

Chị em chúng tôi mến phục ông từ lâu lắm, và nay cũng đặt rất nhiều tin tưởng vào ông, vì

ông có nhiều uy tín đối với chính quyền, cũng như với bạn đọc bốn phương, chỉ mong ông mở gấp một «chiến dịch» loại trừ tích cực các loại sách «nhị đồng» bỉ ổi, tai hại kia thì mới hy vọng cho thế hệ trẻ ngày nay và ngày mai lành mạnh được, để phục vụ Tổ quốc và Nhân dân,

Ký tên

Bà Trần thị Tuyết Mai
« Lê Thanh Tâm
« Lê thị Mỹ Duyên
Cô Trần Xuân Bích
« Lâm thị Hằng

v.v..

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỀN

TIẾNG NÓI GÁI TRAI THẾ HỆ



20 năm trên đất mẹ.

Mẹ ơi ! 20 năm con của mẹ sống trong lửa than, dói rách, Lê phải công bằng, tình thương bị lãng quên. Chiến tranh, chết chóc, tương sát vì một vấn đề vô nghĩa, chỉ có mẹ mới hiểu một

cách thấu đáo trường tồn mà thôi. Lòng mẹ đau xót vì gà nhà bôi mặt đá nhau, để cho chủ gà nhân đó mà cá tiền ăn thua.

Con của mẹ đâu phải là thằng

phong đá, vô tri giác, chỉ làm theo bọn tài phiệt. Mẹ Việt ơi! Chúng con có một nền văn hiến trên bốn ngàn năm, con cháu của Long Nữ, quốc tổ của con là Hùng Vương, anh của con, tiền nhân của con là Lê Lợi, Vạn thắng Vương Đinh tiên Hoàng, Trưng Triệu, Quang Trung, Hưng Đạo, Đinh Phùng, Đề Thám.

Nội giống của con thanh cao trong trắng. Thế mà vì vô tình, hay cố ý một số người đã ham quyền cố vị, nở tâm phần lại dân tộc, giống nòi, cúi đầu ngoan ngoãn vâng theo ngoại bang. Mang đau thương chết chóc cho nòi giống. Con buồn, đau thương chông chất, con nguyện một ngày nào đó sẽ đứng lên xây dựng lại quê hương xứ sở, cho đất mẹ sớm thanh bình, bày con Việt quây quần bên mẹ, ôn lại những trang sử oai hùng, bất khuất của ông cha viết nên. Ngày đó không bao lâu, hẳn là ngày của hoa gạo, của lễ phải và tình thương, của công bằng và nhân ái. Bốn ngàn năm đất mẹ đã tưới đầy

máu, mồ hôi, và nước mắt, nước mắt của những con dân Việt trong bao năm trường thao lược.

Không buồn sao mẹ, con gái của mẹ đã trở nên những hàng người trơ trẽn, sống sượng nhắt trên thế gian này. Từ một cô bé hiền lành, ngây thơ, trong trắng, hồn nhiên, trưởng rữ, mần che, bỗng chốc trở nên dằng dặc xa hoa, trụy lạc, vô luân, đó chẳng phải là bị đầu độc rồi sao? Họ đã đầu độc mình bằng tư tưởng, bằng quan niệm.

Một ngàn năm Tàu đô hộ đã không sao đồng hóa nổi giống nòi mình, rồi đến 90 năm Pháp thuộc cũng thế. Ngày hôm nay không vì lý do gì mà con dân Việt bị hư hỏng đến thế.

Ta có ăn hóa, tập quán của riêng ta. Nền triết học của ta chú trọng đến thực thể, thể tính của người, mà cứu cánh là đưa người đến hạnh phúc, dân tộc đến vinh quang.

Chính trị Việt nhắm trên nhu

yếu của giống nòi. Một nền kinh tế song phương với chánh trị. Chối bỏ «kinh tế vô sản» do nhà nước chỉ huy, cướp đoạt quyền tư hữu. Chối bỏ kinh tế tư bản, bóc lột nhân công, lấn áp kinh tế tiểu thương. Một nền kinh tế phải dung hòa công nhận quyền tư hữu và tiết chế tư bản. Tạo cho mức sống được điều hòa, đến một thời gian nào đó không còn giai cấp. Luật pháp phải là thứ luật pháp theo ý thức tự giác, không cần ghi trên giấy tờ. Sự tiến bộ đối với trình độ của một dân tộc như thế thì làm sao không đạt đến thái bình, an khang được.

Một xã hội có tôn ti, trật tự, trên phải ra trên, dưới phải ra dưới. Người tùy theo việc mà làm, việc tùy người mà chọn. Quốc gia không có nhà tù, mà chỉ là nơi để người có tội vào suy nghiệm những việc làm xằng bậy vừa qua. Không có bọn buôn dân bán nước, vào lòn ra cúi, để mong nhận cái ân huệ thừa thãi, què quặt của ngoại nhân bố thí cho. Con dân Việt phải biết đau cái đau của dân tộc, hơn cái hơn

của dân tộc, giận cái giận của dân tộc. Người cùng tông tổ phải quý mến, đùm bọc lẫn nhau. Bao triệu linh hồn, gục ngã, xương trắng chất đầy, cũng vì sự trường tồn của dân tộc, của quê hương đau thương này.

Đã đến lúc không còn bất đồng chánh kiến, tư tưởng, mọi người như một chen vai thích cánh, thống nhất ý chí, hành động để sớm dập bồi lại những vết thương lở lói của đất mẹ. Mẹ không hận thù, không dả man. Mẹ là tình thương, là lẽ sống, là linh hồn của muôn thuở. Mẹ đã sản sinh vô số những đứa con yêu nước, thương nòi, cũng vì bất hạnh, hay do tiền kiếp đã tạo ra ác quỷ, sa tăng, chuyên sống trên xương máu, mồ hôi của đồng loại. Con nhìn đất mẹ mà đòi hàng lụy nhỏ, nhìn thân hình tổ quốc lòng như trăm mối tơ vò. Bom đạn, chiến tranh, chết chóc. Ôi! cực hình, ôi! thảm trạng.

Con đã dẫn thân khắp đó đây cũng vì tình yêu thương giống nòi, đất mẹ. Một ngày nào đó,

con sẽ nhìn mẹ mỉm cười, cái
mỉm cười của con người nặng
tình với non sông xứ sở. Vinh
quang, trường tồn phải đến với
đất nước Việt. Nước Việt mến
yêu, nước Việt muôn thuở, muôn
thuở và muôn nghìn của muôn
thuở. Nước mắt mẹ không còn
ràng rụa để oán than, tấm thân
lạc loài của con cháu phải trở về
với bờ mộng yêu thương. Con
cháu TIÊN RỒNG trở về với
thanh cao siêu việt. Đó là ước
nguyện của con, của mẹ, của bao

thế hệ đã hy sinh, đang hy sinh
và sẽ hy sinh cho lý tưởng tuyệt
vời, đích thực ấy. Con dân Việt
vì lạc loài, vì ám ảnh, vì nông
cạn đã phản lại tiên tổ, phản lại
quyền sống thiêng liêng của giống
giống, hãy mau giác ngộ trở về với
dân tộc, với mẹ Việt hiền hòa
mến yêu, cùng nhau xây dựng lại
những đồ võ từ bên ngoài cũng
như đồ võ từ bên trong,

TRÚC-DIỆP
Qui-Nhon

Hỏi ông Trời

Nỗi niềm đất thấp với trời cao
Muốn hỏi ông xanh ở chốn nào
Nỡ để dân Nam đây sóng loạn
Đánh cho nước Việt chịu binh đao
Hòa bình mấy độ phôi xương trắng
Hoàn chiến bao phen nhuộm máu đào
Giả tạo văn minh dim đạo lý
Loài người ra rứa tính màn sao ?

THACH-KHÊ
(Vĩnh Long)

(Đề đáp lại bài của Dương quang Anh.
KBC 4.622, đăng trong P.T. 221 ra ngày
15-4-69)

● Bài của : học sinh Nguyễn-văn-Hòa
(Đệ nhất B2, Phan châu Trinh, Đà Nẵng)

— Từ khi Phổ Thông đã có
sáng kiến mở mục «Tiếng nói của
thế hệ» tôi lẩn lăm thích thú lắm,
tôi thường đọc mục đó để xem
những người trẻ như chúng tôi có
những thắc mắc, suy tư nào giải
bày trọng đó. Hôm nay, nhân
đọc bài của Dương quang Anh,
một chiến sĩ tiên tuyến lòng tôi
lại nao nức, muốn góp những ý
kiến, dù những ý kiến này không
già dặn, kinh nghiệm... như
người lớn, nhưng chúng tôi thết
tưởng rằng mục này là mục của
những người trẻ, nên dù là một
học sinh ở bậc Trung học, tôi
cũng xin đóng góp một vài ý
kiến.

Trong bài viết cho Phổ Thông
số 221, ông Dương quang Anh

viết «Những thằng lính như chúng
tôi đi sát với mặt trận, sự chết
được coi như một điều lẽ dĩ nhiên.
Thế nhưng chúng tôi vẫn chưa
hoàn toàn hư hỏng mà chúng tôi
vẫn thân nhiên vui sống, tin yêu,
để làm nhiệm vụ, cái nhiệm vụ
thiên liêng bằng ý nghĩ không
một mảy mai vụ lợi»... Chúng tôi
rất hoan nghênh và nhớ ơn những
chiến sĩ đang đóng vai trò quan
trọng trong giờ phút lịch sử này.
Ông Dương quang Anh cũng
trích một vài nhận định của cô Ly
Lan (P.T. số 218, ra ngày 1-3-
1968) nói về bọn trẻ chúng tôi
như sau : «Chúng tôi sống, sự
chấn chương. Chúng tôi dám ra
hư hỏng, sống không nghĩ đến
ngày mai, chỉ nghĩ rằng hiện tại
mình còn sống, sự chết chóc ám

ảnh đầu óc chúng tôi...»

Chúng tôi không phủ nhận điều đó, sự chiến tranh chết chóc, ảnh hưởng của phim ảnh, báo chí khiêu dâm, ảnh hưởng của những trào lưu tư tưởng hiện sinh Tây phương (như Jean Paul Sartre, F. Sagan, S. Beauvoir...) đã đầu độc thế hệ trẻ, đã gây ra những thanh thiếu nữ trụy lạc, hư hỏng... Nhưng những người trẻ này chỉ chiếm một số ít mà thôi — Trong một cuộc họp báo gần đây, ông tổng trưởng bộ y tế đã cho biết số bệnh hoa liễu càng ngày càng tăng, năm 1968, số người mắc bệnh hoa liễu là 12.000 người (chưa kể những người mắc bệnh này mà chưa đi chữa), trong khi đó bệnh dịch tả, dịch hạch chỉ có 5000 hoặc 6000 người trong năm 1968 — Đó là một con số đáng sợ — Ông tổng trưởng còn cho biết số người mắc bệnh hoa liễu này đa số là những người trẻ từ hạng tuổi 18 đến 20 đã chiếm hơn 60 % trong số 12.000 người mắc bệnh này. Đó là những điều đáng buồn cho

thanh thiếu nữ hư hỏng, sa sút ngày nay.

Nhưng ngoài những người trẻ hư hỏng, chúng tôi chắc hẳn cũng có những người trẻ có lý tưởng, mục đích... hẳn hoi, trong số những trẻ này bên cạnh những thanh niên lý tưởng... cảm sung bảo vệ non sông, thì cũng có những người trẻ như chúng tôi đang còn ngồi trên ghế nhà trường. Chúng tôi cũng đồng ý với Dương quang Anh : « Những người có trách nhiệm không hề có trách nhiệm với những người có ít nhiều hiểu biết như chúng ta »

Những người trẻ như chúng tôi cũng có ý thức, nhưng ý thức trong đời mà thôi và chúng tôi phải dựa vào sự chỉ dẫn và soi sáng bởi những « đàn anh » lớn tuổi hơn, đi trước chúng tôi trong cuộc đời. Muốn huấn luyện những người trẻ chúng tôi nên người, chúng tôi phải bị chi phối bởi giáo dục — giáo dục học đường, gia đình, xã hội... Những giáo dục này mang lại

cho người trẻ chúng tôi những gì ?

— Sự giáo dục học đường rất bổ ích cho đời sống chúng tôi, huấn luyện chúng tôi nên người — Nhưng chúng tôi ước mong, khao khát rằng những người có trách nhiệm về giáo dục nên cho chúng tôi một môn học về « đạo đức » (như Đức dục chẳng hạn) để nuôi dưỡng tinh thần chúng tôi — bởi vì môn học đó hình như không có trong chương trình — Lớp đệ tam học công dân nói về quốc gia, hành chánh..., năm đệ nhị công dân về kinh tế học... những môn này cần cho sự hiểu biết chúng tôi, nhưng không đáp ứng cái nhu cầu về « đạo đức » con người — Dĩ nhiên, nếu có môn học « đạo đức » này trong chương trình, thì môn học này dĩ nhiên cũng phải phù hợp với tuổi trẻ, hoàn cảnh hiện tại — môn này sẽ gây cho chúng tôi một ý thức đạo đức, một ý chí sắt đá. — một quan niệm về bốn phận và sứ mệnh con người trong hoàn cảnh đất nước này — Môn học này phải gây cho chúng

tôi một hào khí anh hùng như Nguyễn Huệ, Trần Hưng Đạo, Trưng Trắc..., môn học này là môn thuốc bổ dưỡng hồi dương sinh mạch của thế hệ trẻ...

Sự thiên về « trí dục » mà bỏ « đức dục », khiến ông Nguyễn Hiến Lê đã viết trong cuốn « Thế hệ ngày mai » như sau : « Chương trình hiện hành có 1 khuyết điểm rất lớn là không hợp với nhu cầu của trẻ. Chúng ta moi trong mớ trí thức của loài người, lựa ra những điều mà ta tự cho là cần thiết rồi định một cách vô đoán rằng trẻ em tới 12 tuổi phải biết những điều này, tới 18 tuổi phải biết những điều nọ. Tới tuổi đó mà hiểu được thì ta cho là đủ thông minh, phát cho một bằng cấp ; không hiểu thì ngu đại phải ;

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CỨM

bị loại». Và ông Nguyễn hiến Lê đã nhấn mạnh: «Nền Tân giáo sẽ không làm công việc nhóm mà cho mau lớn ấy mà xét những nhu cầu về sinh lý, tâm lý của trẻ. tức là những luật phát triển tự nhiên của mỗi tuổi để định chương trình giáo khoa».

Sự giáo dục gia đình cũng đóng vai trò quan trọng trong giới trẻ, nhưng hoàn cảnh hi n tại → cha mẹ bận bịu công việc làm ăn, nên việc giáo dục này bị thiếu sót.

Tóm lại, những người trẻ mong sự chăm nom, săn sóc... của những bậc «đàn anh», những người lớn — Sự giáo dục rất quan trọng, Leibnitz triết gia kiêm toán học gia, cha đẻ của phép tính vi tích phân đã nói «Thay đổi nguyên tắc giáo dục đi, bạn sẽ thay đổi thế giới». Mỗi người trẻ phải ý thức sứ mạng của mình — Lớp trẻ khoa học chiến y lo bảo vệ đất nước — Lớp trẻ ở chốn học đường lo học hành đến nơi đến chốn — Có

được như thế chúng ta mới hành diện như Nguyễn Vỹ đã viết trong bài thơ: «Cảm ơn ngài» trong Tập thơ: Hoang Vu:

«Tôi không phải đã cạn «đầu
nhiệt huyết»
Tấm thân hèn chưa rạn nứt
phong sương
Bao năm xưa đeo đây trong
luy liết
Há bây giờ hờ hững với quê
hương»

(Nguyễn-Vỹ — Hoang-Vu)

Đà Nẵng ngày 1-5-69.

NGUYỄN-VĂN-HÒA



REGAST. T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
VÀ LỞ LOÉT BAO TỬ



Văn nghệ Bến Nghé

● Diễn thuyết về Đông quyền đến dự.
HỒ

Sáng chúa nhật 27-4-69 lúc 10 giờ tại trường Đại học văn khoa có diễn thuyết về cổ Thi sĩ Đông Hồ do trung tâm văn bút Việt Nam tổ chức. Có cả tang

Chủ tịch Trung Tâm văn Bút, Linh mục Thanh Lăng' đứng lên khai mạc, thương tiếc một nhà thơ và một nhà giáo tận tâm, xuất thân từ đất Hà Tiên thơ mộng

Kể đến Nữ sinh viên Đỗ châu Huyền lên trình bày công đức của thầy với những sáng tác phẩm yêu hoa của thầy với những câu thơ tốc tác thầy ngâm lúc nhìn thấy trên bàn thầy có một nữ sinh trang trí bằng một bình hoa cỏ dại.

Sinh viên Trần đình Lập nhắc lại tư cách đối xử của thầy cùng học trò hết tâm tận tụy, bạn cũng nhắc mãi bốn câu thơ được thầy dạy cho, của nữ sĩ Ngân giang thầy ngâm đi giảng lại rồi gục lên trên bàn đề rồi về nhà trút hơi thở :

«Chàng đi điện ngọc bơ vơ
quà»
«Chênh chênh trăng tà bóng
lẽ soi»

Thứ đến diễn giả Phạm viết Tuyền, lên phân tích cuộc đời của cổ Thi sĩ, miệng ông nhắc mãi với hai chữ Đông Hồ.

Ông phân chia tâm hồn của cổ thi sĩ ra làm 4 giai đoạn sáng tác, rồi ông cũng buộc tội thi sĩ Đông Hồ và trong vòng thường tình

của muôn ngàn thi sĩ xưa nay (đa tình, đa cảm, đa sầu).

Cuối cùng, cậu Thư Lâm, cháu ngoại của nhà thơ và cũng là đích tôn thừa trọng lên cầm tạ toàn thể, cháu trình bày — được hưởng cả một gia tài sách, thơ, tâm hồn của ông ngoại cháu như đã trút vào cho cháu từ nhỏ từ giờ nên cháu rất cảm động và hết lòng cảm tạ quý vị quan khách —

● Quán Thơ, Quán Gió, Quán Thăng Bờm...

Từ sau hết đến nay, Sài Gòn tự nhiên mọc lên lù lù «quán» cà phê cà pháo, đêm đêm nổ lên tiếng nhạc kích động, tiếng đàn ca, tiếng thơ bạn trẻ véo von ngào ngạt. Có cả Quán Thăng Bờm của anh em sinh viên, cạnh một nhà «giáo sư» thầy bói, thăng Bờm ngự trị bay bướm trong ngôi nhà

ANACINE

TRỊ PHONG NGƯA

MỀ ĐAY, HO, SUYỀN

lưu Phú ông, quạt mo... điện quay vù vù giữa không khí trung bình chút chút Hippy, chút chút Greenwich-Village, vui nhộn !

● Văn nghệ Tây Ninh.

Ngày 17-4 vừa qua tại phòng khánh tiết của trường Trung học Tây Ninh có một buổi nói chuyện và trình diễn dân ca rất được học sinh tán thưởng, vì đây là một buổi văn nghệ đặc biệt từ trước đến giờ.

Với đề tài : hành trình vào đền nhạc VN, hơn 300 học sinh nam nữ giáo sư đã ngồi gần nhau trong không khí thân mật và ấm cúng.

Trong hơn 2 giờ, diễn giả là một giáo sư đã lần lượt trình bày lịch sử và sự tiến triển của dân ca qua 3 miền Nam Trung Bắc qua các điệu hò, đờn hát, hát ví v.v... cùng với sự phụ diễn của Nguyễn hữu Nghĩa — một khuôn mặt mới trong giới nhạc trẻ — cùng loan du ca Vàm cỏ đông.

Điểm đặc biệt của buổi trình diễn là tiếng đàn độc huyền của

một nhạc sĩ qua các bản Lý con sáo, các bản tân nhạc «24 giờ phép» «giọt mưa trên lá» đã làm thích thú mọi người, nhưng không hiểu sao cây đàn độc huyền này thay vì có 1 cái gáo dừa thì lại được thế bởi chiếc vỏ đèn xe đạp...

Nhất là trong phần hát tập thể, tất cả đã cùng cất tiếng hát to các bản dân ca, thuần túy dân tộc, và thật trữ tình trong sự hân hoan, cười mở cùng tiếng cười thân ái : các bài *Lý chim quyên*, *Lý qua kêu*... rồi có lẽ vì quá cảm động, ông tổng giám thị của trường lên sân khấu đàn một bản vọng cổ với sự phụ họa của một nữ sinh, nhưng vì cảm động quá nên nửa chừng đàn đứt giây... !

Cuối cùng Nguyễn hữu Nghĩa đã trình bày các bản *Bà mẹ phù sa* của Phạm Duy và bản *Màu dân chủ* do chính anh sáng tác.

Những tiếng hát thấm, đượm tình dân tộc, quê hương đã còn vang đến khi chấm dứt.

✱ UYÊN-CHÂU-VŨ ghi nhận



Rồi mai đây...

(Thân ái trao về Th. trường Sư phạm)

Rồi mai đây em trở về quê cũ,
Nhớ chăng em những kỷ niệm đã qua rồi.
Đường Thành Thái vắng em buồn ủ rũ,
Có còn đâu em hỏi những chiều xưa...
Trường Sư phạm nép mình trong lảng đơi,
Bóng thời gian trôi chảy mãi về đâu ?
Hoa tâm tư trong trắng nụ ban đầu,
Anh khẽ lặng nhìn em trong chớp mắt,

Ôi sương sương những phút giây sum họp,
Giờ chia ly thêm nặng nợ thâm tình,
Mây bề bồng trôi dạt dấu chân sinh,
Phương trời thăm thẳm cánh chim ngàn lẻ bóng ?
Nhớ những buổi khi ánh chiều sắp lặn,
Bóng hình em thấp thoáng dưới chân trường ?
Cánh áo dài bay trong gió nặng tình thương
Anh đến đợi chờ em sau buổi học,
Bao xao xuyến nỗi vui khi gặp mặt,
Lòng lâng lâng dịu dịu sóng chiều mơ
Có những buổi cùng em về đại lộ,
Bước song hành qua phố cũ mệnh mông,
Bến Bạch Đằng nghe gió lộng ngàn phương,
Trăng kỷ niệm trôi đi từ viễn xứ.
Chèo Nguyễn Huệ với nỗi niềm tâm sự,
Nhớ làm sao khi phố đã lên đèn
Trời Saigon sương xuống lạnh băng khuâng
Thương phố cũ thương người em gái nhỏ,
Rồi buổi ấy em về trong lảng đơi,
Nhớ tên em năm tháng đã xa vơi
Em đi rồi bao kỷ niệm ngăn đôi
Trong luyến tiếc biết bao giờ gặp mặt
Và từ đó trong phố phường vắng ngắt,
Anh làm thơ lặng ngắm áng mây sầu
Chở tình thương qua gió lộng sông sâu
Tren nẻo ấy tìm về em gái nhỏ.

NGUYỄN-MẬU-LÂM

Y HỌC TỐI TÂN



thay QUẢ TIM

Một kỳ công của thế kỷ XX.

● B.S. HOÀNG-MỘNG-LƯƠNG

Có những trường hợp đau tim bất trị bệnh nhân cứ trở, chết hoài, rồi thì làm giấy xin bác sĩ thay thế quả tim cho. Thân nhân không trở ngại và ba bốn bác sĩ giám định đều thuận ý đề cho bệnh nhân thay tim vì vô phương trị liệu.

Giải phẫu sư đứng làm kỳ công ấy là những tay đã quá lão luyện. họ đã tập mổ, tập thay tim cho hàng ngàn, hàng vạn con cobaye, con bạch thừ, con chó, con mèo, con chó... khi tay thành thạo rồi họ mới làm cho con người — Không phải một người mổ, một người phụ như các trường hợp

THAY QUẢ TIM

Giải phẫu thông thường; muốn thay tim, phải có một tập đoàn giải phẫu: 2 người mổ, 2 người phụ, và 4.5 người phục dịch: Đánh thuốc mê, phụ trách bộ máy tuần hoàn nhân tạo, coi chừng sự hô hấp và cho vào bệnh nhân khí ôxy để tránh sự chết ngột. Không thể coi hết ở đây cho độc giả Phở Thông biết rằng: trên quả địa cầu này người ta đã thay tim được 92 người vào năm 1968. năm Mậu Thân. Lẽ tất nhiên, phải lấy tim của người mà thay thế cho tim người khác vậy. Ai chịu hiến tim của mình? Thí dụ có một người thì nh lãnh chết vì nạn lưu thông, thân nhân của người bất hạnh ấy, bằng lòng cho quả tim của người mới tắt thở, thì các nhà giải phẫu lập tức chở thi hài về nhà mổ để lấy ngay quả tim ra và cùng lúc ấy, có các nhà giải phẫu mổ lồng ngực của bệnh nhân ra để lắp quả tim kia vào.

Trong số 92 trường hợp ghép tim, được hai người hiện nay còn sống: một nha sĩ và 1 tu sĩ đạo Thiên chúa — Còn 90 người

kia, người thì sống được 6 giờ, kẻ thì sống được 18 ngày, có người sống được 3 tháng. Phần nhiều kết quả bất như ý vì quả tim lạ ít chịu ở trong thân người lạ. Những người nhận quả tim đã chết vì lý do nào? Các tạp chí y học mà chúng tôi đã đọc đề lấy tài liệu không nói rõ về lý do chết. Chỉ có hai trường hợp trong đó người ta cho biết: một người đã chết vì sưng phổi và một người nữa vì bệnh thận thiếu sức.

Ghép tim là một công trình tối quan hệ một kỳ công vĩ đại. Nó đòi hỏi nơi các nhà giải phẫu nhiều chuyên lắm: học nhiều, tập nhiều, thấy xa đề phòng rộng, nhưng người ấy tự lãnh một trách nhiệm cực kỳ quan trọng, trách nhiệm nắm sanh mạng trong tay. Họ đã huy động và khai thác tất

Neurotonic

BỒ ÓC

THÊM TRÍ NHỚ

cả phương pháp, tất cả phương tiện để tránh sự «chết» để đạt được mục đích duy nhất là làm cho người đau tim sống thêm được lâu dài. Giáo sư Barnard ở nam Phi châu, là người tiên



Giáo sư Barnard

phong trong vụ ghép tim. Ông đã thành công một lần và một lần ông đã thất bại. Lần này, mổ xong được mấy hôm, bệnh nhân từ trần. Ô. Barnard rất buồn bực, rất bực mình vì đã làm hết sức mà không cứu được con bệnh của ông,

● Mời nó ở lại, năng nỉ nó chớ có bỏ đi.

Làm thế nào cho quả tim lại ở lại trong lồng ngực lại ? Tất cả vấn đề trọng đại ở trong câu ấy. Có 2 giải pháp đã đem ra thì hành để chống lại tử thần :

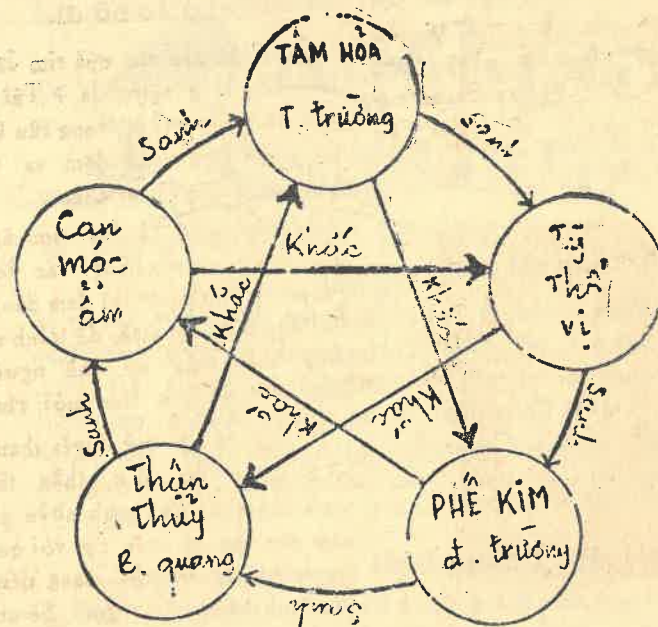
1) Xếp hạng các loại tim cũng như người ta xếp hạng các loại Huyết. Khi hữu sự thì đem dùng, loại nào theo hạng này để tránh sự sung khắc giữa cơ thể người nhận tim và quả tim mới cho.

2) Chẻ ra một thứ huyết thanh có phận sự can d n thân thể bệnh nhân, nó bảo bệnh nhân cứ nằm yên chớ có khấn cự với quả tim lạ mà người mới mang đến. Huyết thanh ấy gọi Serum antilymphocytaire.



Ghép tim là phương giải phẫu tân kỳ. Ở trong còn lắm điều lạ, điều hay — Phải chờ một thời gian nữa cho đầy đủ tài liệu kinh nghiệm rồi chúng tôi sẽ trình bày thêm.

Người ta cho hay rằng nhờ huyết thanh nói trên mà một bệnh



nhân được sống đến ngày nay. Sống mạnh, dư sức để hút xi gà. Vậy thì, mấy người «bất hạnh» đã có thọ lãnh thứ huyết thanh cứu mạng ấy không ? kỳ «Thay tim» là một cơ hội để quý vị đồng y sĩ thuyết minh cái luật ngũ hành tương sinh và ngũ hành tương khắc.

Những đồng y chăm cứu sự hằng ngày vẫn thi hành luật sinh khắc của ngũ hành, chúng tôi trông mong quý vị giúp ý kiến để được biết thêm trong khoa thay tim tới lần này.

HOÀNG MỘNG LƯƠNG





★ **Bạn Vũ Xuân sài gòn**

— Thời Pháp thuộc, ở hai «xứ» Trung, Bắc «Kỳ», không có «Quận» như bây giờ, mà có Phủ, Huyện. Phủ rộng lớn hơn Huyện. Ông quan cai trị một Phủ, một Huyện, gọi là Tri Phủ, Tri Huyện, nói tắt là Quan Phủ, Quan Huyện. Không gọi «Phủ trưởng, Huyện trưởng». Ông chủ lĩnh thì chức Tổng Đốc (tỉnh lớn) hoặc Tuần Vũ (tỉnh nhỏ), chứ không gọi là Tỉnh trưởng như bây giờ.

● **Bạn Hoài An, Quảng Ngãi**

Lưu thị Hạnh, tác giả quyển «Truyện tình 15 năm về trước», ở đàn bà. Hiện nay sống hay chết, và ở đâu, chúng tôi không được rõ.

★ **Ô. Huỳnh Thanh Minh. Lê văn Duyệt, Trà Ôn.**

Ngày 15-10 Đinh Mão — 8-11-1927

★ **Ô Lê Hùng. Hoàng Diệu, Đà Nẵng.**

12-9 Tân Ty — 31-10-1941

15-2 Quý Hợi — 31-3-1923

28-7 Kỷ Sửu — 22-8-1949

28-7 nhuận Kỷ Sửu — 20-9-1949

ĐÁP BẠN

★ **Bạn Hà thị Tường Vi, Đà Nẵng.**

— Đời nhà Trần, bà con cùng tộc hệ lấy nhau, do Trần thủ Độ làm gương xấu. Không có Luật lệ nào của Việt Nam cho phép loạn luân.

— Bên Tây phương, anh em con chú bác lấy nhau được, không cấm. Bên Lào cũng vậy.

● **Bạn Phan thị Mẫn, Cần Thơ.**

Trời mưa trời gió,

Vác đồ ra đơm. (1)

Chạy vô ăn cơm,

Chạy ra mất đồ (1)

Nào ai lấy đồ, đồ ơi. (1)

Đó không phân giải đôi lời đây hay ? (2)

Đó (1) : cái đó, một nông cụ ở miền Trung, dùng để đơm cá, như cái lờ.

Đó (2) : đó, đây, là một lối chơi chữ, có nghĩa là «ai đó», ám chỉ : ai đã lấy trộm cái đó.

● **Bạn Lê thị Thu Nở, đường Y Yút, Banmêthuôt.**

Ngày 15 tháng 7 năm Tân Mão (â.l.) là ngày 17 tháng 8 năm 1951 (d.l.)

● **Bạn Nguyễn Châu, Hải Thượng, Đà Lạt.**

Bạn xem trong sổ này tài liệu đầy đủ về Hải Thượng Lãn ông.

ĐÁP BẠN

● Bạn Nguyễn thanh Tâm, Gò Công.

Huỳnh hoang (tiếng Bắc): khoác lác. Có thể viết: Huỳnh hoang (tiếng Trung).

— Vô Tuyến Truyền Hình Mỹ không phát hình màu trên màn ảnh Việt Nam, vì máy T.V. hiện đang bán trên thị trường Việt Nam chỉ thu hình đen trắng.

— Những số báo P.T. 182 đến 195 đều đã hết tại Tòa soạn. Số 201 đã có gởi về Kim Loan.

— Ông Giám thị hoặc ông Hiệu trưởng vào lớp, học sinh tự động đứng dậy chào, không phải đợi lệnh của Thầy giáo, Cô giáo.

● Ô. Thủy tiên Giang, giáo chức Bán công T.D. Kiến Hòa.

Rất tiếc các bài của ông đều viết từ 1967, mất thời gian tính, nhất là bài giới thiệu giai phẩm Hoa Trắng Nở của học sinh quý trường.

● Bạn Lê Thủy, Pasteur, Saigon.

Bạn có thể đến tòa soạn gặp lợi vào buổi sáng. — Mến.

Tin buồn

Được tin Bà NGHIÊM-XUÂN-HỒNG đã mệnh chung tại Bệnh viện Grall, xin thành thật phân ưu cùng Luật sư Nghiêm-xuân-Hồng, và cầu nguyện Bà được an giấc nghìn thu.

● NGUYỄN-VỸ

ĐÁP BẠN

● Bà Châu thị Nguyệt. Nguyễn Trãi chợ lớn

Chữ Hippy, tiếng Argiot của Mỹ, do chữ argot **Hip** mà thành, có nghĩa là dợt sống mới (trái với chữ Square có nghĩa là thế hệ lỗi thời).

A *hip Kittg* : a hippy girl.

A *hippy guy* : a hippy boy.

(Mấy chữ mới, các tự điển Anh ngữ chưa có)



Tìm đọc trong tháng 5-69 :

Dựng Đắt số 1

ập san văn học nghệ thuật thời đàm

Với những bài biên khảo và sáng tác của :

Võ Hồng — Dương Kiền — Lê Minh — Nhật Quan — Bửu Đáo — Thạch Trung Giả — Phạm Kim Khải — Lê Ngọc Quỳnh — Chu Trầm Nguyên Minh — Tô Đình Sự — Châu H. i Kỳ. v v...

PHỔ THÔNG — 223

Cột Đồng Mã-Viện

● BÙI-THẾ-CANG

Xem sử, ta biết sơ lược rằng : Mã Viện sau khi chiếm Giao Chỉ, có dựng trụ đồng chỗ phân chia địa «*vi*», khắc sáu chữ «*Đồng Trụ Chiết, Giao Chỉ Diệt*», nghĩa là trụ đồng mà đồ thì người Giao Chỉ mất nòi.

«*Sử chép rằng : người Giao Chỉ đi qua lại chỗ ấy, ai cũng bỏ vào chân cột đồng trụ một hòn đá cho nên về sau chỗ ấy thành ra núi, phủ mất cả, đến bây giờ không biết cột ấy vào chỗ nào*» (Việt Nam Sử Lược trang 50).

Ta nhận thấy rằng sử chép sơ sài về việc này, có lẽ sử gia ta xem điều đó là một quốc nhục chăng ? Vì thế ngày nay tìm lại nơi Mã Viện trồng cột đồng thật

rất khó — Sách sử Tàu thì chép lẫn lộn, duy có vài quyển khá đi đem lại cho ta một chút ánh sáng.

Nói về địa điểm của trụ đồng, sách Tân Đường thư chép : «*nước Lâm Ấp có châu Lăng Đà, phía nam có năm bến lớn, bên phố có núi Đồng Trụ, chu vi 10 dặm, hình như các lọng cụp, phía tây qua từng núi, phía đông trông ra biển, là nơi Mã Viện dựng cột đồng vậy*».

Theo Maspero, Mã Viện đã dựng 2 cột đồng ở bắc ngạn sông Lâm Ấp. Bên phía nam trông sang cột đồng, ông có để lại 10 gia đình quân nhân. Những quân nhân ấy đều lấy họ là Mã. Người Cửu Chân cho bọn ấy là bọn tù

CỘT ĐỒNG

đồ bị lưu trịch nên gọi là Mã Lưu. Ngày nay những gia đình ấy có tới 200 người. Họ lấy lẫn nhau và còn giữ những di tục của Trung Quốc Nhưng cột đồng kia đã bị lặn xuống ngọn đồi ba của biển khơi rồi — Bây giờ người ta chỉ còn thấy những gia đình kia mà phỏng đoán di tích cột đồng xưa (1).

Theo sách Thủy Kinh của Lý Đạo Nguyên thì Mã văn Uyên (hiệu của Mã Viện) trồng cột đồng để phân địa giới về phía cực nam.

Theo Tày Thư, tướng Lưu Phương đi đánh Lâm Ấp phải đi qua cột đồng của Mã Viện.

Sách Thái Bình Ngự Lâm chép : «*Mã Viện dựng cột đồng ở phía Bắc núi Lâm Ấp, có cư dân hơn mười nhà, không chịu về, ở lại dưới núi Thọ Lãnh, phía nam trông sang cột đồng, về sau sinh sản nhiều ra. Giao Châu gọi người lưu ngụ là Mã Lưu,*

(1) Hà Nội, Nguyễn Quang Lục trang 154

ông núi đồi đồi, cột đồng đã chìm xuống biển, nhờ có dân ấy đề ghi chỗ cũ vậy.

Theo như các thuyết trên ta có thể biết rằng cột đồng của Mã Viện trồng ở miền Bắc nước Lâm Ấp, gần núi Lâm Ấp hay Đồng Trụ.

Vậy núi Lâm Ấp có phải là núi Đồng Trụ chăng ?

Dân Mã Lưu ở trên đất Giao Châu sau lập thành nước Tây Đồ Di. Đường sử chép : «*Nước Tây Đồ Di vốn là những quân theo Mã Viện ở lại không về, lúc mới chỉ có 10 hộ, sau sinh sản đến 300 hộ đều họ Mã cả, gọi là người Mã Lưu cùng nước Lâm Ấp chia cõi nam quận Nhật Nam Hoàn Vương là biệt hiệu của nước Lâm Ấp, diện tích nước ấy phía Đông hơn 300 dặm, nam Bắc 1.000 dặm, từ Giao Châu đi đường biển về phía nam 2.000 dặm, qua núi Chiêm Bất Lao 200 dặm, lại đi về phía Tây nam đến nước ấy. Phía tây giáp núi Vụ Ôa nước Chân Lạp, phía*

CỘT ĐỒNG

nam đến Châu Bôn Lăng Đà, Đại phố ở phía nam có 5 cột đồng hình núi như lọng cụp, phía Tây là núi cao phía đông giáp bể, đây là cột đồng Mã Viện dựng vậy».

Ta biết rằng sau khi Mã Viện đánh thắng 2 bà Trưng, chiếm lấy đất Giao Châu liền dời lại là Giao Chỉ và nhập vào nhà Hán, lấy địa giới quận Nhật Nam và Lâm Ấp làm địa giới đất Hán miền Nam trước khi kéo quân về và đặt lên đất nước Giao Châu vòng nô lệ lần thứ 2, Mã Viện đã cho trồng cột đồng để làm tô giới. Nay xét theo các quyền trên thì quả Mã Viện trồng cột đồng dưới Đồng Trụ Sơn. Nhưng Đồng Trụ Sơn là núi nào?

Xét trong quyền Phương Đình Địa Sử chế loại của Nguyễn văn Siêu có chép như sau : « nay xét trong 2 sử thì Chiêm Bất Lão là Cù Lao Chiêm ở Quảng Nam hiện nay tên là Đại Chiêm. Dữ ; Bôn Lăng Đà thì là Đà Lăng ở Phú Yên sau đổi là Đà Diên,

phía tây giáp Chân Lạp, vậy núi Đồng Trụ có lẽ thuộc núi Giời Bi thuộc dãy núi Đại Lĩnh ở Phú Yên, đại phố tức là Hà Hải vậy.

Núi Đại Lĩnh ở vào dãy núi Hoành Sơn, nhưng thuyết này không đúng hẳn !

Vì núi nhiều rừng rậm, lại lắm ác thú thì làm sau dân Mã Lưu dám ở, và lại sách Địa Sử. Chiêm của Lê Quang Định chép : « Vua Thánh Tông nam chinh mở đất đến đây nên trên đỉnh núi chỗ vách đá, Ngài khắc chữ đề phân giới với Chiêm Thành, nay hiện còn những chỗ mờ mờ nhạt nhạt không còn nhận rõ được » Sách Thủy Lục Trình Chí của Trần Công Hiến chép : Núi này cao 708 thước, có một chỉ chạy đến sát biển chia ra 2 ngọn nước, cây cỏ cũng chia ra làm hai, có hòn đá lớn, quay về hướng đông như hình người vậy. Xưa vua Lê Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành về ngang qua núi này Ngài búi người than rằng : « Trời đất cho khai thác đá chia lãnh thổ phân minh, kẻ kia (chỉ Chiêm

CỘT ĐỒNG

Thành), nghịch ý trời nên mới thiên hạ... » nhau đó Ngài cho khắc chữ lên trên phiến (Theo Việt Sử Tân Biên).

Có lẽ theo sách Thủy Lục Trình Chí thì cột đồng được dựng dưới chân phiến đá hình người (thuộc núi Đồng Trụ) ở gần bể, vì có như thế mới hợp với sách Thái Bình Ngự lãm cho rằng cột đồng Mã Viện bị sụp mất xuống bể cho nên vua Thánh Tông thân chinh đến không tìm thấy dấu nữa.

Muốn chứng minh thuyết trên đúng, xin biên ra đây một vài chứng khác.

Theo Dã sử trên bờ phía nam con sông Đà Diên ở Phú Yên, có hòn núi tên là Thạch Bi Sơn Chu vì vùng ra 10 dặm, phía tây tiếp cận một lối hẻm có một hòn núi, đứng chơ vơ, chu cây cối. Núi cao 10 trượng, 7 trượng trên núi ấy xưa có dựng cột đồng Mã Viện, nhưng qua năm tháng, thác nước lần lần chảy siết làm đổ ngã cột

đồng xuống bể rồi» (Hà Nội, Nguyễn Quang Lục, Phụ chú 2 trang 154).

« Theo khảo sát của ông Đào Duy Anh mà ông cho là hợp với Ngô Lục và Tùy Thư và đây cũng là khảo cứu của ông Nguyễn văn Tố, thì cột đồng Mã Viện có lẽ ở núi Thành hay Lam Thành, cũng gọi là Đồng Trụ, tên chữ là Hùng Sơn ở địa phận Nghĩa Liệt và Phú Điền, phủ Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Ngọn núi ấy còn có tên là Tuyên Nghĩa.

Sao lại có tên là Tuyên Nghĩa ? Nguyên xưa trên đỉnh núi Hùng Sơn có một cái thành do Trương Phụ sai đắp, thành cao 6, 7 thước ta (gần 3 thước tây) chu vi một dặm. Gần đây có một đồng đất cao 4 hay năm thước ta, tương

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI
THƠM ★ NGON ★ NGỌT

CỘT ĐỒNG

truyền đó là cột cờ của Trương Phụ. Bấy giờ tướng nhà Minh là Thái Phúc đóng ở thành ấy. Khi vua Lê Thái Tổ khởi binh từ huyện Đỗ Giai (tức là huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh) Thái Phúc ra cự trận bị giết. Vua Lê Thái Tổ cho là Trung Nghĩa, gọi ngọn núi ấy là Tuyên Nghĩa Sơn (Hà Nội, Nguyễn Quang Lục, trang 154).

Lại có quyển «Phương Đình Địa Dư chí Loại» của Nguyễn văn Siêu bắt thuyết trên và cho rằng:

«Nhà Nguyên lúc mới nhập đế, Trung Quốc sai ngay Nguyên Lương, Sĩ Hành đến châu Bằng Tường tìm hỏi không thấy dấu vết gì hoặc là ta dấu biết rõ vẫn không chịu báo thữ. Đường đời nhà Trần, đất Tượng Sâm còn mất vào nước Xiêm thực không thể biết được. Ở tỉnh Nghệ An tương truyền ở huyện Hưng Nguyên có dấu vết cột đồng, khi quân Minh xâm lăng mới đào bỏ đi, hiện nay vẫn còn hỏ cũ. Sách Nhất Thống Chí đời Minh đời

Thanh hãy còn báo huyện là những lời truyền văn, là họa lại bảo là chỗ Mã Tổng sau thì cũng không, xét kỹ chuyện có chép: «năm niên hiệu Nguyên Hòa Đường, Mã Tổng làm An đô hộ, lại dân bằng lòng, cũng tự cho mình là con cháu Mã Viện, lấy 1.200 cân đồng đúc cột đồng dựng ở chỗ cũ của Mã Viện muốn rõ là con cháu Mã Ba, thế thì ở Hưng Nguyên không phải là chỗ cũ của Mã Viện. (Phương Đình Địa Chí Loại, bản dịch của Ngô Văn Nghia trang 114).

Nhà văn Nguyễn Quang cũng bài bác trong sách «Hà» như sau:

Thực ra thì người ta

REGAST.

TRỊ CÁC CHỨNG Đ
VÀ LỖ LOẾT BAO

đồng Mã Viện ở nơi

Nhâm Thân (1272), năm hiệu Thiệu Long đời Tống nhà Trần có viên trong là viên Khâm Sai Nguyên, sang ta hỏi cột đồng xưa. Ngô Phu được cử ra tiếp sứ, ông cột đồng Mã Viện vì không còn biết ở chỗ

Ất Dậu (1315), năm thứ Thiệu Phong đời Dụ Trần. Nguyên Đế sai Sĩ Hành sang hỏi chỗ cũ đồng. Phạm Sự Mạnh sang Tàu để biện luận nói sau cho trôi rằng cột đầu là di tích cột đồng

được. Vì sự tương quan giữa 2 dân tộc vào cuối thế kỷ 13 và đầu thế kỷ 14 chỉ là một cuộc ngoại giao đứt đoạn.

Lại hơn nữa, rất có thể vua quan ta xem cây cột đồng của Mã Viện là điều nhục nên dù có biết đi nữa cũng không chỉ. Ai lại phơi cái nhục của mình ra cho kẻ địch xem bao giờ. Và một lẽ nữa là từ đời Mã Viện (44) đến đời Trần (1272 và 1315) đã trải qua một thời gian rất dài, và trong thời gian này, có thể trụ đồng đã mất tích.

Như thế ta có thể kết luận tạm thời rằng: Thuyết Trụ Đồng của Mã Viện ở núi Đồng Trụ là đúng.



L.T.S. — Trên đây chỉ là những tài liệu để khảo cứu mà thôi. Chúng tôi đã đăng những tài liệu khác chứng tỏ rằng cột đồng của Mã Viện dựng trên biên giới Việt Hoa.

P.T.



★ **Mặt Khải, The Prophet.**

Tác Giả : Kahlil Gibran

Dịch Giả : Phạm Bích Thủy.

Kahlil Gibran là một Thi Sĩ của xứ Liban, vùng Trung Đông (1883-1931). Đây là một «thông điệp» của nhà thơ Kiềm triết học, về các vấn đề sinh tử, tình yêu, tôn giáo, v.v..

Nhà X. B. Non Nước. saigon Giá 100 đ.

★ **Qê Hương.**

Của Nguyễn ngu Í. Tập san văn nghệ Tập A. Núi Cù Hòn Bà xuất bản. Không đề giá bán.

★ **Như nước trong nguồn**

Thơ của Thần thị Tuệ Mai Nguyệt San Văn Uyển, số 11, tháng 3-1969 Giá 30 đ.

MỌI NƠI

TRONG MỌI GIA ĐÌNH



trời ngọt CON CỌP mỗi chai
nguồn vui mạnh kéo dài tuổi Xuân

Nhà hàng Đại-La-Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31 — 33 đường Lãng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- ★ Có máy điều hòa không khí

Ở lâu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Gần đến kinh kỳ, Bần thần đã dượt hay là đang hành
kinh mà đau bụng, uống Lối Công Hoàn « Ông Tiên ». Các tiệm
thuốc có Bắc bán lẻ. Nhà thuốc Ông Tiên » Phú-Lâm Cholon.
K.N.BYT. số 9-5-63

Phong ngứa Ghẻ chốc, lở loét, gầu tới đầu ăn lan to
đó không phải thoa phết sứt sai ngoài da mà hết. Uống Gia
phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên » Trên 30 năm danh
tiếng. Có bán lẻ ở các tiệm thuốc Bắc.

Nhà thuốc Ông Tiên Phú-Lâm, Cholon
(K.N. BYT. số 3-9-5-63)

Bưu-phieu hay thư từ tiền bạc xin đề :

Ô. NGÔ-QUANG-PHƯỚC

TY QUẢN-LÝ TẠP-CHÍ PHỒ-THÔNG

231 Phạm-ngũ-Lão Saigon

Giấy phép số 292 CDVITTING ngày 9-10-1961

Chủ-nhiệm : NGUYỄN-VỸ

THƯ LÂM AN THƯ QUÁN
231, Phạm-Ngũ Lão — SAIGON
Đ.T. : 25.861

GIÁ : 30 đồng
Công số : gấp đôi